

**NGÂN HÀNG TMCP  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **5948**/VCB-CL&TKHĐQT  
v/v CBTT Báo cáo thường niên 2023

Hà Nội, ngày **17** tháng 04 năm 2024

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

### **1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam**

Mã chứng khoán: **VCB**

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 – 9343137

Fax: 0243 - 8251322

Email: [cltkhdqt.ho@vietcombank.com.vn](mailto:cltkhdqt.ho@vietcombank.com.vn).

### **2. Nội dung thông tin công bố:**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2023.

### **3. Thông tin này được đăng tải lên website của Ngân hàng kể từ ngày 17/04/2024 tại đường dẫn:**

<https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
  - TV HĐQT (để b/c);
  - TV BĐH (để biết);
  - Lưu: CL&TKHĐQT.
- Tài liệu đính kèm:**
- Báo cáo thường niên 2023



**Phùng Nguyễn Hải Yên**



# Tiên phong dẫn lối Kiến tạo tương lai

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

# MỤC LỤC

## I — GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Thông điệp của Ban lãnh đạo Vietcombank	6	10 dấu ấn tiêu biểu của Vietcombank trong năm 2023	20
Thông tin khái quát	10	Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	26
Giới thiệu Vietcombank	12	Các chỉ số tài chính cơ bản	28
Lịch sử hình thành và phát triển	14	Định hướng phát triển	30
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	18	Giải thưởng của Vietcombank năm 2023	36

## II — BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN ĐIỀU HÀNH

Tình hình tài chính	52	Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2024	64
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	54	Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	66
Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	56		
Đánh giá kết quả hoạt động năm 2023	60		

## III — TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Tổ chức & Nhân sự	76
Hội đồng Quản trị	78
Ban Điều hành	81
Giám Đốc Khối	83
Ban Kiểm soát	85
Kế Toán Trưởng	85

## IV — QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị Công ty	88
Quản trị rủi ro	96
Mạng lưới hoạt động	104

## V — BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng quan về phát triển bền vững	114
Các nội dung về phát triển bền vững	120
Các hoạt động an sinh xã hội	138

## VI — BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về ngân hàng	144	Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	150
Báo cáo của Ban Điều hành	147	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	154
Báo cáo kiểm toán độc lập	148	Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	156
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	149		



Bước sang năm 2024, tình hình thế giới và trong nước được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; thuận lợi và thời cơ đan xen với khó khăn và thách thức. Quán triệt phương châm hành động “**Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững**” và quan điểm chỉ đạo điều hành “**Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo**”, Vietcombank sẽ tiếp tục tập trung thực hiện 6 đột phá chiến lược và 3 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đặt ra, đưa Vietcombank phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả, từng bước vươn tầm khu vực và thế giới.

Thành viên PT HĐQT  
**Đỗ Việt Hùng**



## THÔNG ĐIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIETCOMBANK

**>1,84 TRIỆU TỶ ĐỒNG**  
**TỔNG TÀI SẢN**

**~41.244 TỶ ĐỒNG**  
**LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ, TĂNG ~10% SO VỚI 2022**

Năm 2023, kinh tế thế giới suy yếu do chính sách thắt chặt tiền tệ trên phạm vi toàn cầu. Xung đột địa chính trị Nga - Ucraina kéo dài và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, đặc biệt việc Nga không gia hạn thỏa thuận ngũ cốc Biển Đen hết hạn vào ngày 17/07/2023 đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn cung ngũ cốc toàn cầu. Xung đột Israel - Hamas bắt ngờ bùng phát và có nguy cơ lan rộng, lôi kéo sự tham gia của nhiều bên, đe dọa an ninh các tuyến hàng hải huyết mạch như kênh đào Suez, khu vực Biển Đỏ và vịnh Aden, thách thức các chuỗi cung ứng toàn cầu vốn còn mong manh sau đại dịch Covid-19.

Với đặc thù là một nền kinh tế quy mô nhỏ, có độ mở cao, khả năng chống chịu rủi ro hạn chế, Việt Nam không thể tránh khỏi những tác động tiêu cực từ bên ngoài bên cạnh những điểm yếu nội tại của nền kinh tế. GDP tăng trưởng thấp hơn mục tiêu đề ra, xuất nhập khẩu suy giảm, thị trường bất động sản, thị trường trái phiếu phục hồi chậm, khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp và nền kinh tế bị suy giảm, nợ xấu của hệ thống ngân hàng có xu thế tăng cao.

Trong bối cảnh khó khăn, thách thức chung đó, Vietcombank tiếp tục khẳng định vững chắc vị trí dẫn đầu ngành ngân hàng về chất lượng và hiệu quả hoạt động. Đến ngày 31/12/2023, tổng tài sản đạt hơn 1,84 triệu tỷ đồng, dư nợ tín dụng đạt ~1,28 triệu tỷ đồng, tăng 10,8% so với cuối năm 2022. Lợi nhuận trước thuế thiết lập kỷ lục mới, đạt ~ 41.244 tỷ đồng, tăng ~10% so với năm 2022. Nợ xấu được kiểm soát ở mức 0,99% - thấp nhất trong số các Tổ chức tín dụng quy mô lớn, tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng đạt ~227%, thuộc nhóm cao nhất thị trường.

Với quyết tâm và nỗ lực, bản lĩnh và trí tuệ của gần 23.5 nghìn cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống cùng với bề dày văn hóa “Tín – Chuẩn – Mới – Bền – Nhân” liên tục được bồi đắp qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, Vietcombank chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển lên một tầm cao mới, xứng đáng với sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành của hàng chục triệu quý khách hàng, hàng chục nghìn quý cổ đông và hàng nghìn đối tác trong và ngoài nước.

Tổng giám đốc  
**Nguyễn Thanh Tùng**



# THÔNG điệp CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIETCOMBANK

HƠN

**11.600** TỶ ĐỒNG

**ĐÓNG GÓP LỚN NHẤT CHO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**TOP 100**

**NGÂN HÀNG CÓ QUY MÔ VỐN HÓA LỚN NHẤT TOÀN CẦU**

Vietcombank tiếp tục là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước (hơn 11.600 tỷ đồng), lần thứ 8 liên tiếp được đánh giá là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam, lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh là doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động. Không chỉ vững vàng ở vị trí doanh nghiệp niêm yết lớn nhất Việt Nam, Vietcombank đã được ghi danh trong 100 ngân hàng có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu (~19 tỷ USD).

Đặc biệt, trong năm 2023, Vietcombank đã vinh dự được Đảng và Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý Anh hùng Lao động nhân kỷ niệm 60 năm thành lập (01/04/1963-01/04/2023) để ghi nhận những đóng góp bền bỉ của Vietcombank cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong suốt hơn 6 thập kỷ qua.

Bước sang năm 2024, tình hình thế giới và trong nước được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; thuận lợi và thời cơ đan xen với khó khăn và thách thức. Quán triệt phương châm hành động “Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững” và quan điểm chỉ đạo điều hành “Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo”, Vietcombank sẽ tiếp tục tập trung thực hiện 6 đột phá chiến

lược và 3 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đặt ra, đưa Vietcombank phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả, từng bước vươn tầm khu vực và thế giới. Đặc biệt, trong năm 2024 và các năm tiếp theo, Vietcombank sẽ ưu tiên nguồn lực, tiếp tục triển khai quyết liệt chương trình hành động chuyển đổi để tạo dựng năng lực, nền tảng số vững chắc cho hành trình chuyển đổi, từng bước chuyển đổi mô hình kinh doanh, mang lại trải nghiệm số vượt trội cho khách hàng.

Với quyết tâm và nỗ lực, bản lĩnh và trí tuệ của gần 23.5 nghìn cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống cùng với bề dày văn hóa “Tín – Chuẩn – Mới – Bền – Nhân” liên tục được bồi đắp qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, Vietcombank chắc chắn sẽ tiếp tục phát triển lên một tầm cao mới, xứng đáng với sự tin tưởng, ủng hộ và đồng hành của hàng chục triệu quý khách hàng, hàng chục nghìn quý cổ đông và hàng nghìn đối tác trong và ngoài nước.

**Vietcombank,  
chung niềm tin – vững tương lai**

# THÔNG TIN KHÁI QUÁT



## TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt:  
**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI  
THƯƠNG VIỆT NAM.**

Tên công ty bằng tiếng Anh:  
**JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN  
TRADE OF VIET NAM.**

Tên giao dịch:  
**VIETCOMBANK**

Tên viết tắt:  
**VIETCOMBANK**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23/05/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

## GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp:  
**0100112437**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (đăng ký lần đầu), cấp đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024.

## VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU): 55.890.912.620.000 ĐỒNG

Bằng chữ: Năm mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi tỷ chín trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng.

## MÃ CỔ PHIẾU: VCB

Mệnh giá cổ phần:  
**10.000 đồng**

Tổng số cổ phần:  
**5.589.091.262**

Địa chỉ:  
**198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận  
Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam**

Số điện thoại:  
**84 - 24 - 3934 3137**

Fax:  
**84 - 24 - 3826 9067**

Website:  
**www.vietcombank.com.vn**

# GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trước đây, nay là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/04/1963 với tổ chức tiền thân là Sở Quản lý Ngoại hối Trung ương (thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam).

Là ngân hàng thương mại nhà nước đầu tiên được Chính phủ lựa chọn thực hiện thí điểm cổ phần hoá, Vietcombank chính thức hoạt động với tư cách là một ngân hàng thương mại cổ phần vào ngày 02/06/2008 sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 30/6/2009, cổ phiếu Vietcombank (mã chứng khoán VCB) chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước, phát huy tốt vai trò của một ngân hàng đối ngoại chủ lực, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế trong nước, đồng thời tạo những ảnh hưởng quan trọng đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu.

Từ một ngân hàng chuyên doanh phục vụ kinh tế đối ngoại, Vietcombank ngày nay đã trở thành một ngân hàng đa năng, hoạt động đa lĩnh vực, cung cấp cho khách hàng đầy đủ các dịch vụ tài chính hàng đầu trong lĩnh vực thương mại quốc tế; trong các hoạt động truyền thống như kinh doanh vốn, huy động vốn, tín dụng, tài trợ dự án... cũng như mảng dịch vụ ngân hàng hiện đại: kinh doanh ngoại tệ và các công vụ phái sinh, dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử.

Sở hữu hạ tầng kỹ thuật ngân hàng hiện đại với việc chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) vào đầu năm 2020, Vietcombank có nhiều lợi thế trong ứng dụng công nghệ tiên tiến vào xử lý tự động các dịch vụ ngân hàng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử dựa trên nền tảng công nghệ cao. Không gian giao dịch công nghệ số cùng các dịch vụ ngân hàng số đa tiện ích cung cấp cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp như: VCB Digibank, VCB - iBanking, VCB CashUp, VCB DigiBiz... đã, đang và sẽ tiếp tục thu hút đông đảo khách hàng bằng sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn, hiệu quả, tạo thói quen thanh toán không dùng tiền mặt cho đông đảo khách hàng.

Sau hơn nửa thế kỷ hoạt động trên thị trường, Vietcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam. Vietcombank hiện có hơn 600 chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị thành viên trong và ngoài nước gồm: 1 Trụ

sở chính tại Hà Nội; 130 Chi nhánh; 517 phòng giao dịch; 04 Công ty con ở trong nước (Công ty cho thuê tài chính, Công ty chứng khoán, Công ty kiều hối, Công ty cao ốc Vietcombank 198); 03 Công ty con ở nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong, Công ty chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ, Ngân hàng con tại Lào); 01 Văn phòng đại diện tại TP. HCM; 01 Văn phòng đại diện tại Singapore, 01 Văn phòng đại diện tại Mỹ; 03 Đơn vị sự nghiệp: Trường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hà Nội và 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại TP. HCM; 03 Công ty liên doanh, liên kết. Về nhân sự, Vietcombank hiện có gần 23.500 cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, Vietcombank còn phát triển một hệ thống Autobank với hơn 2.500 máy ATM và trên 60.000 đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ trên toàn quốc. Hoạt động ngân hàng còn được hỗ trợ bởi mạng lưới 1.163 ngân hàng đại lý tại 93 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Với bề dày hoạt động và đội ngũ cán bộ có năng lực, nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại, mang tính hội nhập cao, Vietcombank luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn và của đông đảo khách hàng cá nhân.

Vietcombank đã từng bước khẳng định và củng cố vững chắc vị thế ngân hàng tiên phong, không ngừng đổi mới sáng tạo trong mọi mặt hoạt động, dẫn đầu về hiệu quả và có chất lượng hoạt động tốt nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đến nay, tổng tài sản Vietcombank đã đạt trên 1,8 triệu tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế vượt mốc 1,5 tỷ USD. Với quy mô vốn hóa ~ 20 tỷ USD, Vietcombank đã ghi tên mình vào danh sách 100 ngân hàng niêm yết lớn nhất thế giới theo quy mô vốn hóa (theo xếp hạng của Reuter). Vietcombank cũng vinh dự được các

tổ chức uy tín trên thế giới tôn vinh với danh hiệu "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam" liên tục trong nhiều năm qua; được 03 tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế uy tín nhất thế giới gồm S&P, Fitch Ratings, Moody's xếp hạng ở mức cao nhất trong các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Trong nước, Vietcombank vinh dự là ngân hàng duy nhất lần thứ 8 liên tiếp đạt "Thương hiệu quốc gia"; được bình chọn là "Ngân hàng nộp thuế lớn nhất Việt Nam" và "Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam".

Nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập (01/04/1963 - 01/04/2023), Vietcombank vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

**Bằng trí tuệ và tâm huyết, các thế hệ cán bộ Vietcombank đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để xây dựng Vietcombank phát triển ngày một bền vững, với định hướng đến năm 2030 là giữ vững vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam, trở thành một trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.**



# LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

60 năm qua, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tham gia khắc phục, tháo gỡ khó khăn trong thời kỳ bao cấp; là ngân hàng tiên phong trong giai đoạn đổi mới, hội nhập và phát triển.

Đặc biệt, 10 năm gần đây đánh dấu sự chuyển mình, bứt phá đầy ngoạn mục của Vietcombank với sự tăng trưởng hết sức ấn tượng về quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh doanh, thiết lập đỉnh cao cùng những thành công tiếp nối, mở ra vận hội lớn trong giai đoạn phát triển kế tiếp, đóng góp cho sự thịnh vượng chung của Việt Nam.

**1955** Ngày 20/01/1955, Thành lập Sở Quản lý Ngoại hối Trung ương thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam – tiền thân của Vietcombank

**1963** Ngày 1/4/1963, Chính thức đi vào hoạt động (theo Nghị định số 115/CP ngày 30/10/1962 của Chính phủ)

**1965** Từ tháng 4/1965 – 04/1975, Trực tiếp tham gia vận hành con đường tiền tệ (mật danh B29), tiếp nhận và “chế biến” tiền từ nước ngoài, đưa về trong nước quản lý và tiếp viện cho cách mạng miền Nam

**1975** Từ tháng 04/1975 – 1987, Tham gia tiếp quản hệ thống ngân hàng cũ, kế thừa quyền hội viên của Việt Nam tại các tổ chức tài chính quốc tế; tham gia xử lý nợ quốc gia, chống cấm vận; đảm nhận thành công vai trò ngân hàng duy nhất nắm giữ độc quyền trên ba phương diện: ngoại tệ, tín dụng xuất nhập khẩu và thanh toán giao dịch quốc tế.

**1987** Là ngân hàng thương mại duy nhất được phép phát hành các Phiếu đồng Việt Nam gốc ngoại tệ, góp phần thực hiện quản lý đồng bộ đối với việc sử dụng, chi tiêu ngoại tệ

**2000** Từ năm 2000 – 2005, tiên phong xây dựng, thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu và hiện đại hóa ngân hàng.

**2008** 2/6/2008, Chính thức chuyển đổi thành ngân hàng thương mại cổ phần sau khi tiên phong cổ phần hóa, phát hành thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO) năm 2007

**2009** 30/06/2009, Cổ phiếu VCB chính thức được niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE)

**2011** 30/09/2011, Ký kết hợp đồng cổ đông chiến lược với Mizuho Corporate Bank thuộc Tập đoàn Tài chính Mizuho, Nhật Bản

**2013** 31/03/2013, Ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới cùng Slogan “Chung niềm tin – Vững tương lai”



# LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

**2016** Ngày 01/12/2016, Ban hành Chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2020. Năm 2016, Vietcombank đã lấy lại vị trí số 1 về lợi nhuận

**2018** Ngày 19/10/2018, Khai trương hoạt động Vietcombank tại Lào.

Ngày 28/11/2018, Trở thành ngân hàng đầu tiên được Ngân hàng Nhà nước chính thức trao quyết định số 2315/QĐ-NHNN chấp thuận áp dụng Basel II theo Thông tư 41 từ ngày 01/01/2019, sớm trước 1 năm so với thời hạn quy định.

**2019** Ngày 1/11/2019, Ra mắt văn phòng đại diện tại Mỹ.

Trở thành ngân hàng Việt Nam đầu tiên có lợi nhuận đạt mốc 1 tỷ USD.

Ngày 12/11/2019, Ký kết hợp đồng phân phối bảo hiểm với Công ty bảo hiểm FWD có giá trị lớn nhất trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ tính đến thời điểm ký kết

**2020** Ngày 27/01/2020, Golive thành công hệ thống ngân hàng lõi Core banking

**2020** Từ 2020 - nay, Vững vàng vượt qua đại dịch Covid-19, Vietcombank khẳng định vững chắc vị trí số 1 Việt Nam trên nhiều phương diện, thuộc danh sách 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu theo Reuter

**ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN 2030** Giữ vững vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam

Một trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới

Một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu

Đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

# NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Dịch vụ huy động vốn

Dịch vụ cho vay

Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác

Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng

Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế

Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng

Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ

Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật

Dịch vụ ngân hàng đại lý

Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định

Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh



## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tính đến 31/12/2023, Vietcombank hiện có

**517** PHÒNG GIAO DỊCH

**126** CHI NHÁNH

**58/63** TỈNH THÀNH

**1.163** NGÂN HÀNG ĐẠI LÝ

Hà Nội có 16 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 12,7%

Đồng bằng sông Hồng có 19 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 15,1%

Trung du và miền núi phía Bắc có 10 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 7,9%

Bắc và Trung Trung bộ có 17 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 13,5%

Nam Trung bộ và Tây Nguyên có 14 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 11,1%

TP.HCM có 18 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 14,3%

Tây Nam Bộ có 17 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 13,5%

Đông Nam Bộ có 15 Chi nhánh, chiếm tỷ lệ 11,9%



Tính đến 31/12/2023, VCB thiết lập và duy trì quan hệ ngân hàng đại lý với 1.163 ngân hàng tại 93 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

# 10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2023

## 01

Kỷ niệm 60 năm thành lập, vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý "Anh hùng Lao động"



Đ/c Phạm Minh Chính - Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (thứ 4 từ phải sang) trao tặng Bằng khen và cờ danh hiệu Anh hùng Lao động cho lãnh đạo Vietcombank

Tháng 3/2023, nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập (01/04/1963 - 01/04/2023), với những thành tích đặc biệt xuất sắc đã đạt được, Vietcombank đã vinh dự được trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động. Đây chính là sự ghi nhận, đánh giá cao của Đảng, Nhà nước đối với những nỗ lực bền bỉ, những cống hiến quan trọng của Vietcombank với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong suốt 60 năm qua.

Chuỗi hoạt động kỷ niệm Vietcombank 60 năm và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động được triển khai rộng khắp trên toàn hệ thống, kết nối nội bộ, khách hàng, công chúng với nhiều hoạt động ý nghĩa và đặc sắc như: Giải chạy "Vạn trái tim - Một niềm tin", Cuộc thi "Vietcombank 60 năm: Lan tỏa tự hào - Khát khao cống hiến", Chương trình hòa nhạc "Kiệt tác thời gian", Hội thao VCB "Kết nối sức mạnh - Bứt phá thành công", Chương trình

hiến máu nhân đạo "Trao giọt hồng - Trao yêu thương", Ra mắt Quỹ "Vững tương lai" dành cho học sinh, sinh viên nghèo, tài năng.

Đặc biệt, Lễ kỷ niệm và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động đã nhận được sự quan tâm sâu sắc của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Quốc hội; các Ban, Bộ, ngành, địa phương; đồng bào khách hàng, đối tác trong và ngoài nước. Đó là niềm vinh hạnh và nguồn cổ vũ, động viên to lớn để hệ thống Vietcombank tự tin vững bước chinh phục những đỉnh cao mới phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân và khách hàng của mình.

## 02

Tiên phong giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng, tích cực góp phần phục hồi và phát triển kinh tế



Ngay từ đầu năm 2023, Vietcombank đã triển khai hàng loạt chính sách thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế theo chỉ đạo của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước với các giải pháp đồng bộ: 10 lần giảm lãi suất huy động; Triển khai các chính sách giảm LSCV theo chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng nhà nước; Chủ động giảm lãi suất cho vay với các khoản vay hiện hữu và khoản vay mới để khách hàng có điều kiện tiếp cận nguồn vốn giá rẻ nhằm phục hồi sản xuất kinh doanh. Trong năm, Vietcombank đã triển khai 3 chính sách giảm lãi suất cho vay tới 0,5% (áp dụng từ 01/01/2023 - 31/12/2023); Chủ động triển khai hàng loạt chương trình cho vay với lãi suất thấp; Nỗ lực tiết kiệm chi phí hoạt động để có cơ sở giảm lãi suất cho vay, miễn/giảm phí

đối với khách hàng; Ban hành nhiều sản phẩm chuyên biệt, đáp ứng nhu cầu của khách hàng; Tích cực rà soát, phân tích quy định/quy trình/sản phẩm hiện hữu từ đó đề xuất cải tiến, tinh gọn các mẫu biểu trong quy định sản phẩm, giản hóa thủ tục quản lý ngoại hối.

Trong năm 2023, tổng số khách hàng được giảm lãi suất là gần 290.000 khách hàng với quy mô dư nợ hơn 1 triệu tỷ đồng, tổng số tiền lãi giảm cho khách hàng đạt ~5.800 tỷ đồng.

## 03

Ngân hàng đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước; được vinh danh đơn vị nộp thuế tiêu biểu giai đoạn 2020-2022. Tiếp tục dẫn đầu ngành ngân hàng về chất lượng và hiệu quả hoạt động kinh doanh



Với tiềm lực tài chính mạnh và hiệu quả kinh doanh vượt trội, Vietcombank luôn là doanh nghiệp niềm yết, ngân hàng có đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước.

Bên cạnh những đóng góp đó, Vietcombank luôn tuân thủ tốt các quy định pháp luật về thuế; vinh dự được Tổng cục Thuế lựa chọn là đơn vị phối hợp thu duy nhất đối với thu thuế hoạt động kinh doanh thương mại điện tử của các nhà cung cấp nước ngoài và là một trong hai NHTM đầu tiên hoàn thành tích hợp nộp thuế điện tử qua ứng dụng eTax Mobile.

Năm 2023 Vietcombank đã vinh dự được lựa chọn và vinh danh là Ngân hàng nộp thuế tiêu biểu giai đoạn 2020 - 2022.

## 04

Lần thứ tư liên tiếp được vinh danh "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động", lần thứ 8 liên tiếp được bình chọn là Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam



Với phương châm lấy người lao động làm trung tâm, những năm qua Vietcombank luôn dành sự quan tâm đặc biệt trong việc đảm bảo cho người lao động một môi trường làm việc nhân văn, hiệu quả, phát huy cao nhất năng lực, sở trường và nhiệt huyết của người lao động; luôn quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động; đảm bảo và không ngừng

gia tăng quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động; xây dựng mối quan hệ hài hòa, ổn định, tiến bộ, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Năm 2023, Vietcombank tiếp tục được vinh danh và nhận giải thưởng "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động" lần thứ tư liên tiếp. Đây là chương trình do Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ LĐTBXH, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Báo Lao động tổ chức.

Cũng trong năm 2023, Vietcombank lần thứ 8 liên tiếp được bình chọn là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam và trong Top 50 thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn với sinh viên Việt Nam theo bảng xếp hạng do Anphabe kết hợp với Công ty nghiên cứu thị trường Intage thực hiện.

# 10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2023

## 05

Là thương hiệu giá trị nhất tại VN. Vững vàng vị thế doanh nghiệp niêm yết lớn nhất Việt Nam, đứng thứ 93 trong số các ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hoá lớn nhất thế giới (~20 tỷ USD)



Năm 2023, Vietcombank tiếp tục duy trì vị thế cao trong các bảng xếp hạng của các tổ chức uy tín quốc tế như: là thương hiệu ngân hàng giá trị nhất tại Việt Nam do Brand Finance đánh giá; Ngân hàng tốt nhất Việt Nam do Alpha SEA bình chọn; "Đ dẫn đầu thị trường" và "Dịch vụ tốt nhất" Việt Nam thông qua khảo sát tài chính của Asia Money,

Ngân hàng chuyển đổi số tốt nhất và ngân hàng có quan hệ đầu tư tốt nhất do International Finance đánh giá. Trong nước, Vietcombank là ngân hàng dẫn đầu Top 10 ngân hàng thương mại uy tín 2023; 9 lần liên tiếp có mặt trong Top 10 thương hiệu mạnh Việt Nam; lần thứ 11 liên tiếp Vietcombank có mặt trong "Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất" do Forbes Việt Nam xếp hạng. cùng rất nhiều giải thưởng và vinh danh khác của các Bộ/Ngành và tổ chức/đơn vị trong và ngoài nước.

Đặc biệt với quy mô vốn hóa lên tới trên 20 tỷ USD, Vietcombank tiếp tục có mặt trong Top 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu, và đứng thứ 93 tại thời điểm cuối năm 2023.

## 06

Là thương hiệu giá trị nhất tại VN. Vững vàng vị thế doanh nghiệp niêm yết lớn nhất Việt Nam, đứng thứ 93 trong số các ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hoá lớn nhất thế giới (~20 tỷ USD)



Ngày 17/07/2023, Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) công bố danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số phát triển bền vững VNSI (Vietnam Sustainability Index) có hiệu lực từ ngày 07/08/2023. Theo đó, Vietcombank là một trong 20 cổ phiếu được đánh giá có chỉ số phát

triển bền vững tốt nhất thị trường. Đây là sự ghi nhận đối với những nỗ lực không ngừng nghỉ của Vietcombank đồng hành cùng Chính phủ thực hiện chiến lược phát triển bền vững, đề cao tính minh bạch, trách nhiệm và kiến tạo giá trị chung cho cộng đồng.

Chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 cũng đề cao yếu tố phát triển bền vững với mục tiêu Vietcombank trở thành ngân hàng xanh dẫn đầu về ESG. Việc "xuất hiện" trong nhóm 20 doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường chứng khoán năm 2023 là bước đi đầu tiên hiện thực hoá định hướng phát triển dài hạn đó.

## 07

Hoàn thiện chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 với tầm nhìn vươn tầm khu vực và thế giới, đi đầu trong chuyển đổi số và lấy khách hàng làm trung tâm



Trong năm 2023, Vietcombank đã triển khai và hoàn thành dự án rà soát chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Đây là dự án có ý nghĩa đặc biệt quan trọng và hết sức cấp thiết, giúp Vietcombank hoạch định phương hướng phát triển dài hạn, xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai toàn diện. Chiến lược đề ra 6 mục tiêu cấp 1, 17 mục tiêu cấp 2, định hướng của 10 khối/mảng hoạt động với 36 sáng kiến mang tính phần đầu cao nhằm nắm bắt các cơ hội, khẳng định vị thế tiên phong, hiện thực hóa khát vọng vươn tầm thế giới: là tập đoàn tài chính lớn nhất Việt Nam, một trong 200 tập đoàn tài chính lớn nhất thế giới, một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

## 08

Kiện toàn nhân sự quản lý cấp cao, tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức



Đ/c Nguyễn Thị Hồng - Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Ban cán sự Đảng, Thống đốc NHNN trao Quyết định và tặng hoa chúc mừng Đ/c Phạm Quang Dũng

Năm 2023, bộ máy nhân sự cấp cao của Vietcombank có sự thay đổi và bổ sung quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong việc nâng cao chất lượng công tác quản trị điều hành, mang lại hiệu quả cao cho Vietcombank trên nhiều mặt hoạt động. Tháng 1/2023: Đ/c Nguyễn Thanh Tùng được bầu là Thành viên HĐQT và được bổ nhiệm giữ cương vị Tổng Giám đốc; tháng 4/2023, HĐQT, BKS VCB nhiệm kỳ 2023 - 2028 được ĐHQĐ bầu; tháng 8/2023, Đ/c Lê Hoàng Tùng và Đ/c Hồ Văn Tuấn được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc; tháng 11/2023, Đ/c Nguyễn Thị Kim Oanh được bầu bổ sung vào HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028; tháng 12/2023, Đ/c La Thị Hồng Minh được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng VCB. Bên cạnh đó, Vietcombank cũng đã kiện toàn một số nhân sự Giám đốc Khối như Giám đốc Khối CNTT&CDS, Giám đốc chuyển đổi, Giám đốc Khối Pháp chế & tuân thủ, Giám đốc Khối Bán lẻ.

# 10 DẤU ẤN TIÊU BIỂU CỦA VIETCOMBANK NĂM 2023

## 09

Được lựa chọn là ngân hàng thu xếp vốn cho nhiều dự án trọng điểm quốc gia



Lễ ký kết Hợp đồng tín dụng trung dài hạn trị giá 4.000 tỷ đồng giữa PV POWER và Vietcombank

Trong năm 2023, phát huy vai trò của một ngân hàng chủ đạo, chủ lực, Vietcombank đã đầu mối thu xếp vốn cho hàng loạt các dự án trọng điểm và trọng điểm quốc gia, tái cấu trúc tài chính nhằm tối ưu hóa chi phí vốn cho khách hàng.

- Tài trợ dự án Long Thành phần 3 thuộc "Dự án đầu tư xây dựng Cảng HKQT Long Thành - Giai đoạn 1" do TCT Cảng Hàng Không Việt Nam - ACV làm chủ đầu tư với tổng mức đầu tư của dự án trên 99 nghìn tỷ đồng, giá trị hợp đồng tín dụng do Vietcombank đầu mối thu xếp vốn trong nước và quốc tế là 1,8 tỷ USD.
- Thu xếp vốn cho các dự án thành phần của chuỗi dự án khí điện Lô B - Ô Môn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tổng mức đầu tư của chuỗi dự án gần 12 tỷ USD.
- Tài trợ dự án nhà máy điện Nhơn Trạch 3,4 với tổng mức đầu tư gần 30 nghìn tỷ đồng, giá trị hợp đồng tín dụng Vietcombank đầu mối thu xếp là 4 nghìn tỷ đồng.

## 10

Là thương hiệu giá trị nhất tại VN. Vững vàng vị thế doanh nghiệp niêm yết lớn nhất Việt Nam, đứng thứ 93 trong số các ngân hàng niêm yết có qui mô vốn hoá lớn nhất thế giới (~20 tỷ USD)



Với mong muốn được đóng góp cho sự phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam và phát huy kinh nghiệm xây dựng và phát triển các hệ thống thanh toán trong ngân hàng, Vietcombank đã chủ động xây dựng hệ thống ngân hàng thanh toán chuyên biệt (VCB C-Bond) dành cho thị trường trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ.

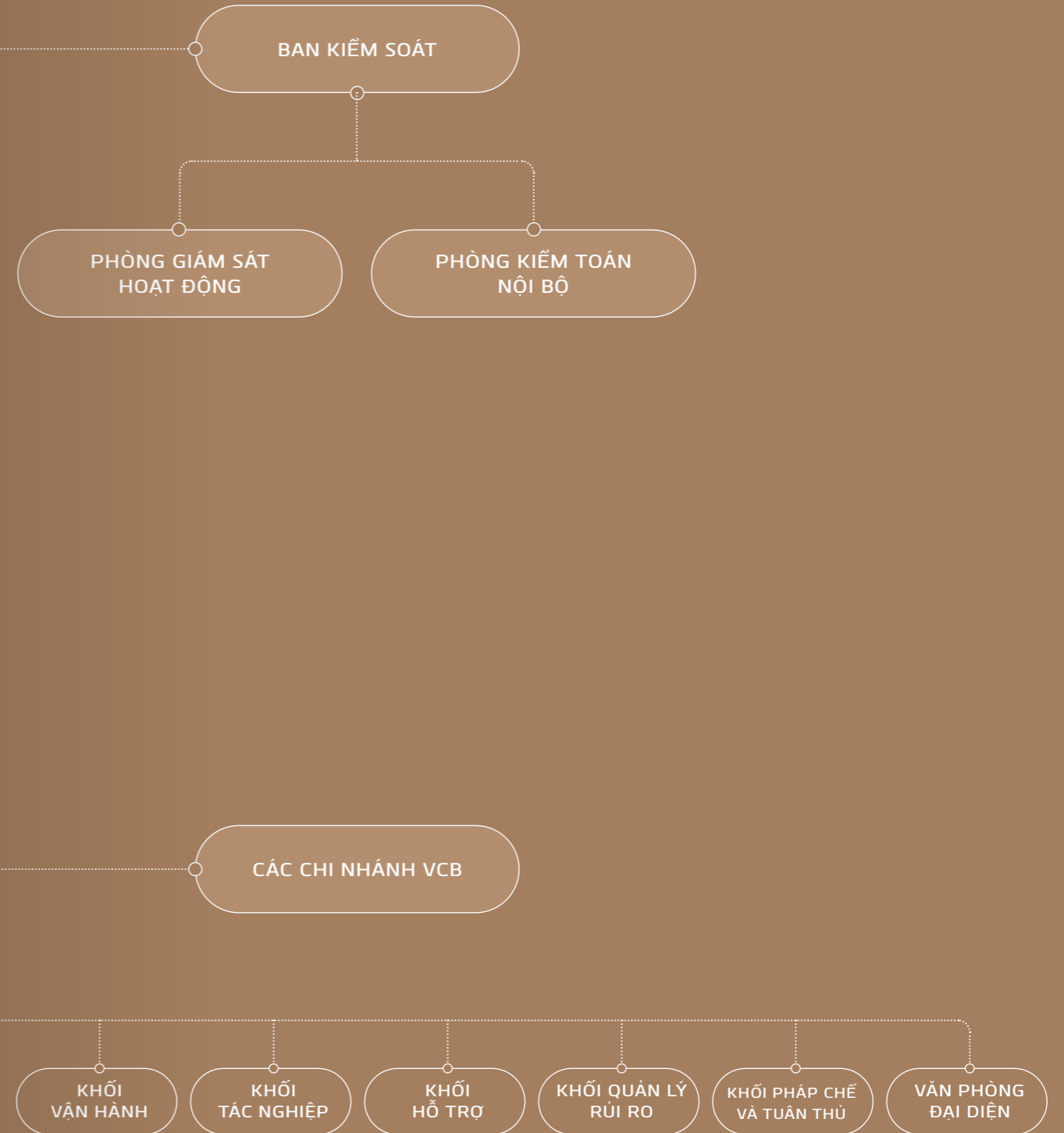
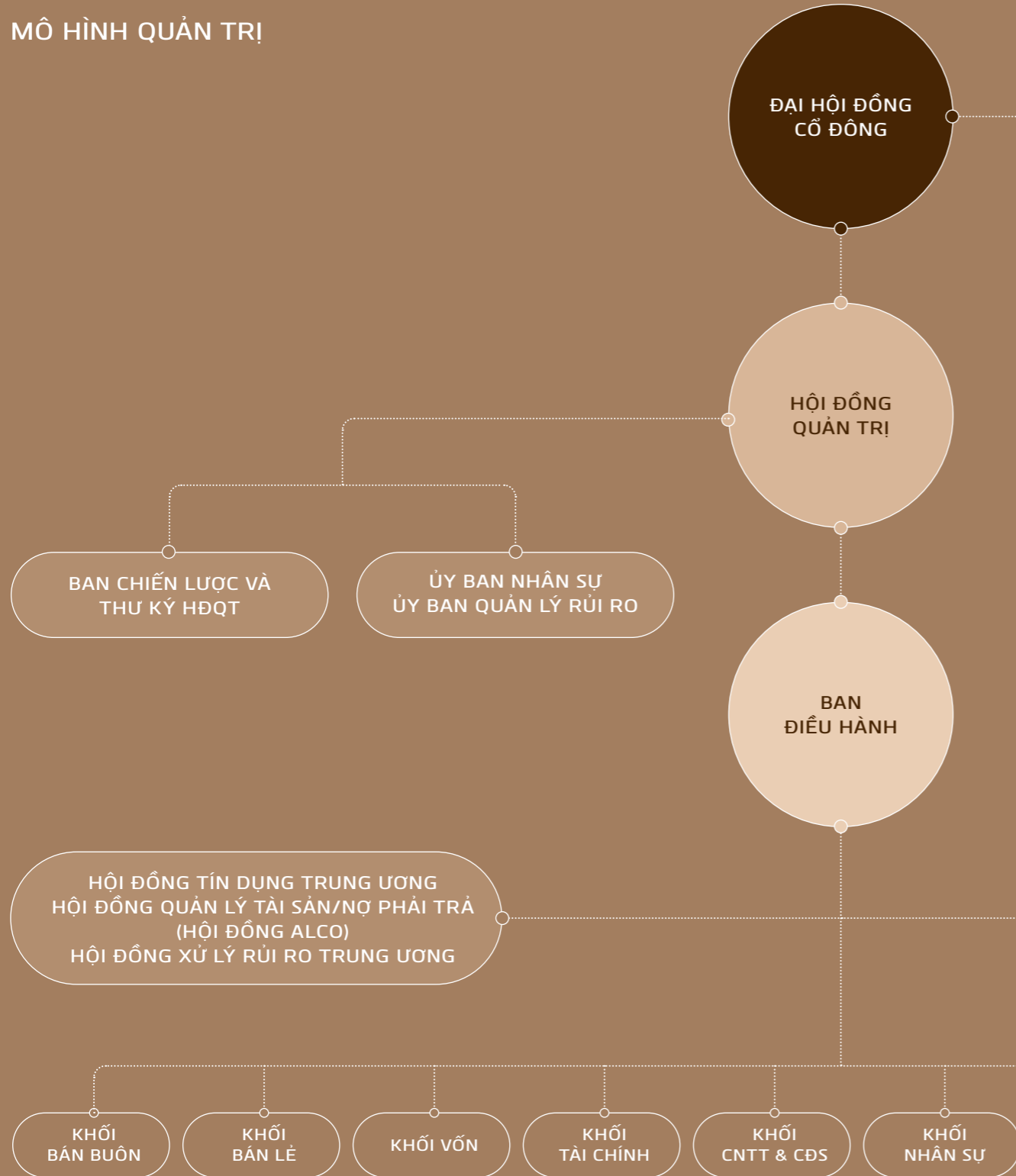
Hệ thống ngân hàng thanh toán chuyên biệt này của Vietcombank đáp ứng yêu cầu thanh toán tức thời, từng giao dịch, kiểm soát thông tin số dư tiền mua, bán trái phiếu tới từng nhà đầu tư. Đây là yếu tố mới, vượt trội, tạo điều kiện cho dòng vốn của nhà đầu tư được luân chuyển nhanh, các thông tin thị trường được quản lý minh bạch, hiệu quả.

Hệ thống này cũng chú trọng ưu tiên phương thức kết nối host-to-host qua API giữa Vietcombank với Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cũng như các thành viên tham gia thị trường, đảm bảo giao dịch được thực hiện nhanh chóng, an toàn và bảo mật.

Năm 2023, Vietcombank cũng ghi nhiều dấu ấn với việc ra mắt hàng loạt sản phẩm dịch vụ, ứng dụng nổi trội: giới thiệu Apple Pay đến người dùng Việt Nam, một phương thức thanh toán hiện đại, đột phá về tính tiện lợi và an toàn chỉ với thao tác chạm nhẹ vào thiết bị thanh toán có biểu tượng contactless thông qua các thiết bị của Apple gồm iPhone, Apple Watch.; Đặc biệt, năm 2023 thị trường cũng được chào đón 1 sản phẩm thẻ chuyên biệt là Thẻ tín dụng cao cấp Vietcombank Visa Infinite dành cho đối tượng khách hàng thuộc phân khúc Kim cương Elite - phân khúc khách hàng cao cấp nhất của Vietcombank Priority. Với rất nhiều đặc quyền vượt trội, đa dạng các lĩnh vực như du lịch, ẩm thực, golf, chăm sóc sức khỏe..., thẻ Vietcombank Visa Infinite đem đến những trải nghiệm độc bản cùng những khoảnh khắc tận hưởng đáng nhớ cho khách hàng và người thân.

# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



# CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

NỘI DUNG	2022	2023
<b>Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh</b>		
Tổng tài sản	1.813.815	1.839.613
Vốn chủ sở hữu	135.646	165.013
Cho vay khách hàng/TTS	63,1%	69,1%
Thu nhập thuần từ lãi	53.246	53.621
Thu nhập ngoài lãi thuần	14.836	14.103
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	68.083	67.723
Tổng chi phí hoạt động	-21.251	-21.915
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	46.832	45.809
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-9.464	-4.565
Lợi nhuận trước thuế	37.368	41.244
Thuế TNDN	-7.449	-8.189
Lợi nhuận sau thuế	29.919	33.054
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng	29.899	33.033
<b>Một số chỉ tiêu an toàn và hiệu quả</b>		
<b>Chỉ tiêu hiệu quả</b>		
NIM	3,39%	3,00%
ROAE	24,44%	21,99%
ROAA	1,85%	1,81%
<b>Chỉ tiêu an toàn</b>		
Tỷ lệ dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)/huy động vốn TT1	91,12%	90,46%
Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định của NHNN (*)	73,9%	77,9%
Tỷ lệ nợ xấu	0,68%	0,99%
Hệ số an toàn vốn CAR	9,95%	11,39%

(\*) Tỷ lệ LDR được tính theo số liệu riêng lẻ tại ngày 29/12/2023



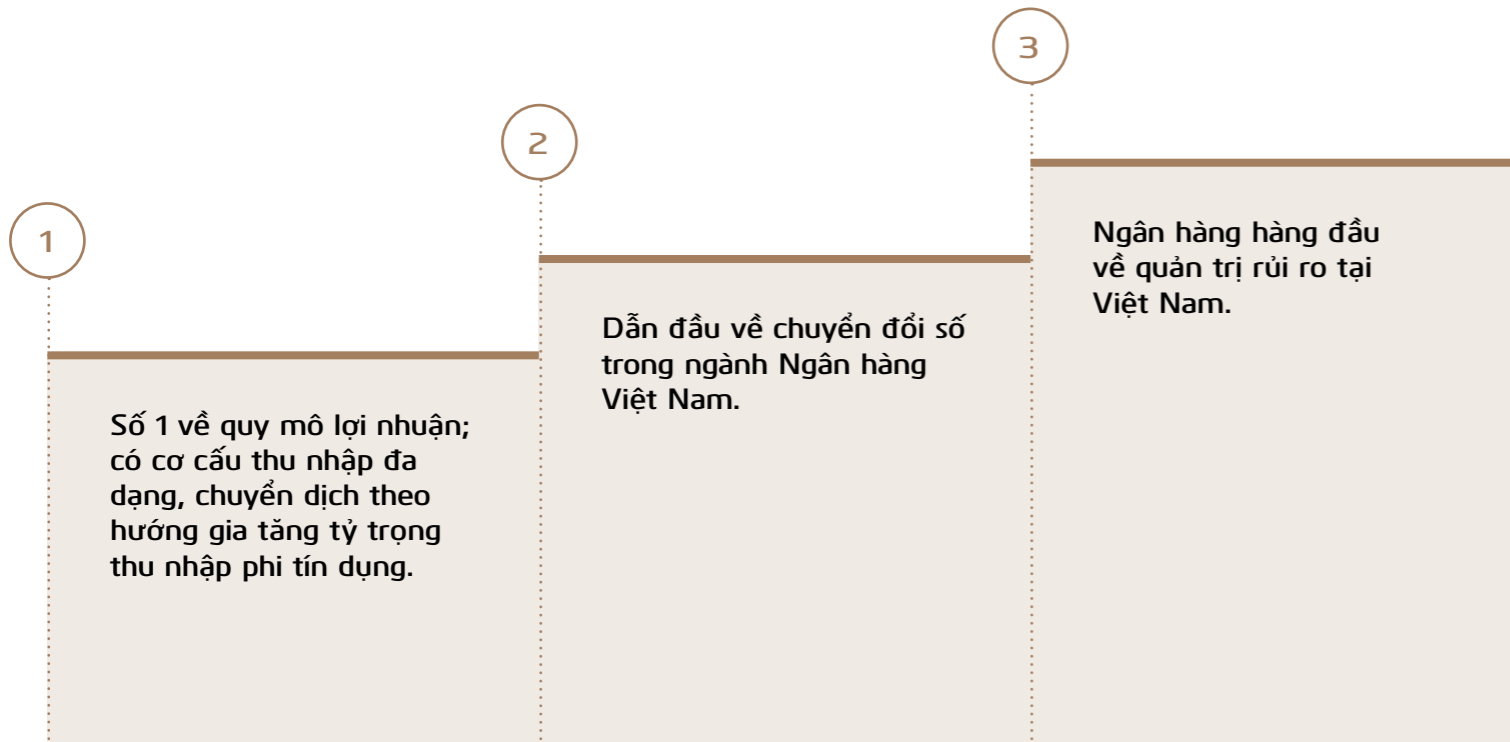


# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

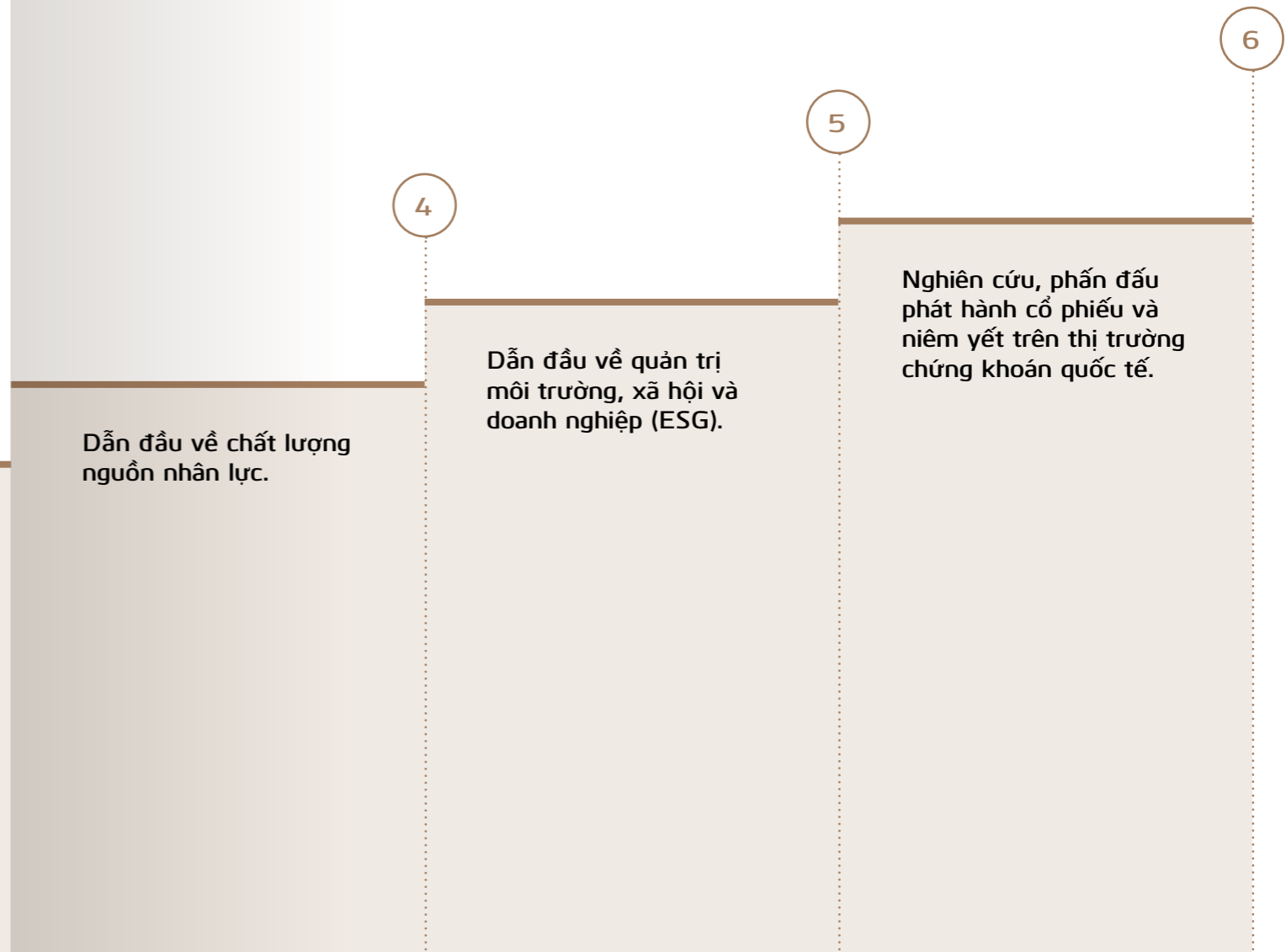
## TẦM NHÌN VÀ SỨ MỆNH ĐẾN NĂM 2025

Ngân hàng số 1 tại Việt Nam, một trong 100 ngân hàng lớn nhất khu vực Châu Á, một trong 300 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 1000 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, có đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Định hướng đến năm 2030, VCB phát triển với định hướng giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam



## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ĐẾN NĂM 2025



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



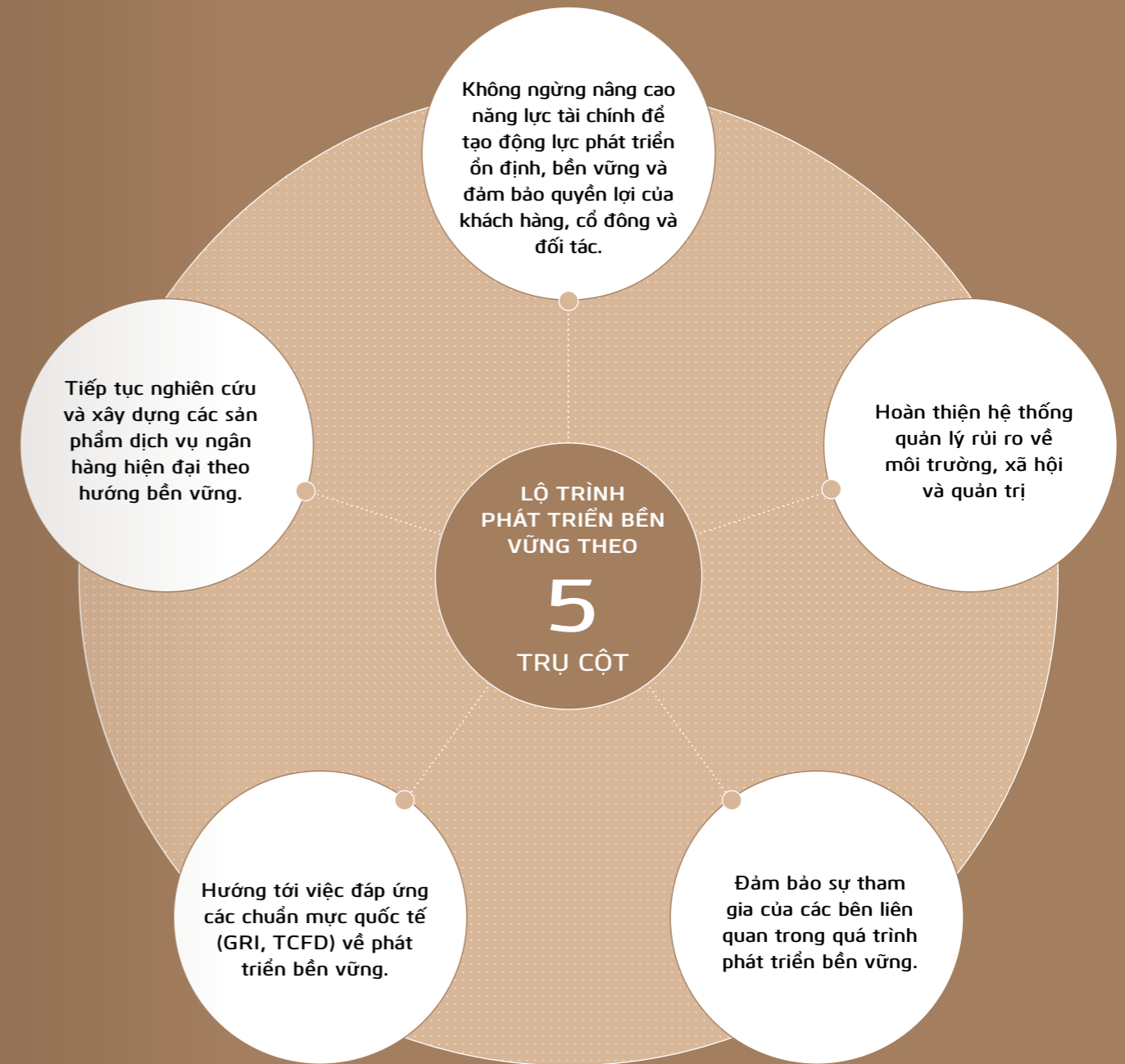
## MỤC TIÊU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vietcombank luôn chú trọng yếu tố phát triển bền vững và xác định mục tiêu then chốt là trở thành ngân hàng dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp. Vietcombank tin rằng với quy mô, tầm ảnh hưởng và cách tiếp cận toàn diện đối với các vấn đề về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG), chúng tôi sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình giải quyết các thách thức cấp bách về môi trường và xã hội của thời đại, thúc đẩy bền vững và xây dựng đất nước Việt Nam.

Trên hành trình Xanh phát triển bền vững, Vietcombank đã chủ động, tích cực tham gia hỗ trợ, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, góp phần ổn định tình hình, giữ vững an ninh tiền tệ, tín

dụng, ngân hàng, củng cố niềm tin của nhân dân. Vietcombank cũng là ngân hàng tiên phong trong thực hiện chủ trương cơ cấu lại các khoản vay, miễn, giảm lãi, phí hỗ trợ khách hàng; chú trọng thực hiện các chính sách an sinh xã hội, trong đó từ năm 2012 đến nay đã dành hơn 3.300 tỷ đồng để hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; đồng thời thúc đẩy tín dụng xanh, hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng.

Để hiện thực hóa mục tiêu về phát triển bền vững, Vietcombank đang tập trung hoàn thiện lộ trình phát triển bền vững theo 5 trụ cột.



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

### Nhận xét chung

Triển vọng kinh tế thế giới 2024 được dự báo "hạ cánh mềm" trong bối cảnh các rủi ro giảm tốc vẫn lấn át động lực tăng trưởng. Doanh nghiệp quan ngại mở rộng sản xuất kinh doanh do rủi ro lãi suất còn hiện hữu và căng thẳng địa chính tiếp tục xói mòn thương mại quốc tế. Hàng rào bảo hộ hạn chế xuất nhập khẩu các mặt hàng thiết yếu làm méo mó thương mại quốc tế. Dự báo của các tổ chức toàn cầu về tăng trưởng kinh tế của các quốc gia lớn đều giảm tốc so với 2023. Tuy nhiên, bức tranh kinh tế thế giới nửa sau năm 2024 có khả năng được cải thiện do nhu cầu tiêu dùng, đầu tư, việc làm kỳ vọng tăng trưởng sẽ là động lực kéo tăng trưởng kinh tế thế giới tốt hơn.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024 sẽ lạc quan hơn so với năm 2023 nhờ nỗ lực điều hành kịp thời của Chính phủ tiếp tục phát huy tác dụng. Tăng trưởng kinh tế đạt mục tiêu ở mức 6% - 6,5% có thể thực hiện được nhờ các trụ cột đầu tư công, khu vực FDI, các dự án trọng điểm quốc gia, và sức mua tăng trong năm 2024. Kim ngạch xuất nhập khẩu kỳ vọng tăng trưởng trở lại. Sản xuất công nghiệp và thị trường bất động sản dự báo được phục hồi.

Chính phủ đánh giá năm 2024 là năm bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Phân tích bối cảnh tình hình năm 2024, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các cấp, các ngành, các địa phương cần bám sát các Kết luận, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, cụ thể hóa để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 với chủ đề: "Kỳ cương trách nhiệm, chủ động kịp thời, tăng tốc sáng tạo, hiệu quả bền vững", với tinh thần "Năm quyết tâm", quyết tâm theo đuổi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2024 theo chỉ đạo của Quốc hội.

NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 15/01/2024 về tổ chức thực hiện nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2024 và xây dựng Chương trình hành động năm 2024 với nhiều mục tiêu. Tại Chương trình hành động này, NHNN tiếp tục kiến định điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác. Qua đó, góp phần hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gắn với ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát mục tiêu bình quân khoảng 4 - 4,5%, ổn định thị trường tiền tệ, ngoại hối và hệ thống ngân hàng, đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng là 14-15%, định hướng điều hành lãi suất, tỷ giá linh hoạt để vừa kiểm soát lạm phát và hỗ trợ phục hồi kinh tế trong năm bản lề của giai đoạn 2021-2025.

Định hướng kinh doanh VCB năm 2024 bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ và NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành ngân hàng, kết nối với mục tiêu chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và quán triệt phương châm hành động: "Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững", quan điểm chỉ đạo điều hành "Trách nhiệm - Quyết liệt - Sáng tạo" triển khai thành công các mục tiêu kinh doanh.



### Một số chỉ tiêu chính

TỔNG TÀI SẢN  
TĂNG TỐI THIỂU

8%

TÍN DỤNG  
TĂNG TỐI THIỂU

12%

VÀ TRONG HẠN  
MỨC NHNN GIAO

HUY ĐỘNG VỐN  
TĂNG TRƯỞNG  
PHÙ HỢP VỚI  
TĂNG TRƯỞNG  
TÍN DỤNG

LỢI NHUẬN  
TRƯỚC THUẾ  
TĂNG

5%

TỶ LỆ NỢ XẤU  
THẤP HƠN

1,5%

### Các giải pháp chủ đạo

Nhằm triển khai thành công kế hoạch kinh doanh năm 2024, các giải pháp chủ đạo được Vietcombank tổ chức thực hiện xuyên suốt gồm có:

1

Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh đảm bảo từng trụ cột tăng trưởng bền vững; tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng tín dụng ngành, tập trung ưu tiên tăng trưởng tín dụng vào những ngành mở rộng, phát triển mạnh mẽ vị thế tạo lập thị trường của Vietcombank.

4

Kiên toàn bộ máy tổ chức và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với mô hình chuyển đổi số và môi trường cạnh tranh, chú trọng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hoạt động đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ.

7

Quyết liệt triển khai phương án nhận chuyển giao bắt buộc một tổ chức tín dụng yếu kém.

2

Triển khai quyết liệt sáng kiến, mục tiêu chiến lược phát triển và kế hoạch chuyển đổi đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng, đẩy mạnh ứng dụng các công nghệ mới, phương pháp hiện đại và tích cực chuyển đổi số.

5

Tổ chức triển khai quyết liệt, hoàn thiện cơ chế chính sách tạo điều kiện hỗ trợ thúc đẩy hoạt động kinh doanh.

8

Lan tỏa giá trị nhân văn qua các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, quan hệ nhà đầu tư nhằm nâng cao uy tín, hình ảnh thương hiệu Vietcombank

3

Phát triển khách hàng và sản phẩm dịch vụ để thực hiện thành công 6 đột phá chiến lược.

6

Tiếp tục chủ trương và nâng cao chất lượng quản trị rủi ro, hướng tới chuẩn mực Basel 2 nâng cao và Basel 3.

# GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



## VIETCOMBANK – MỘT TRONG 20 DOANH NGHIỆP CÓ CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TỐT NHẤT THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2023

*Tổ chức trao giải:*  
Sở giao dịch chứng khoán Thành  
phố Hồ Chí Minh

Ngày 17/07/2023, Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã công bố danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số phát triển bền vững VNSI (Vietnam Sustainability Index) có hiệu lực từ ngày 07/08/2023, theo đó, Vietcombank là một trong 20 cổ phiếu được đánh giá có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường.

Chỉ số Phát triển bền vững Việt Nam (VNSI) được HOSE phối hợp cùng Tổ chức Hợp tác Quốc tế CHLB Đức (GIZ) và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ra mắt vào tháng 07 năm 2017. VNSI được sử dụng để đánh giá đối với các công ty niêm yết dựa trên hơn 100 tiêu chí theo những nguyên tắc của OECD về quản trị doanh nghiệp và Tiêu chuẩn toàn cầu về Báo cáo Phát triển bền vững (GRI). Chỉ số VNSI phản ánh xu hướng đầu tư bền vững theo tiêu chí ESG với các mục tiêu: Xác định chuẩn phát triển bền vững cho các công ty niêm yết; Hỗ trợ nhà đầu tư tổ

chức và cá nhân xác định những doanh nghiệp có đặc tính "xanh" để đầu tư; Tăng cường xu hướng phát triển bền vững của toàn bộ nền kinh tế; xác định các tiêu chí về thông lệ tốt nhất về môi trường, xã hội và quản trị; Bổ sung thêm một công cụ đầu tư mới, góp phần thúc đẩy tăng trưởng thị trường chứng khoán và nền kinh tế.

Có mặt trong Top 20 VNSI năm 2023 là sự ghi nhận những nỗ lực không ngừng của VCB trong các cam kết góp sức cùng Chính phủ Việt Nam thực hiện chiến lược phát triển bền vững, đề cao tính minh bạch, trách nhiệm và kiến tạo giá trị chung cho cộng đồng. Tổng điểm các hạng mục đánh giá của VCB 2023 có sự gia tăng cho thấy ngân hàng đã chủ động rà soát và từng bước cải thiện các tiêu chí về chính sách, hệ thống quản lý, chỉ số hiệu suất môi trường – xã hội, quản trị công ty, công bố và minh bạch thông tin.



## DOANH NGHIỆP TIÊU BIỂU VÌ NGƯỜI LAO ĐỘNG LẦN THỨ 4 LIÊN TIẾP

*Tổ chức trao giải:*  
Tổng Liên đoàn Lao động Việt  
Nam, Bộ Lao động – Thương binh  
và Xã hội; Liên đoàn Thương mại  
và Công nghiệp Việt Nam

Ngày 29/10/2023, tại Hà Nội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổ chức Lễ vinh danh doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động 2023.

Từ hồ sơ của hàng trăm doanh nghiệp đăng ký tham gia, qua nhiều vòng xét chọn khoa học, chặt chẽ, khách quan, Hội đồng xét chọn đã đề xuất và được Ban Chỉ đạo thống nhất vinh danh 64 doanh nghiệp có thành tích tiêu biểu trong phong trào "Doanh nghiệp vì Người lao động". Đây là những doanh nghiệp tiêu biểu đại diện cho rất nhiều doanh nghiệp trên các lĩnh vực, ở mọi

vùng miền, địa phương trên cả nước đã không ngừng nỗ lực vượt qua khó khăn, đổi mới sáng tạo trong hoạt động sản xuất kinh doanh, duy trì và giữ được tăng trưởng ổn định trong bối cảnh kinh tế khó khăn sau đại dịch Covid-19, đồng thời thực hiện tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động; kết hợp hài hòa giữa lợi ích của doanh nghiệp với quyền lợi của người lao động, tạo ra giá trị tích cực cho xã hội.

Đây là lần thứ 4 liên tục Vietcombank được vinh danh và nhận giải thưởng "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động"



# GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



## NGÂN HÀNG SÁNG TẠO & KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM

Tổ chức trao giải:  
Báo Đầu tư & Viet Research

Ngày 28/6/2023, tại Hà Nội, Báo Đầu tư phối hợp cùng Công ty cổ phần Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam (Viet Research) tổ chức công bố và vinh danh “Top 10 Doanh nghiệp Sáng tạo và Kinh doanh hiệu quả 2023” trong các ngành kinh tế trọng điểm (VIE10). Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được bình chọn dẫn đầu Top 10 ngân hàng sáng tạo, kinh doanh hiệu quả và xếp thứ 2 trong danh sách VIE50.

Đối với danh sách Top 10 ngân hàng sáng tạo và kinh doanh hiệu quả, Ban Tổ chức cho biết đây là những ngân hàng có hiệu quả kinh doanh ổn định trong thời gian qua, có tiềm năng tăng trưởng tốt trong tương lai và đã phát huy, ứng dụng những thành tựu, đổi mới sáng tạo, cách tân trong hoạt động.

Danh sách được lựa chọn dựa trên các nhóm tiêu chí định lượng và định tính gồm: đánh giá hiệu quả kinh doanh và giá trị gia tăng của các ngân hàng do đổi mới, sáng tạo, cách tân; đánh giá văn hóa doanh nghiệp cũng như các chiến lược về đổi mới sáng tạo của ngân hàng. Một số hoạt động nổi bật mang lại hiệu quả cho các ngân hàng có thể kể đến như phát triển mạnh các dịch vụ ngân hàng trực tuyến, nâng cấp toàn diện các ứng dụng di động cho phép khách hàng thực hiện giao dịch từ xa thuận tiện, triển khai rộng rãi các giải pháp fintech như dịch vụ thanh toán không tiếp xúc và ví điện tử, giúp tăng cường trải nghiệm và tiết kiệm thời gian, triển khai công nghệ blockchain để tăng cường tính bảo mật và độ tin cậy trong các giao dịch.



## NGÂN HÀNG BÁN LẺ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU NĂM 2023

Tổ chức trao giải:  
IDG & VNBA

Ngày 26/05/2023, tại TP.HCM, trong khuôn khổ Diễn đàn Ngân hàng Bán lẻ Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đã được vinh danh với 3 giải thưởng: “Ngân hàng Bán lẻ tiêu biểu 2023”; “Ngân hàng Chuyển đổi số tiêu biểu 2023”; “Ngân hàng đồng hành cùng doanh nghiệp nhỏ và vừa 2023”.

Vượt qua những khó khăn do đại dịch Covid-19 cũng như khó khăn chung của nền kinh tế, toàn hệ thống Vietcombank đã đồng lòng quyết tâm hoàn thành các mục tiêu kinh doanh đề ra, không ngừng sáng tạo, đẩy mạnh triển khai chương trình hành động chuyển đổi số, đầu tư hạ tầng công nghệ số, liên tục ra mắt các sản phẩm dịch vụ ứng dụng công nghệ số, blockchain, trí tuệ nhân tạo, máy học.

nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng. Liên tục từ năm 2020 đến nay, Vietcombank luôn là ngân hàng tiên phong, đi đầu giảm lãi suất, hỗ trợ khách hàng tổ chức và cá nhân bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19, hỗ trợ khách hàng phục hồi và phát triển, qua đó chung tay hỗ trợ phát triển kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Những giải thưởng trên là động lực mạnh mẽ để Vietcombank tiếp tục không ngừng hoàn thiện, cải tiến quy trình, đẩy mạnh hoạt động chuyển đổi số, đồng thời phát huy vai trò đầu tàu trong nền kinh tế thông qua các chính sách hỗ trợ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước.



# GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



## DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Tổ chức trao giải:  
Báo Đầu tư, HOSE, HNX

Ngày 15/12/2023, tại tỉnh Khánh Hòa, đã diễn ra lễ trao giải cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết lần thứ 16.

Sự kiện được tổ chức kết hợp với hội nghị doanh nghiệp niêm yết thường niên năm 2023 với sự tham dự của lãnh đạo Ủy ban chứng khoán nhà nước; lãnh đạo các Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cùng đại diện gần 300 công ty niêm yết, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các định chế tài chính trên thị trường.

Cuộc bình chọn doanh nghiệp niêm yết (Vietnam Listed Company Awards) là sự mở rộng từ cuộc bình chọn Báo cáo thường niên (Vietnam Annual Report Awards) do Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM (HOSE), Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), Báo Đầu tư cùng Công ty quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp tổ chức, với sự hỗ trợ kỹ thuật của các đối tác chuyên nghiệp như IFC,

ACCA, các công ty kiểm toán hàng đầu Deloitte, EY, KPMG, PwC.

Vietcombank vinh dự được bình chọn trong top 10 doanh nghiệp niêm yết có Báo cáo thường niên tốt nhất trên thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023.

Việc Báo cáo thường niên của Vietcombank được bình chọn trong top 10 báo cáo tốt nhất trong lĩnh vực tài chính năm 2023 đã cho thấy sự đánh giá cao của thị trường đối với việc minh bạch hóa thông tin theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế của Vietcombank. Đây là điều rất quan trọng trong quá trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp nói chung, của Vietcombank nói riêng với mục tiêu xây dựng niềm tin vững chắc từ công chúng và nhằm hạn chế thấp nhất các rủi ro đối với nhà đầu tư và cổ đông.



## DOANH NGHIỆP VÌ SỰ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ TÀI CHÍNH, DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG ƯU TIÊN TIÊU BIỂU VÀ SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ & CHUYỂN ĐỔI SỐ TIÊU BIỂU

Tổ chức trao giải:  
Báo Đầu tư & Cộng đồng cố vấn tài chính Việt Nam

Ngày 08/08/2023, tại Hà Nội, Diễn đàn cấp cao Cố vấn tài chính Việt Nam 2023 (Vietnam Wealth Advisor Summit 2023) lần đầu tiên do Báo Đầu tư phối hợp với Cộng đồng Cố vấn tài chính Việt Nam (VWA) tổ chức.

Nội dung diễn đàn bao gồm các phiên thảo luận, phân tích chuyên sâu, cung cấp nhiều góc nhìn toàn cảnh về kinh tế toàn cầu, cũng như kinh tế vĩ mô Việt Nam, đặc biệt là thị trường tài chính, tiền tệ, những thách thức và cơ hội, các triển vọng trong tương lai, từ đó đưa ra giải pháp nhằm phát triển các thị trường, hỗ trợ không chỉ hệ thống tài chính - ngân hàng, các công ty chứng khoán, cộng đồng doanh nghiệp nói chung, vượt thách thức, đón bắt cơ hội,

mà còn góp phần quan trọng thúc đẩy nền kinh tế tăng tốc, phát triển.

Tại diễn đàn, Vietcombank đã được trao tặng 03 hạng mục giải thưởng do Hội đồng chuyên môn VWAS 2023 và độc giả Báo Đầu tư bình chọn bao gồm: (i) Doanh nghiệp Vì sự phát triển dịch vụ tài chính; (ii) Dịch vụ khách hàng ưu tiên tiêu biểu và (iii) Sản phẩm công nghệ và chuyển đổi số tiêu biểu.

Các giải thưởng trên nhằm vinh danh những đóng góp của Vietcombank trong hành trình phát triển dịch vụ tài chính Việt Nam và những sản phẩm dịch vụ của ngân hàng có chất lượng vượt trội trên thị trường.



# GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



## THƯƠNG HIỆU MẠNH DẪN ĐẦU NGÀNH NGÂN HÀNG

*Tổ chức trao giải:*  
**Tạp chí Kinh tế Việt Nam**

Ngày 06/10/2023, tại Hà Nội, Tạp chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy - Vietnam Economic Times đã tổ chức lễ công bố Thương hiệu mạnh Việt Nam 2022 - 2023. Vietcombank được bình chọn là thương hiệu mạnh dẫn đầu ngành ngân hàng và xếp thứ 3 trong Top 10 thương hiệu mạnh Việt Nam.

Chương trình Thương hiệu mạnh Việt Nam là sự kiện thường niên lớn nhất của Tạp chí Kinh tế Việt Nam, được khởi xướng từ năm 2003 và duy trì liên tục tới nay. Trong suốt 20 năm, chương trình đã kiến tạo và phát triển một cộng đồng doanh nghiệp thương hiệu mạnh với hàng nghìn thương hiệu ở tất cả các ngành, các lĩnh vực hoạt động của nền kinh tế.

Vietcombank hiện là ngân hàng có chất lượng, hiệu quả hoạt động tốt nhất Việt Nam với quy mô lợi nhuận và đóng góp cho ngân sách nhà nước lớn nhất. Quy mô vốn hóa của Vietcombank lớn nhất Việt Nam và hiện đứng thứ 85 trong số các ngân hàng niêm yết lớn nhất thế giới. Vietcombank cũng duy trì vị thế 7 năm liên tiếp đứng thứ nhất ngành ngân hàng trong danh sách những nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế như Fitch, Moody's, S&P... đánh giá cao nhất ngành ngân hàng Việt Nam.



## NƠI LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM 2023

*Tổ chức trao giải:*  
**Báo Đầu tư & Viet Research**

Ngày 8/12/2023, tại Hà Nội, Báo Đầu tư phối hợp cùng Công ty cổ phần nghiên cứu kinh doanh Việt Nam (Viet Research) tổ chức công bố Bảng xếp hạng top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500) và top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023 trong các ngành kinh tế trọng điểm (VBW10) cùng hội thảo nhân sự với chủ đề: "Tương lai thị trường lao động và các xu hướng môi trường làm việc mới". Tại sự kiện, Vietcombank được vinh danh top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2022 và Top 500 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam.

Các doanh nghiệp được tôn vinh là những đơn vị có thành tích xuất sắc trong tạo công ăn việc làm, đãi ngộ

người lao động, tạo dựng môi trường làm việc bền vững và có kết quả kinh doanh tốt, ổn định. Chương trình có ý nghĩa chính trị - xã hội nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng, doanh nghiệp và người lao động về hình ảnh, uy tín cũng như tầm quan trọng của việc sử dụng, phát triển nguồn nhân lực, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và thu hút nguồn nhân sự tài năng thông qua truyền thông thương hiệu nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam.

Vietcombank được vinh danh đứng đầu trong Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam (VBW10) và dẫn đầu ngành Ngân hàng trong top 500 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500).



# GIẢI THƯỞNG TRONG NƯỚC



## VIETCOMBANK VINH DỰ NHẬN GIẢI THƯỞNG CAO NHẤT DÀNH CHO NHÀ TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG GIAO DỊCH REPO NHIỀU NHẤT NĂM 2022

*Tổ chức trao giải:*  
**Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam – VBMA**

Ngày 04/10/2023, tại Hà Nội, Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBMA) đã tổ chức Lễ trao giải của VBMA với sự tham dự của nhiều ngân hàng thương mại đang hoạt động tích cực trên thị trường trái phiếu Việt Nam.

Giải thưởng Nhà tạo lập thị trường giao dịch Repo nhiều nhất năm được VBMA đánh giá và bình chọn dựa trên những đóng góp tích cực trong việc thúc đẩy thanh khoản thị trường giao dịch mua bán có kỳ hạn (Repo) trái phiếu Chính phủ (TPCP) và phát triển đường cong lãi suất ngắn hạn chuẩn cho thị trường TPCP Việt Nam.

Là một trong những thành viên tích cực tham gia từ những ngày đầu thỏa thuận tạo lập lãi suất chuẩn ngắn hạn bằng giao dịch Repo TPCP do VBMA tổ chức, Vietcombank đã không ngừng nỗ lực mở rộng quan hệ với các đối tác, nâng cao doanh số giao dịch, tạo

tính thanh khoản cho thị trường, giữ vững vị thế và vai trò nhà tạo lập thị trường. Đồng thời, Vietcombank cũng tích cực đưa ra nhiều đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện cơ chế hoạt động, tạo môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả. Sau hơn ba năm kể từ khi đi vào hoạt động vào năm 2020 của thỏa thuận tạo lập, đường cong lãi suất ngắn hạn chuẩn cho thị trường TPCP Việt Nam đã được xây dựng thành công và trở thành công cụ hữu hiệu để xác định mặt bằng lãi suất giao dịch và là cơ sở tham chiếu định giá theo giá trị thị trường của nhiều sản phẩm tài chính.

Với những kết quả ấn tượng đó, Vietcombank tự hào trở thành ngân hàng được vinh danh Nhà tạo lập thị trường giao dịch Repo nhiều nhất năm 2022 và là năm thứ 2 liên tiếp Vietcombank được trao giải thưởng này.



## CÔNG TY NIÊM YẾT TỐT NHẤT NĂM 2023

*Tổ chức trao giải:*  
**Tạp chí Forbes Việt Nam**



## NGÂN HÀNG UY TÍN NHẤT, CÔNG TY ĐẠI CHỨNG UY TÍN VÀ HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM NĂM 2023

*Tổ chức trao giải:*  
**Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam – Vietnam Report**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tiếp tục có mặt trong "Danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất" năm 2023 do tạp chí Forbes Việt Nam công bố ngày 5/6/2023. Đây là lần thứ 11 liên tiếp Vietcombank có mặt trong danh sách này.

Xếp hạng của Forbes Việt Nam dựa trên báo cáo tài chính kiểm toán hợp

nhất của công ty đang niêm yết tại sở Giao dịch TP.HCM (HSX) và sở Giao dịch Hà Nội (HNX). Tổng lợi nhuận sau thuế của 50 công ty trong danh sách đạt 228.096 tỉ đồng, tăng 18% so với danh sách năm 2022. Tổng doanh thu đạt 1.490.453 tỉ đồng, tăng 24,9%, trong đó vị trí số 1 lợi nhuận sau thuế thuộc về Vietcombank (29.899 tỉ đồng).

Tháng 08/2023, Công ty cổ phần báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo điện tử VietNamNet đã công bố top 10 công ty uy tín ngành Ngân hàng – Bảo hiểm – Công nghệ năm 2023; top 50 công ty đại chúng uy tín và hiệu quả năm 2023. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) vinh dự được bình chọn là ngân hàng uy tín nhất, công ty đại chúng uy tín và hiệu quả nhất Việt Nam năm 2023.

"Top 10 công ty uy tín ngành Ngân hàng – Bảo hiểm – Công nghệ" là bảng xếp hạng thường niên được xây dựng dựa trên nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report, được định kỳ công bố thường niên trên báo VietNamNet. Các doanh nghiệp được vinh danh trong danh sách đều là những đại diện hoạt động hiệu quả, giàu kinh nghiệm, có vị thế và uy tín, có đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của toàn ngành nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung trong thời gian qua.





# GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



## THƯƠNG HIỆU NGÂN HÀNG GIÁ TRỊ NHẤT VIỆT NAM

Tổ chức trao giải:  
**Brand Finance**

Theo công bố của Brand Finance, năm 2023, Việt Nam có 12 ngân hàng lọt vào danh sách top 500 thương hiệu ngân hàng giá trị nhất thế giới. Vietcombank xếp thứ hạng 137, tăng 25 bậc so với năm trước và dẫn đầu danh sách 12 ngân hàng Việt Nam.

Việt Nam đứng đầu khu vực ASEAN về số lượng nhà băng lọt Top 500. Tiếp theo là Indonesia và Philippines cùng có 9 ngân hàng, Malaysia (8 ngân hàng),

Thái Lan (6 ngân hàng) và Singapore (3 ngân hàng). Các ngân hàng Việt Nam cũng dẫn đầu ASEAN về tổng số hạng được thăng, cụ thể: 12 ngân hàng Việt Nam thăng được 296 hạng, tiếp theo là Indonesia thăng 79 hạng, Singapore thăng 20 hạng, trong khi Thái Lan tụt 25 hạng, Malaysia tụt 56 hạng, Philippines tụt 80 hạng.



## NGÂN HÀNG CÓ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC TỐT NHẤT VIỆT NAM LẦN THỨ 8 LIÊN TIẾP

Tổ chức trao giải:  
**Brand Finance**

Ngày 23/11/2023, Anphabe đã chính thức công bố kết quả bảng xếp hạng 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023. Vietcombank 8 năm liên tiếp là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam.

Với phương châm lấy người lao động (NLD) làm trung tâm, những năm qua, Vietcombank luôn nỗ lực chăm lo cho đời sống của cán bộ, nhân viên và liên tiếp nhiều năm nằm trong top doanh nghiệp có môi trường làm việc hấp dẫn nhất.

Bảng xếp hạng nơi làm việc tốt nhất Việt Nam dựa trên kết quả khảo sát ý kiến đánh giá khách quan của 63.878 người đi làm có kinh nghiệm từ 18 nhóm ngành nghề và 9.638 sinh viên của 113 trường đại học trên toàn quốc. Khảo sát được thực hiện từ tháng 4 đến tháng 8. Kết quả được Công ty nghiên cứu thị trường Intage Việt Nam kiểm chứng.



## DẪN ĐẦU BẢNG XẾP HẠNG MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA KHÁCH HÀNG

Tổ chức trao giải:  
**YouGov**

Decision Lab – đối tác độc quyền của YouGov tại Việt Nam vừa công bố bảng xếp hạng mức độ hài lòng đối với ngân hàng tại Việt Nam 2023. Vietcombank dẫn đầu bảng xếp hạng với điểm số 86,2.

Bảng xếp hạng được xây dựng dựa trên chỉ số mức độ hài lòng tích cực của YouGov BrandIndex, một công cụ theo dõi sức khỏe thương hiệu, thu thập dữ liệu hàng ngày từ hơn 350 thương hiệu

tại Việt Nam. Đây là kết quả của hơn 40.000 cuộc khảo sát người tiêu dùng trong 2 năm.

Nếu năm ngoái số điểm hài lòng cao nhất chỉ 77,3, thì năm nay lên tới 86,2 nhờ các ngân hàng nỗ lực cải thiện chất lượng dịch vụ và sản phẩm. Điều này có nghĩa là 86,2% khách hàng của Vietcombank đã hài lòng với ngân hàng về các dịch vụ và sản phẩm mà họ đang sử dụng.



## NGÂN HÀNG CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH NGOẠI TỆ TRÊN FXALL LỚN NHẤT TẠI VIỆT NAM

Tổ chức trao giải:  
**Sở giao dịch chứng khoán  
London – Anh quốc**

Ngày 27/3/2023, tại Hà Nội, đã diễn ra Lễ trao giải thưởng Refinitiv Vietnam FX Awards năm 2023 do Refinitiv – một thành viên thuộc Sở giao dịch chứng khoán London (London Stock Exchange Group – LSEG) tổ chức. Vietcombank đã được trao tặng danh hiệu Best FXall Taker dành cho ngân hàng có khối lượng giao dịch ngoại tệ trên FXall lớn nhất tại Việt Nam trong năm 2022. Giải thưởng được trao dựa trên số liệu thống kê của Refinitiv về giao dịch của các thành viên trên Hệ thống giao dịch ngoại tệ liên ngân hàng của Refinitiv (Refinitiv FXall). Đây là hệ thống giao dịch chính thức của thị trường ngoại hối Việt Nam do Refinitiv cung cấp để giao dịch ngoại tệ theo hình thức khớp giá tự động.

FX Awards là giải thưởng lâu đời và danh giá tại khu vực Châu Á – Thái Bình

Dương của Refinitiv. Giải thưởng được tổ chức nhằm thúc đẩy sự minh bạch và khẳng định tầm quan trọng của thị trường ngoại hối trong nền kinh tế nói chung. Đây là năm thứ ba giải thưởng được tổ chức tại Việt Nam, cơ sở trao giải dựa trên những tiêu chí rõ ràng và minh bạch.

Với uy tín và tiềm lực trong lĩnh vực giao dịch ngoại hối vốn là thế mạnh truyền thống, Vietcombank thường xuyên được lựa chọn làm ngân hàng chuyển đổi cho các dự án lớn với quy mô chuyển đổi ngoại tệ lên tới hàng tỷ USD mỗi năm. Vietcombank cũng là định chế tài chính duy nhất thực hiện chuyển đổi ngoại tệ cho các giao dịch có giá trị lớn nhất trong lịch sử chứng khoán Việt Nam, tiêu biểu như giao dịch 5 tỷ USD bán cổ phần Sabeco và giao dịch 1 tỷ USD bán cổ phần Vinhomes.



# GIẢI THƯỞNG QUỐC TẾ



## NGÂN HÀNG DẪN ĐẦU VỀ DOANH SỐ THANH TOÁN, GIAO DỊCH BÌNH QUÂN VÀ TÍCH LŨY KÍCH HOẠT THẺ JCB

Tổ chức trao giải:  
JCB

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) vinh dự đón nhận đồng thời 3 giải thưởng uy tín từ Tổ chức thẻ quốc tế JCB dành cho các ngân hàng thành viên tại Việt Nam.

Ngày 28/07/2023, tại hội nghị thường niên của JCB Việt Nam 2023 diễn ra tại Đà Nẵng, TCTQT JCB đã vinh danh Vietcombank tại 3 hạng mục giải thưởng quan trọng: Ngân hàng dẫn đầu về doanh số thanh toán thẻ 2022;

Ngân hàng dẫn đầu về thẻ tích lũy kích hoạt 2022; Ngân hàng dẫn đầu về doanh số giao dịch bình quân đầu thẻ 2022.

Những giải thưởng này thể hiện sự nỗ lực không ngừng của ngân hàng trong việc đầu tư, đổi mới, phát triển, cải tiến sản phẩm dịch vụ cũng như khẳng định niềm tin của đông đảo khách hàng khi lựa chọn sử dụng sản phẩm thẻ của Vietcombank.



## VIETCOMBANK ĐƯỢC VISA VINH DANH 12 HẠNG MỤC GIẢI THƯỞNG TRONG HOẠT ĐỘNG THẺ

Tổ chức trao giải:  
VISA

Ngày 30/11/2023, tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam, Visa Việt Nam đã tổ chức hội nghị khách hàng năm 2023. Trong khuôn khổ hội nghị, Visa đã công bố 12 hạng mục giải thưởng về hoạt động thẻ được trao cho Vietcombank.

Năm 2023, Vietcombank tiếp tục dẫn đầu thị trường không chỉ với các giải thưởng dành cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp như: Ngân hàng dẫn đầu về tổng doanh số giao dịch thẻ, Ngân hàng dẫn đầu

về tổng số thẻ doanh nghiệp, Ngân hàng dẫn đầu về mạng lưới chấp nhận thanh toán thẻ... mà còn ghi dấu ấn tại các hạng mục giải thưởng dẫn đầu về marketing và ứng dụng dữ liệu.

Trong khuôn khổ hội nghị khách hàng của Visa Việt Nam 2023, Visa đã vinh danh Vietcombank tại 12 giải thưởng trong hoạt động thẻ. Theo đó, Vietcombank là ngân hàng có nhiều giải thưởng nhất của Visa tại Việt Nam.





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

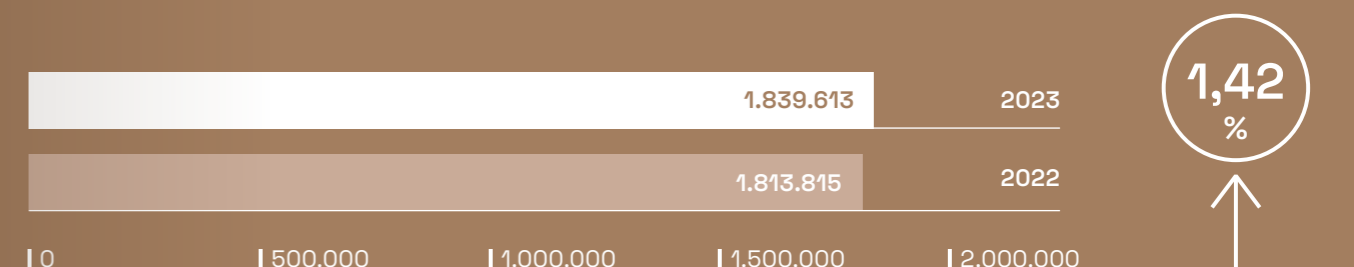
Đơn vị: tỷ đồng

Tình hình tài chính	2022	2023
<b>A Tình hình tài chính</b>		
1 Tổng tài sản	1.813.815	1.839.613
2 Doanh thu	114.592	135.614
3 Thuế đã nộp (trong kỳ)	6.426	11.648
4 Lợi nhuận trước thuế	37.368	41.244
5 Lợi nhuận sau thuế	29.919	33.054
<b>B Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu</b>		
<b>1 Quy mô vốn</b>		
1.1 Vốn điều lệ	47.325	55.891
1.2 Tỷ lệ an toàn vốn	9,95%	11,39%
<b>2 Kết quả hoạt động kinh doanh</b>		
2.1 Doanh số huy động tiền gửi	31.181.399	32.949.742
2.2 Doanh số cho vay	2.351.845	2.724.301
2.3 Doanh số thu nợ	2.166.889	2.600.818
2.4 Nợ xấu	7.820	12.634
2.5 Tỷ lệ tín dụng (bao gồm TPDN)/tổng huy động vốn thị trường 1 (quy VND)	91,12%	90,46%
2.6 Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định của NHNN (*)	73,9%	77,9%
2.7 Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng thị trường 1	0,68%	0,99%
<b>3 Khả năng thanh toán (*)</b>		
3.1 Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	25,0%	19,6%
3.2 Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
VND	73,1%	105,4%
Ngoại tệ quy USD	96,3%	82,1%

\*) Các tỷ lệ được tính theo số liệu riêng lẻ tại 29/12/2023, theo quy định tại Thông tư 22/2019/TT NHNN và các văn bản sửa đổi, bổ sung

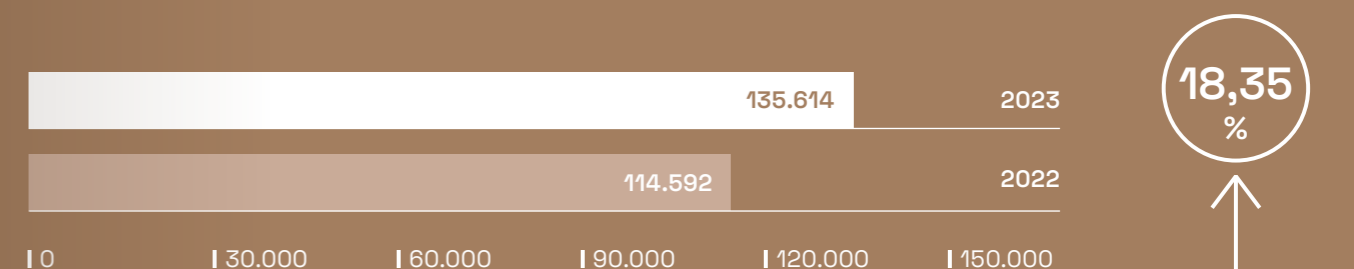
## I TỔNG TÀI SẢN

Đơn vị: tỷ đồng



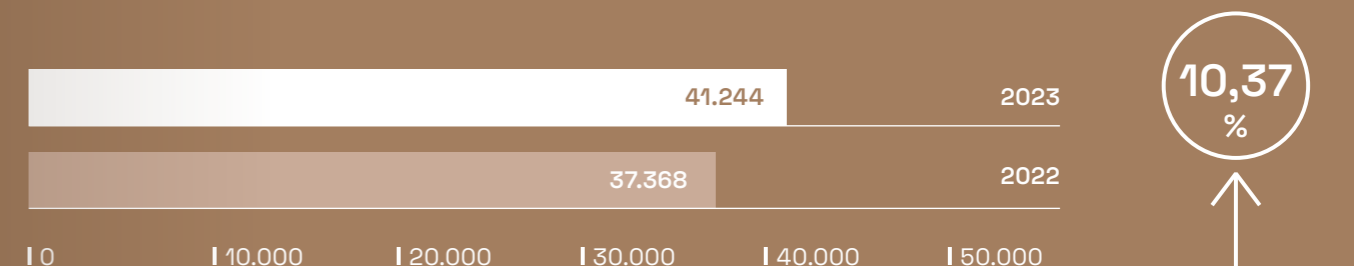
## I DOANH THU

Đơn vị: tỷ đồng



## I LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Đơn vị: tỷ đồng



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

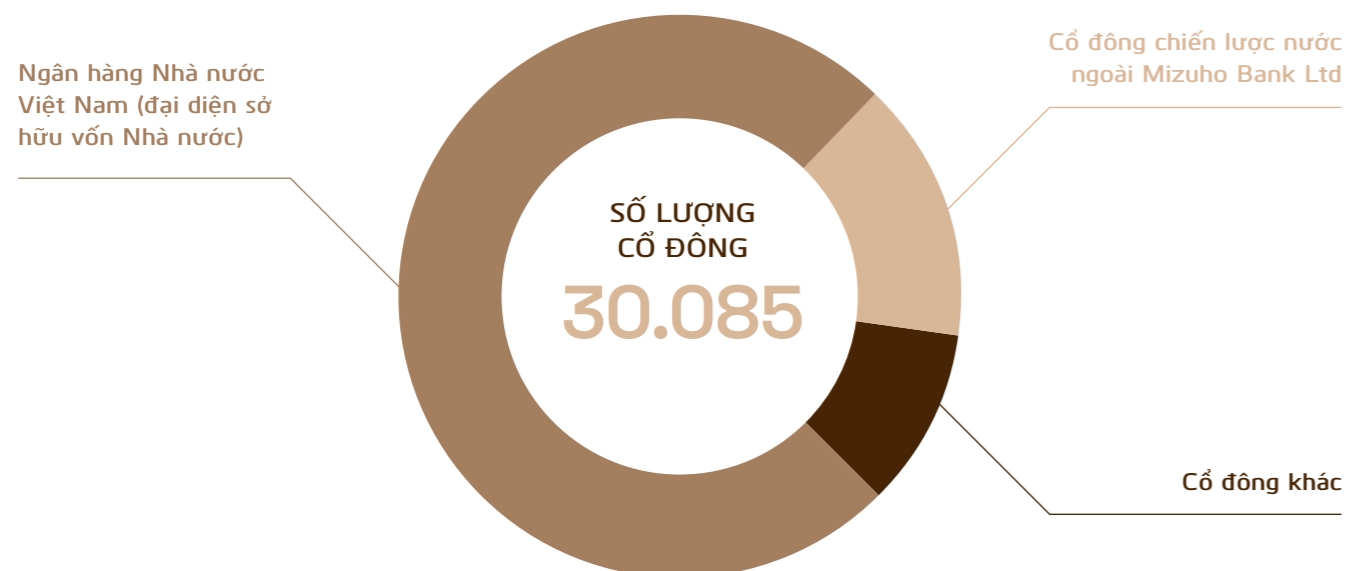
(tại thời điểm 30/12/2023)

## 1. CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
5.589.091.262	Cổ phần phổ thông	569.843.260	5.019.248.002

## 2. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	4.180.828.481	74,8%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	838.372.264	15,0%	1
III	Cổ đông khác	569.890.517	10,2%	30.085
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	40.094.837	0,71%	28.308
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	62.808.938	1,12%	166
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	3.229.704	0,07%	1.392
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	463.757.038	8,30%	219
	<b>Tổng</b>	<b>5.589.091.262</b>	<b>100,00%</b>	<b>30.087</b>



## 3. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CÓ SỐ CỔ PHẦN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG

TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	4.180.828.481	4.180.828.481	Theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Các TCTD số 47/2010/QH12: "Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ"
2	Cổ đông nội bộ	59.892	47.257	
	Hội đồng quản trị	39.264	39.264	
	Ban Điều hành	12.635	0	
	Ban Kiểm soát	7.993	7.993	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	838.372.264	838.372.264	
	<b>Tổng</b>	<b>5.019.260.637</b>	<b>5.019.248.002</b>	

- Theo QĐ số 1493/QĐ-NHNN ngày 17/09/2021 của NHNN v/v cử người đại diện phần vốn nhà nước tại Vietcombank, ông Phạm Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Vietcombank đại diện 40% vốn nhà nước và là người đại diện vốn phụ trách chung tại Vietcombank.
- Theo QĐ số 909/QĐ-NHNN ngày 26/04/2019 của NHNN v/v chuyển công tác cán bộ, ông Đỗ Việt Hùng - Thành viên HĐQT Vietcombank là người đại diện 30% vốn nhà nước tại Vietcombank.
- Theo QĐ số 328/QĐ-NHNN ngày 16/03/2023 của NHNN v/v giao người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Vietcombank là người đại diện 30% vốn nhà nước tại Vietcombank.
- Theo QĐ số 1669/QĐ-TTg ngày 22/12/2023, ông Phạm Quang Dũng được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và không còn đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT Vietcombank từ ngày 01/01/2024.

## 4. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.180.828.481	74,8%
2	MIZUHO BANK. LTD	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	838.372.264	15,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông Vietcombank chốt tại ngày 30/12/2023 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán - VSD cung cấp)

# TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## 1. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ/THOẠI VỐN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2023

Trong năm 2023, VCB giữ nguyên danh mục đầu tư như tại thời điểm cuối năm 2022.

## 2. CÔNG TY CON, LIÊN DOANH-LIÊN KẾT

### Thông tin chung công ty con

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 90/GPDC-UBCK ngày 10/11/2023 do UBCKNN cấp.	Chứng khoán	1.734,82	100%
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017 do Ngân hàng Nhà nước cấp	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank	VCBR	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20/09/2017 và sửa đổi lần gần nhất ngày 27/12/2021 do sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp	Chi trả Kiều hối	30,00	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	VCB Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25/5/2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	1.820,40	100%
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Giấy phép hoạt động số 58327 ngày 10/02/1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ Tài chính	235,22	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009 do chính quyền bang Nevada, Hoa Kỳ cấp	Chuyển tiền kiều hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép ngày 01/03/2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70,00	70%

### Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank

## VCBL

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**153,32 TỶ ĐỒNG**

VCBL là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 153,32 tỷ đồng.

Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông

## VFC

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**1,94 TRIỆU HKD**

VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 1,94 triệu HKD.

Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào

## VCB LÀO

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**26,75 TỶ LAK**

VCB Lào là ngân hàng con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Lào. Mặc dù thị trường có nhiều biến động trong năm 2023 nhưng VCB Lào vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 26,75 tỷ LAK.

Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198

## VCBT

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**79,36 TỶ ĐỒNG**

VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore do Vietcombank nắm giữ 70% Vốn Điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023 với tỷ lệ cho thuê đạt 100%. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 79,36 tỷ đồng.

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank

## VCBS

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**607,57 TỶ ĐỒNG**

VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Mặc dù thị trường chứng khoán năm 2023 có nhiều biến động tiêu cực nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 607,57 tỷ đồng.

Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank

## VCBR

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**23,23 TỶ ĐỒNG**

VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiều hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 23,23 tỷ đồng.

Công ty Chuyển tiền Vietcombank

## VCBM

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**767,79 NGHÌN USD**

VCBM là công ty con do Vietcombank nắm giữ 87,5% Vốn Điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền kiều hối tại Mỹ và chuyển về Việt Nam thông qua các đối tác chi trả trong nước. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 767,79 nghìn USD.

## Thông tin chung công ty liên doanh-liên kết

Đơn vị: tỷ đồng

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2023	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Benthanch	VBB	Số 2458/GP ngày 07/02/2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần nhất ngày 03/05/2018 do Bộ KHA&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 02/12/2005 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 28/GPĐC-UBCK ngày 25/04/2023 do UBCKNN cấp	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank - Bonday	VCBB	Số 283/GP ngày 05/12/1991 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 04/03/2002 do Bộ KH&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	11,11	16%

## Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty liên doanh-liên kết:

Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Benthanch

## VBB

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**220,75 TỶ ĐỒNG**

VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%. VBB hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tòa nhà văn phòng tại tòa nhà Vietcombank địa chỉ số 5 Công trường Mê Linh, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời đáp ứng nhu cầu về trụ sở làm việc của chi nhánh và các đơn vị trực thuộc của Vietcombank trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023 với tỷ lệ cho thuê đạt 96,5%. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 220,75 tỷ đồng.

Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank - Bonday

## VCBB

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**51,00 TỶ ĐỒNG**

Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

## VCBF

Lợi nhuận trước thuế năm 2023

**81,35 TỶ ĐỒNG**

VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 81,35 tỷ đồng.

VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông với tỷ lệ vốn góp lần lượt là 16%; 4% và 80%. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng Tòa nhà Harbour View tại địa chỉ 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2023. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 51,00 tỷ đồng.



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023

## KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA VCB

Bám sát chỉ đạo điều hành của NHNN, Ban lãnh đạo quán triệt phương châm hành động và quan điểm chỉ đạo điều hành thực hiện định hướng, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, nhất quán xuyên suốt để hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.



### HUY ĐỘNG VỐN THỊ TRƯỜNG I ĐẠT

**1.405.610** TỶ ĐỒNG

TĂNG 11,8% SO VỚI NĂM 2022

### DƯ NỢ TÍN DỤNG ĐẠT

**1.280.547** TỶ ĐỒNG

TĂNG 10,8% SO VỚI CUỐI NĂM 2022

### DOANH SỐ THANH TOÁN

**↑ 24%**

SO VỚI NĂM 2022

### DOANH SỐ SỬ DỤNG THẺ

**↑ 20,5%**

SO VỚI NĂM 2022

### CHẤT LƯỢNG NỢ ĐƯỢC KIỂM SOÁT THEO MỤC TIÊU

#### TỶ LỆ NỢ NHÓM 2

**~0,43%**

#### TỶ LỆ NỢ XẤU

**~0,99%**

### TỈ LỆ QUỸ DỰ PHÒNG BAO NỢ XẤU NỘI BẢNG ĐẠT MỨC CAO NHẤT

#### HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

### THỊ PHẦN TTQT-TTTM ĐẠT MỨC

**19%**

### PHÁT TRIỂN KHÁCH HÀNG CÓ THẺ TDQT/GNQT

**↑ 12%/102%**

SO VỚI NĂM 2022

### LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

**HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH**

NHNN GIAO TRONG NĂM 2023

### CHỈ SỐ ROAA VÀ ROAE DUY TRÌ Ở MỨC CAO

#### ROAA

**1,81%**

#### ROAE

**21,99%**

### VCB DUY TRÌ VỊ THẾ LÀ NHTM DẪN ĐẦU

về chất lượng, hiệu quả hoạt động; tiếp tục đứng đầu ngành ngân hàng và là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho NSNN; vững vàng ở vị trí doanh nghiệp niêm yết có **quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường**, được ghi danh trong 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất thế giới.



## KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH



### GIẢM LÃI SUẤT

**0,5%** /NĂM

CHO TOÀN BỘ KHÁCH HÀNG CÓ DƯ NỢ HIỆN HỮU BẰNG VND

LÀ 1 TRONG 6 NGÂN HÀNG ĐẦU TIÊN TRIỂN KHAI THÀNH CÔNG APPLE PAY

Để thực hiện thành công phương châm hành động “Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững” mang lại kết quả của **06 đột phá** và **03 trọng tâm chuyển dịch cơ cấu kinh doanh**, Ban Điều hành đã xây dựng hành động và chỉ đạo “Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo” xuyên suốt và triển khai quyết liệt các nội dung quản trị điều hành trọng tâm trong năm 2023.

- Chỉ đạo quyết liệt tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm 2023 nhưng kiên định không hạ chuẩn. Tiếp tục điều hành tăng trưởng tín dụng tập trung cho vay nhóm ngành mở rộng; nhóm khách hàng có năng lực tài chính, có khả năng chống đỡ rủi ro.
  - nhánh, (ii) chính sách khách hàng tín dụng theo phân khúc và (iii) mô hình tín dụng bán lẻ mới.
- Triển khai hệ thống RLOS trên toàn hàng với 72 sản phẩm tín dụng bán lẻ.
- Là 1 trong 6 ngân hàng đầu tiên và là ngân hàng có vốn nhà nước duy nhất triển khai thành công Apple Pay tại thị trường Việt Nam.
- Ra mắt thành công thẻ Vietcombank Visa Infinite với các đặc quyền vượt trội mang đến cho khách hàng những trải nghiệm độc bản.
- Triển khai và đưa vào vận hành thành công hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đã củng cố thêm hình ảnh, thương hiệu và lợi ích cho VCB.
- Tổ chức ký kết thoả thuận hợp tác toàn diện với các tập đoàn, tổng công ty. Theo đó, VCB cung cấp giải pháp tài chính tổng thể và chuyên biệt dịch vụ ngân hàng bán buôn và ngân hàng bán lẻ.



**60** NĂM  
THÀNH LẬP VCB  
(1963 - 2023)

**05**  
CHI NHÁNH MỚI

TÀI TRỢ CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI

**506** TỶ ĐỒNG

- Tổ chức diễn đàn về phát triển dịch vụ sản phẩm tại nước ngoài trong các chương trình xúc tiến đầu tư của Chính phủ, làm việc với lãnh đạo cấp cao các tập đoàn đa quốc gia để tìm kiếm cơ hội mở rộng hợp tác cung cấp dịch vụ tài chính, tài trợ các dự án lớn.
- Hoàn thành Dự án rà soát chiến lược phát triển đến 2025, định hướng đến năm 2030 làm kim chỉ nam triển khai các chương trình hành động đảm bảo từng bước thực hiện các mục tiêu đặt ra.
- Kiện toàn nhân sự cấp cao: thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.
- Triển khai đưa 05 chi nhánh mới vào hoạt động, có hiệu quả kinh doanh ngay trong 06 tháng hoạt động.
- Thành lập mới Khối Pháp chế & Tuân thủ, Khối Vốn & Thị trường. Tuyển dụng và bổ nhiệm một số nhân sự gồm cả nhân sự người nước ngoài có trình độ cao cho các vị trí quan trọng phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị.
- Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập VCB (1963 - 2023) và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động do Đảng và Nhà nước trao tặng.
- Là doanh nghiệp duy nhất trong 5 tập thể được vinh danh tại chương trình “Vinh quang Việt Nam” lần thứ 18, có thành tích đặc biệt xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Lần thứ 4 liên tiếp được đánh giá là doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động và lần thứ 8 liên tiếp được bình chọn là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam.
- VCB được tuyên dương là đơn vị nộp thuế tiêu biểu trong 3 năm liên tục 2020 - 2022 và vinh danh là 1 trong 20 doanh nghiệp có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường chứng khoán.
- Tích cực đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội trong năm 2023 với tổng cam kết tài trợ lên đến 506 tỷ đồng và đã triển khai thực tế 309 tỷ đồng.

# ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2024

Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ năm 2024 và NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành ngân hàng, kết nối với mục tiêu chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và quán triệt phương châm hành động: “Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững”, quan điểm chỉ đạo điều hành “Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo” triển khai thành công các mục tiêu kinh doanh.

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2024
(1). Tổng tài sản	Tăng $\geq$ 8%
(2). Huy động vốn TT1	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng
(3). Tín dụng	Tăng $\geq$ 12 % và trong hạn mức NHNN giao
(4). Tỷ lệ nợ xấu	< 1,5%
(5). Lợi nhuận trước thuế	Tăng 5%

| (\*) Chỉ tiêu KHKD có thể được điều chỉnh theo kế hoạch tài chính NHNN phê duyệt

## NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU

### Về chỉ đạo hoạt động kinh doanh

- Tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng tín dụng ngành, tập trung ưu tiên tăng trưởng tín dụng vào những ngành mở rộng.
- Phát triển dịch vụ quản lý tài chính và sản phẩm đầu tư dành cho các phân khúc khách hàng bán lẻ trọng tâm. Phát triển các mảng hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp. Phát triển hệ sinh thái số hợp tác với bên thứ ba để có cơ hội bán các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng.
- Duy trì, phát huy lợi thế trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, TTQT-TTTM.
- Điều hành linh hoạt, hiệu quả lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay phù hợp với diễn biến thị trường, định hướng kinh doanh. Bám sát diễn biến thị trường để điều chỉnh, cung ứng các sản phẩm phải sinh đáp ứng yêu cầu của các tệp khách hàng khác nhau.
- Đẩy nhanh tiến độ và chất lượng chuyển dịch khách hàng lên kênh số theo chính sách và định hướng phân khúc.
- Tiếp tục mở rộng phát triển khách hàng hiện tại có chất lượng tốt, tiềm lực tài chính mạnh, quan hệ tổng thể. Đẩy mạnh bán hàng theo chuỗi và hệ sinh thái, tận dụng mối liên kết với các công ty con, đối tác, cổ đông chiến lược.

### Về chỉ đạo quản trị nội bộ

- Phê duyệt ngay và triển khai đúng tiến độ chương trình hành động của các Khối nhằm thực hiện chiến lược phát triển VCB đến 2025 và tầm nhìn tới 2030.
- Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng các công nghệ mới và các phương pháp hiện đại trong phát triển sản phẩm, dịch vụ.
- Đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ điện toán đám mây, bắt đầu với các hệ thống phục vụ phát triển phần mềm và các hệ thống cấp độ 1-2.
- Xây dựng nền tảng dữ liệu mới theo các chuẩn mực, kiến trúc hiện đại, với cơ chế quản trị dữ liệu bài bản, chặt chẽ hướng đến chuẩn hoá, tập trung hoá việc khai thác dữ liệu báo cáo, phân tích kinh doanh, rủi ro trên nền tảng mới.
- Hoàn thiện các chính sách, quy định về công tác tuyển dụng, quản lý, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; rà soát chế độ đãi ngộ, tạo động lực cho cán bộ.
- Nghiên cứu xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo đội ngũ nhân viên tài năng.
- Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hoạt động đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội bộ về quản lý và xử lý thu hồi nợ, hoạt động cấp tín dụng và các quy định nội bộ liên quan, kịp thời cập nhật các thay đổi, điều chỉnh trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.
- Tích cực triển khai các công việc cần thiết theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để hoàn thiện phương án nhận chuyển giao bắt buộc. Triển khai đúng tiến độ các biện pháp hỗ trợ khi phương án nhận chuyển giao bắt buộc được phê duyệt.
- Lan tỏa giá trị nhân văn qua các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, quan hệ nhà đầu tư nhằm nâng cao uy tín, hình ảnh thương hiệu VCB.



# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK



## TÍNH ĐỘC LẬP CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị (HĐQT) có 01 thành viên HĐQT độc lập có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kế trước đó;

Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là cổ đông lớn của

Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kế trước đó.

Hàng năm, tại Đại hội đồng cổ đông, thành viên HĐQT độc lập có báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

Năm 2023, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) tiếp tục thực hiện phương châm hành động **"Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững"** và quan điểm chỉ đạo, điều hành: **"Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo"**.

Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng năm 2023 nói riêng gặp nhiều khó khăn, thách thức, với sự chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, hoạt động kinh doanh của VCB tiếp tục đạt được các kết

quả khả quan. Đến 31/12/2023, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ và NHNN giao, cụ thể như sau.

Trong năm 2023, bất ổn địa chính trị, lạm phát leo thang và lãi suất tăng mạnh đã ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế thế giới và trong nước. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, VCB tiếp tục hoàn thành toàn diện, xuất sắc các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao.

### Kết quả hoạt động kinh doanh

- Tổng tài sản đạt ~1,84 triệu tỷ đồng, tăng ~1,4% so với năm 2022.
- Huy động vốn tăng trưởng phù hợp với sử dụng vốn. Tổng huy động vốn đạt ~1,4 triệu tỷ đồng, tăng ~11,8% so với năm 2022. Tỷ trọng HĐV không kỳ hạn (KKH) bình quân đạt ~33%.
- Dư nợ tín dụng đạt ~1,28 triệu tỷ đồng, tăng ~10,8% so với cuối năm 2022, kiểm soát trong tỷ lệ tăng trưởng được NHNN giao. Tín dụng bán lẻ chiếm ~52% tổng dư nợ tín dụng.
- Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,99%, thấp hơn đáng kể so với kế hoạch được giao, tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu nội bảng là 227%, cao nhất trong nhóm các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Thu hồi nợ ngoại bảng đạt 2.090 tỷ đồng.
- Thuế đã nộp Ngân sách nhà nước năm 2023 là 11.648 tỷ đồng, tiếp tục giữ vững vị trí là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn cho NSNN.
- LNTT đạt 41.244 tỷ đồng, tăng ~10% so với năm 2022, thiết lập kỷ lục mới và tiếp tục là ngân hàng có quy mô lợi nhuận dẫn đầu thị trường. Chỉ số chi phí trên thu nhập (CIR) được kiểm soát ở mức thấp so với kế hoạch (< 35%).
- Với những kết quả đã đạt được, VCB duy trì vị thế là NHTM dẫn đầu về chất lượng, hiệu quả hoạt động; tiếp tục đứng đầu ngành ngân hàng và là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho NSNN. VCB vững vàng ở vị trí doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường chứng khoán Việt Nam, được ghi danh trong 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất thế giới. VCB lần thứ 8 liên tiếp được bình chọn đứng đầu ngành ngân hàng, đứng trong top 10 nơi làm việc tốt nhất; lần thứ 4 liên tiếp được vinh danh là doanh nghiệp vì người lao động. Năm 2023, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) đã vinh danh cổ phiếu VCB là một trong 20 cổ phiếu được đánh giá có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường, có mặt trong danh mục cổ phiếu thành phần của chỉ số Phát triển bền vững VNSI 20 (Vietnam Sustainability Index) năm 2023.

### LNTT

**41.244** TỶ ĐỒNG

TĂNG ~10% SO VỚI NĂM 2022

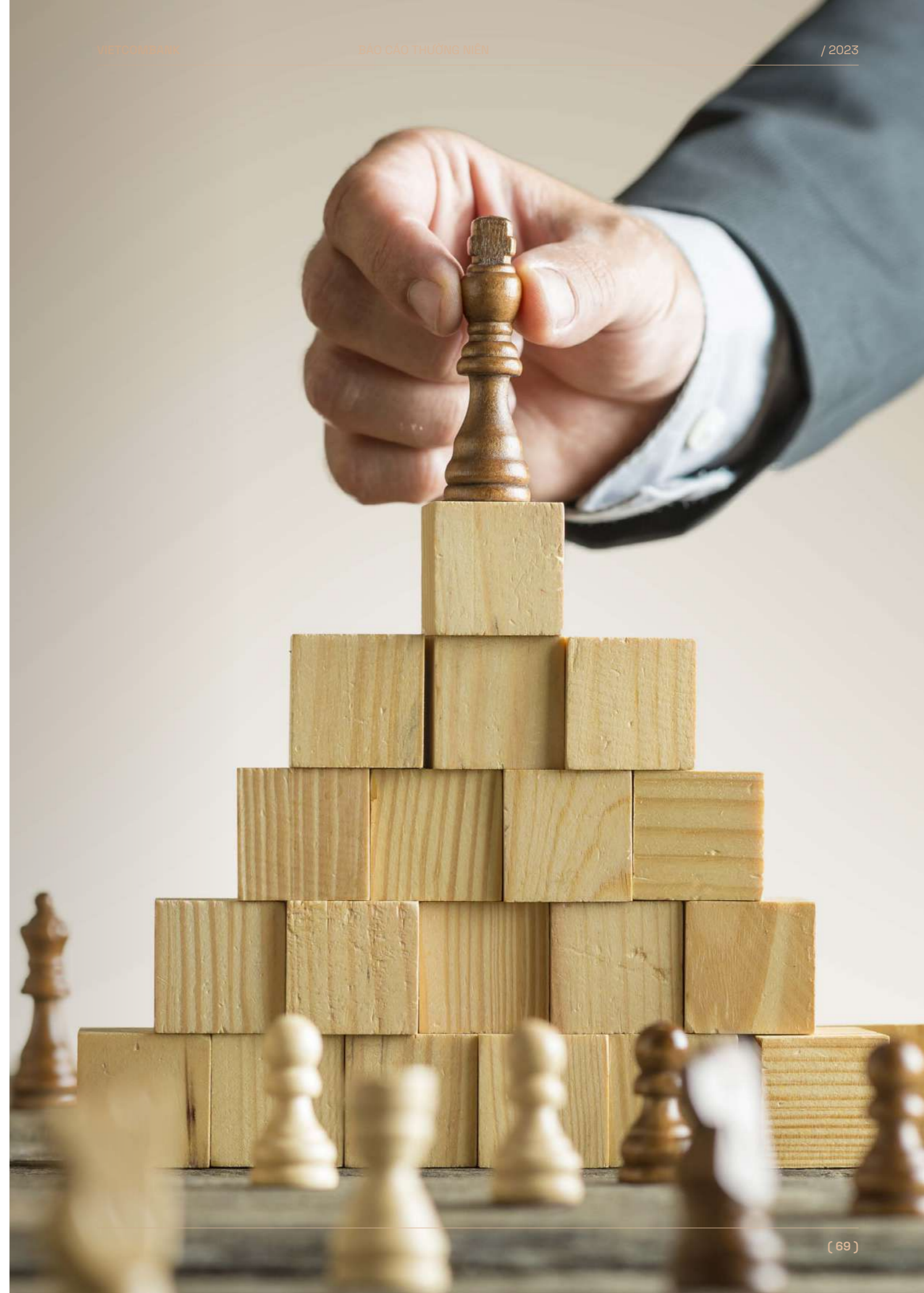
### THUẾ ĐÃ NỘP

**11.648** TỶ ĐỒNG

ĐÓNG GÓP LỚN CHO NSNN

## Công tác chỉ đạo, quản trị, điều hành

- Trong năm 2023, Hội đồng quản trị đã định hướng Ban Điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản trị điều hành, nhất quán phương châm hành động “Chuyển đổi, hiệu quả, bền vững” và quan điểm chỉ đạo, điều hành “Trách nhiệm - Quyết liệt - Sáng tạo”, tập trung triển khai 03 “trọng tâm”, 06 “đột phá” kinh doanh trong năm 2023, cụ thể như sau:
- Công tác huy động vốn: Điều hành công tác huy động vốn linh hoạt, phù hợp với tình hình sử dụng vốn và diễn biến của thị trường.
- Công tác tín dụng: Tăng trưởng tín dụng thận trọng theo đúng định hướng, đảm bảo an toàn, hiệu quả.
- Triển khai hiệu quả các chương trình cho vay lãi suất cạnh tranh gắn với phát triển sử dụng các sản phẩm dịch vụ đi kèm. Tiên phong giảm lãi suất để hỗ trợ khách hàng với mức lãi giảm 0,5% trong năm 2023.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng dư nợ tín dụng, dư nợ cơ cấu, đảm bảo kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%;
- Đẩy mạnh tiến độ xử lý thu hồi nợ xấu, nợ ngoại bảng; Tăng cường công tác giám sát, đôn đốc và chỉ đạo công tác xử lý thu hồi nợ có vấn đề tại các chi nhánh, đặc biệt là các đơn vị có nợ ngoại bảng lớn, được giao kế hoạch thu nợ cao trong năm 2023.
- Đã chỉ đạo điều hành thực thi 03 trụ cột kinh doanh gồm: Bán lẻ, Dịch vụ, Đầu tư để từng bước hoàn thành 06 đột phá chiến lược và 03 trọng tâm chuyển dịch cơ cấu kinh doanh.
- Đẩy mạnh triển khai chương trình hành động chuyển đổi số và Kế hoạch hành động chuyển đổi.
- Hoàn thành việc giao Thành viên phụ trách hoạt động HĐQT, kiện toàn nhân sự cấp cao, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt của Ban lãnh đạo VCB.
- Kiện toàn mô hình tổ chức và phát triển mạng lưới hoạt động; Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các Khối Pháp chế và Tuân thủ, Khối Vốn & Thị trường; Tuyển dụng và bổ nhiệm một số nhân sự gồm cả nhân sự người nước ngoài có trình độ cao cho các vị trí quan trọng phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số và nâng cao năng lực quản trị.
- Tổ chức thành công các sự kiện lớn như Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập VCB (1963–2023) và đón nhận danh hiệu Anh hùng Lao động do Đảng và Nhà nước trao tặng cùng chuỗi các sự kiện chào mừng; Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bất thường tháng 1/2023, ĐHCĐ thường niên lần thứ 16, ĐHCĐ bất thường tháng 11/2023.
- Trên cơ sở phê duyệt của Chính phủ và NHNN, VCB đã hoàn thành thực hiện việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỉ lệ 18,1% để tăng vốn điều lệ lên mức 55.891 tỷ đồng. Hiện nay, VCB đang tiếp tục thực hiện các phương án tăng vốn nhằm củng cố, nâng cao năng lực tài chính;
- VCB tiếp tục chú trọng phát triển bền vững, không ngừng nâng cao năng lực quản trị, điều hành cũng như quan tâm đẩy mạnh công tác an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống dịch bệnh. Năm 2023, VCB tiếp tục cam kết và thực hiện các chương trình an sinh xã hội với tổng số tiền ~ 506 tỷ đồng.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Năm 2023, kinh tế thế giới và kinh tế Việt Nam bị phủ bóng bởi những "con gió ngược": xung đột địa chính trị gia tăng, lạm phát tăng cao, lãi suất điều chỉnh tăng dồn dập, song với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, HĐQT và Ban Điều hành đã định hướng, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, nhất quán xuyên suốt để Vietcombank hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 với kết quả tăng trưởng bền vững, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Ngân hàng. Ban Điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh của Vietcombank theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược, đảm bảo thu nhập cho nhân viên và hoạt động kinh doanh có trách nhiệm cao với cộng đồng và các bên liên quan.

Tháng 01/2023, HĐQT đã ban hành Nghị quyết 01 về định hướng kinh doanh năm 2023. Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo Ban điều hành về hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược; các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu mà ĐHCĐ giao, các chỉ tiêu hầu hết đều hoàn thành theo kế hoạch, Ban Điều hành

đã tuân thủ các quy định của Luật các TCTD, Điều lệ VCB và các Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo.

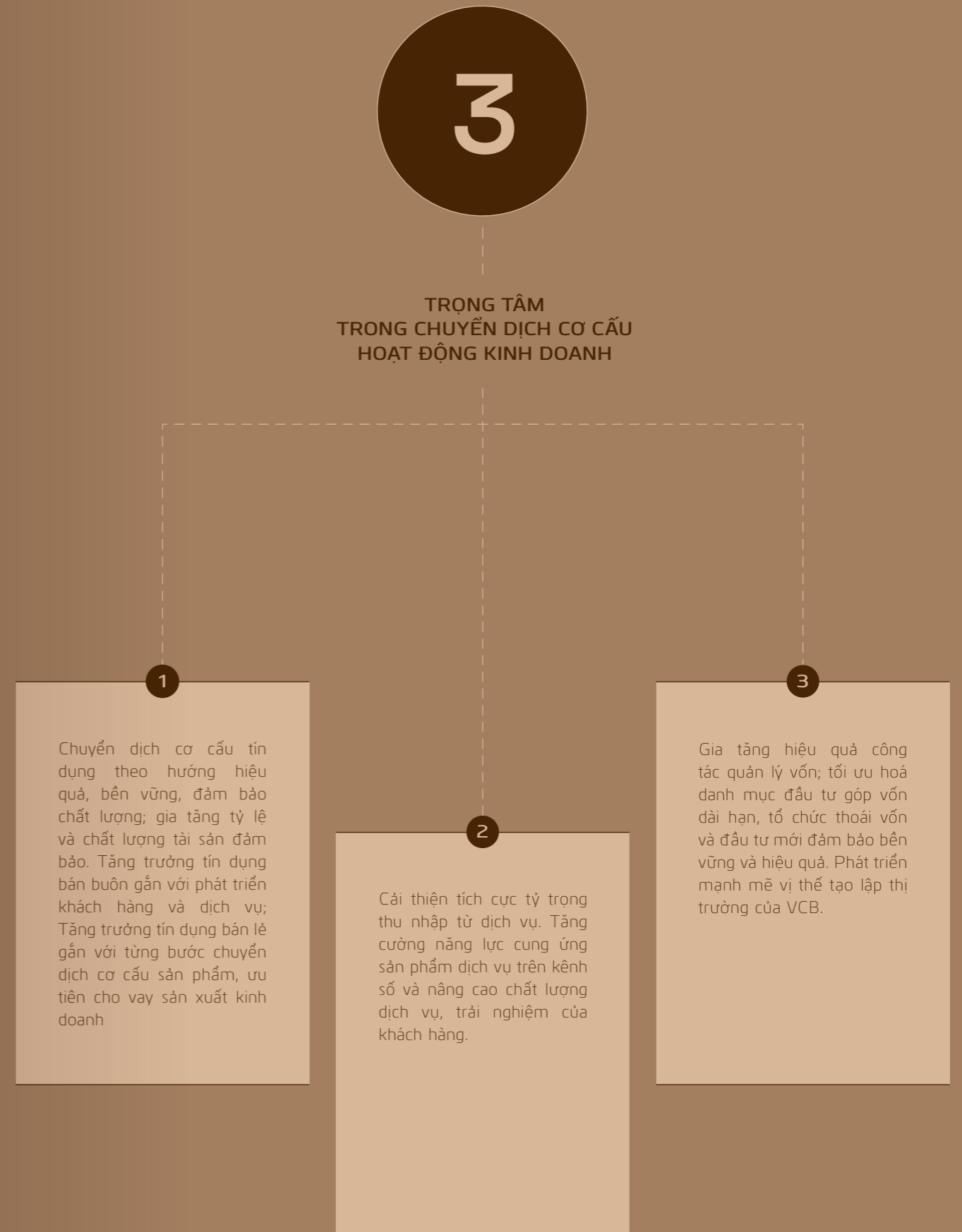
Định kỳ hàng tháng HĐQT tổ chức họp phiên toàn thể đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích diễn biến thị trường, từ đó quyết nghị những chủ trương, định hướng chỉ đạo kịp thời, sát thực tiễn. Tại phiên họp toàn thể này, Tổng Giám đốc báo cáo về mọi mặt hoạt động của ngân hàng; báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định theo yêu cầu của HĐQT. HĐQT phân công, giao nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai; hàng tuần duy trì họp HĐQT để giải quyết, xử lý kịp thời các công việc, hồ sơ và các vấn đề phát sinh từ hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền, chức năng của HĐQT.

Các Thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.



## PHƯƠNG CHÂM HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

1. HĐQT tăng cường vai trò định hướng, giám sát với hoạt động điều hành. Ban Điều hành lãnh đạo, chỉ đạo sát sao kế hoạch kinh doanh năm 2024. Gắn hiệu quả kinh doanh với đảm bảo an toàn sức khỏe, ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và người lao động.
2. Tiếp tục thực hiện mục tiêu chiến lược VCB đến năm 2025 và tầm nhìn 2030, định hướng chỉ đạo hoạt động kinh doanh như sau:
  - i. Phương châm hành động: "Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững".
  - ii. Quan điểm chỉ đạo, điều hành: "Trách nhiệm - Quyết liệt - Sáng tạo".
  - iii. Tiếp tục tập trung thực hiện 6 đột phá và 3 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh.
3. Trong năm 2024, VCB tập trung thực hiện 6 đột phá:
  - i. Triển khai quyết liệt Định hướng Chiến lược đến 2030 và Kế hoạch hành động chuyển đổi theo tiến độ đã phê duyệt, đảm bảo chất lượng. Xây dựng chiến lược đổi mới sáng tạo nhằm kiến tạo toàn chiến lược của VCB, tăng cường nền tảng thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược đến 2030.
  - ii. Kiến tạo tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng nguồn nhân lực thích ứng cho chuyển đổi số. Phát triển văn hóa số và mở rộng ứng dụng phương pháp làm việc Agile.
  - iii. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động; từng bước hình thành hệ sinh thái, phát huy thế mạnh tổng thể của toàn hệ thống VCB.
  - iv. Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, phát triển sản phẩm, đặc biệt các sản phẩm dịch vụ trên kênh số.
  - v. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách; đặc biệt là các cơ chế, chính sách đầu tư mua sắm, tuyển dụng và tạo động lực cho cán bộ.
  - vi. Triển khai thành công phương án nhận chuyển giao bắt buộc một tổ chức tín dụng yếu kém.
4. Thực hiện 3 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh:
  - i. Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng hiệu quả, bền vững, đảm bảo chất lượng; gia tăng tỷ lệ và chất lượng tài sản đảm bảo. Tăng trưởng tín dụng bán buôn gắn với phát triển khách hàng và dịch vụ; Tăng trưởng tín dụng bán lẻ gắn với từng bước chuyển dịch cơ cấu sản phẩm, ưu tiên cho vay sản xuất kinh doanh.
  - ii. Cải thiện tích cực tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Tăng cường năng lực cung ứng sản phẩm dịch vụ trên kênh số và nâng cao chất lượng dịch vụ, trải nghiệm của khách hàng.
  - iii. Gia tăng hiệu quả công tác quản lý vốn; tối ưu hoá danh mục đầu tư góp vốn dài hạn, tổ chức thoái vốn và đầu tư mới đảm bảo bền vững và hiệu quả. Phát triển mạnh mẽ vị thế tạo lập thị trường của VCB.



### III.

## TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

Tổ chức & Nhân sự	76
Hội đồng Quản trị	78
Ban Điều hành	81
Giám Đốc Khối	83
Ban Kiểm soát	85
Kế Toán Trưởng	85

Đổi mới kiến tạo  
Niềm tin

```
0011010      1011001101110
00110011010  1001101101001
1010         0110         00011
1101         1001         010010
1100         0110         101101
0010         1001         10001010
1010         1100         1110
0110         0101         0100     1001
1010         1011         1101     1011
01101011010  11011001111
1011001      0010100
```



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK TÍNH ĐẾN 31/12/2023 LÀ

**23.493** NGƯỜI

Ban lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa mang lại thành công cho ngân hàng.

Thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực tại Việt Nam, Vietcombank đã và đang đổi mới toàn diện công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực, luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ tinh về số lượng, mạnh về chất lượng; tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh, tạo sức mạnh từ nội lực, góp phần đưa Vietcombank vươn lên mạnh mẽ, duy trì vị thế ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, từng bước nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

- Mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tại Trụ sở chính và Chi nhánh tiếp tục được rà soát, kiện toàn, chuẩn hóa theo Khối chức năng, tăng cường chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với chiến lược phát triển và định hướng hoạt động kinh doanh của Vietcombank trong từng thời kỳ.
- Mạng lưới hoạt động trong nước được mở rộng theo định hướng phát triển hoạt động bán lẻ thông qua việc thành lập mới các chi nhánh, phòng giao dịch nhằm nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của Vietcombank trên các địa bàn.
- Hệ thống văn bản quy định nội bộ của Vietcombank về tổ chức và nhân sự thường xuyên được rà soát, hoàn thiện trong tất cả các khâu từ tuyển dụng, giao kết hợp đồng lao động tới đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đánh giá hiệu quả công việc, khen thưởng, kỷ luật,... mang lại hiệu quả tích cực trong việc thu hút, duy trì, quản lý và sử dụng cán bộ, tối ưu hóa nguồn nhân lực của Vietcombank.
- Công tác tuyển dụng của Vietcombank thời gian qua được thị trường đánh giá cao và đã thu hút được một lượng nhân sự lớn có chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Chất lượng nhân sự được kiểm soát từ đầu vào với chính sách tuyển dụng nghiêm túc, công bằng và chuyên nghiệp. Cán bộ nhân viên được bố trí công việc phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.



THAY ĐỔI VỀ NHÂN SỰ TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH.

Thành phần Ban lãnh đạo có thay đổi như sau:

## Giảm

Ông Phạm Mạnh Thắng, Phó Tổng Giám đốc nghỉ hưu theo chế độ từ 01/5/2023;

Bà La Thị Hồng Minh, thôi giữ chức vụ Thành viên BKS VCB từ 24/11/2023;

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, thôi giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VCB từ 24/11/2023.

## Tăng

Bổ nhiệm ông Hồ Văn Tuấn, Giám đốc VCB Sở Giao dịch giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VCB kể từ ngày 15/8/2023.

Bổ nhiệm ông Lê Hoàng Tùng, Kế toán trưởng VCB giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc VCB kể từ ngày 15/8/2023.

Bầu bổ sung bà Nguyễn Thị Kim Oanh, làm Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023-2028 kể từ ngày 24/11/2023;

Điều động và bổ nhiệm bà Nguyễn Thị Hồng Vân, Giám đốc VCB Hà Nội giữ chức vụ Giám đốc Khối Pháp chế và tuân thủ VCB kể từ ngày 15/11/2023;

Bổ nhiệm bà La Thị Hồng Minh giữ chức vụ Kế toán trưởng VCB kể từ ngày 07/12/2023;

Bổ nhiệm bà Đoàn Hồng Nhung, Phó Giám đốc Khối Bán lẻ giữ chức vụ Giám đốc Khối Bán lẻ kể từ ngày 07/12/2023;

Điều động và bổ nhiệm ông Colin Richard Dinn, Giám đốc Khối Công nghệ thông tin và chuyển đổi số giữ chức vụ Giám đốc Khối Chuyển đổi kiêm nhiệm Thành viên chuyên trách thường trực Ban triển khai thành lập Văn phòng chuyển đổi VCB kể từ ngày hiệu lực của giấy phép lao động được cấp đổi theo quy định của pháp luật (hiệu lực giấy phép lao động kể từ ngày 24/11/2023 - 19/9/2024).

Điều động và bổ nhiệm ông Trần Thanh Nam, Giám đốc Khối Vận hành và Giám đốc Đổi mới sáng tạo giữ chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ thông tin & chuyển đổi số và Giám đốc đổi mới sáng tạo kể từ ngày 15/11/2023.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông PHẠM QUANG DŨNG**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng – Đại học Tổng hợp Birmingham (Anh Quốc)
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân

(\* Ông Phạm Quang Dũng được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm làm Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ ngày 01/01/2024



**Ông NGUYỄN THANH TÙNG**  
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



**Ông ĐỖ VIỆT HÙNG**  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Chulalongkorn (Thái Lan)
- Cử nhân kinh tế – Đại học Hàng hải

(\* Ông Đỗ Việt Hùng được Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam phân công là Thành viên phụ trách hoạt động của Hội đồng quản trị kể từ ngày 01/01/2024



**Ông NGUYỄN MẠNH HÙNG**  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ kinh tế – Cao học Việt Nam – Hà Lan
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



**Ông NGUYỄN MỸ HÀO**  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ kinh tế – Học viện Ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng



**Ông SHOJIRO MIZOGUCHI**  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Thương mại và quản lý – Trường Đại học Hitotsubashi (Nhật Bản)



**Ông VŨ VIẾT NGOẠN**  
Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

**Trình độ chuyên môn:**

- Tiến sỹ Tài chính – Đại học Lassale (Hoa Kỳ)
- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng – Học viện Finafrica (Italia)
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



**Ông HỒNG QUANG**  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Ngoại thương liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội



**Bà NGUYỄN THỊ KIM OANH**  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Tài chính – Đại học New South Wales, Australia
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân

## BAN ĐIỀU HÀNH



**Ông NGUYỄN THANH TÙNG**  
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



**Ông LÊ QUANG VINH**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Tài chính – Đại học New South Wales, Australia
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



**Bà ĐINH THỊ THÁI**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



**Bà PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế – Học viện Ngân hàng – CPA Australia
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng



**Ông ĐẶNG HOÀI ĐỨC**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Kinh tế - Trung tâm đào tạo & Nghiên cứu khoa học Ngân hàng (nay là Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh)



**Ông NGUYỄN VIỆT CƯỜNG**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Viện Khoa học xã hội Hà Lan
- Cử nhân Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



**Ông HỒ VĂN TUẤN**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Tiến sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Thạc sỹ Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân



**Ông LÊ HOÀNG TÙNG**  
Phó Tổng Giám đốc

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Kinh tế - Học viện Tài chính;
- Cử nhân Kinh tế - Học viện Tài chính.



**Ông SHOJIRO MIZOGUCHI**  
Thành viên Hội đồng quản trị

**Trình độ chuyên môn:**

- Cử nhân Thương mại và quản lý - Trường Đại học Hitotsubashi (Nhật Bản)

**GIÁM ĐỐC KHỐI**



**Ông COLIN RICHARD DINN**  
Giám đốc Khối Chuyển đổi

Nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng khác nhau ở Châu Á, có nền tảng vững chắc về triển khai công nghệ & kinh doanh nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và dữ liệu



**Ông HỒNG QUANG**  
Giám đốc Khối Nhân sự

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh - Đại học Ngoại thương liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
- Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Luật - Đại học Luật Hà Nội



**Ông TRẦN THANH NAM**  
Giám đốc Khối Công nghệ thông tin & chuyển đổi số và Giám đốc đổi mới sáng tạo

**Trình độ chuyên môn:**

- Tiến sĩ Công nghệ thông tin – Đại học Monash (Úc)
- Thạc sĩ Công nghệ thông tin – Đại học Công nghệ Queensland (Úc)
- Kỹ sư Công nghệ thông tin – Đại học Công nghệ Queensland (Úc)



**Bà ĐOÀN HỒNG NHUNG**  
Giám đốc Khối Bán lẻ

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Quan hệ Kinh tế Quốc tế – Đại học Tổng hợp Konstanz, CHLB Đức
- Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương



**Bà NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN**  
Giám đốc Khối Pháp chế và tuân thủ

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Luật – Đại học Luật Hà Nội
- Cử nhân Luật – Đại học Tổng hợp Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân

## BAN KIỂM SOÁT



**Ông LẠI HỮU PHƯỚC**  
Trưởng Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Griggs Hoa Kỳ liên kết với Đại học Quốc gia Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Tài chính



**Bà ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Kinh tế – Đại học Ngoại thương
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương

## KẾ TOÁN TRƯỞNG



**Bà TRẦN MỸ HẠNH**  
Thành viên Ban kiểm soát

**Trình độ chuyên môn:**

- Chứng chỉ sau đại học về Kinh tế học ứng dụng và Chính sách công (chương trình học bổng Fulbright)
- Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán – Học viện Tài chính



**Bà LA THỊ HỒNG MINH**  
Kế toán trưởng

**Trình độ chuyên môn:**

- Thạc sĩ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng

# IV.

# QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Quản trị Công ty	88
Quản trị rủi ro	96
Mạng lưới hoạt động	104

Chuẩn mực  
kiến tạo Giải pháp

```
0011010  
00110011010  
1010 0110  
1101 1001  
1100 0110  
0010 1001  
1010 1100  
0110 0101  
1010 1011  
0110101010  
10110011010101  
1110  
0001
```



# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong những năm qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, bên cạnh việc tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, Vietcombank đã chủ động áp dụng các thông lệ tốt về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực nhằm thúc đẩy cải thiện thực tiễn quản trị cho toàn hệ thống và nâng cao nhận thức của các cán bộ quản lý và cán bộ nhân viên về các thông lệ quản trị công ty tốt.

## Cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần của Vietcombank		Ghi chú
			Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	
1	PHẠM QUANG DŨNG	Chủ tịch HĐQT	4.943	0,000088%	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 25/04/2013. Được HĐQT VCB bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/11/2014. Được HĐQT VCB bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 30/08/2021. Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT kể từ ngày 01/01/2024 theo Quyết định số 1669/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.
2	NGUYỄN THANH TÙNG	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	14.933	0,000267%	Được HĐQT giao phụ trách Ban Điều hành VCB kể từ ngày 30/08/2021. Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 bầu là thành viên HĐQT VCB nhiệm kỳ 2018 - 2023 kể từ ngày 30/01/2023. Cùng ngày, HĐQT VCB thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tùng giữ chức vụ Tổng Giám đốc VCB. Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 - 2028 kể từ ngày 21/04/2023.
3	ĐỖ VIỆT HÙNG	Thành viên HĐQT	0	0 %	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/04/2019. Được phân công phụ trách hoạt động của HĐQT VCB kể từ ngày 01/01/2024. Thành viên không điều hành.
4	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Thành viên HĐQT	3.420	0,000061%	Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. Thành viên không điều hành.
5	NGUYỄN MỸ HẢO	Thành viên HĐQT	10.566	0,000189 %	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. Thành viên không điều hành.
6	HỒNG QUANG	Thành viên HĐQT	2	0 %	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018.
7	SHOJIRO MIZOGUCHI	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	0	0 %	Được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 23/04/2021.

8	VŨ VIỆT NGOẠN	Thành viên HĐQT	0	0 %	Được ĐHĐCĐ bầu là TV độc lập của HĐQT kể từ ngày 21/4/2023. Thành viên độc lập.
9	NGUYỄN THỊ KIM OANH	Thành viên HĐQT	5.000	0,00009%	Được ĐHĐCĐ bất thường tháng 11 năm 2023 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 24/11/2023. Thành viên không điều hành.
10	TRƯƠNG GIA BÌNH	Thành viên HĐQT	0	0 %	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018. Hết nhiệm kỳ thành viên HĐQT vào ngày 21/4/2023.

## Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị (HĐQT) VCB đã tổ chức họp 59 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản 92 nội dung để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

Tỷ lệ tham dự họp của các Thành viên HĐQT trong năm 2023 như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp trên cơ sở lấy phiếu ý kiến	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	25/4/2013	59/59	92/92	100%
2	Nguyễn Thanh Tùng (1)	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	30/01/2023	54/59	75/92	100%
3	Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT	26/04/2019	59/59	92/92	100%
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	26/12/2014	59/59	92/92	100%
5	Nguyễn Mỹ Hảo	Thành viên HĐQT	28/04/2017	59/59	92/92	100%
6	Hồng Quang	Thành viên HĐQT	27/04/2018	59/59	92/92	100%
7	Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	23/04/2021	59/59	92/92	100%
8	Vũ Viết Ngoạn (2)	Thành viên HĐQT	21/04/2023	08/59	0/0	100%
9	Nguyễn Thị Kim Oanh (3)	Thành viên HĐQT	24/11/2023	07/59	0/0	100%
10	Trương Gia Bình (4)	Thành viên HĐQT	27/04/2018	0/0	0/0	0%

## Ghi chú

(1) Ông Nguyễn Thanh Tùng được bầu là TV HĐQT từ ngày 30/01/2023 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia đối với các phiên họp và số buổi họp trên cơ sở lấy phiếu ý kiến từ ngày 30/01/2023.

(2) Ông Vũ Viết Ngoạn được bầu làm TV độc lập của HĐQT từ ngày 21/04/2023 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia đối với các phiên họp toàn thể từ ngày 21/04/2023.

(3) Bà Nguyễn Thị Kim Oanh được bầu làm TV HĐQT từ ngày 24/11/2023 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia đối với các phiên họp và số buổi họp trên cơ sở lấy phiếu ý kiến từ ngày 24/11/2023.

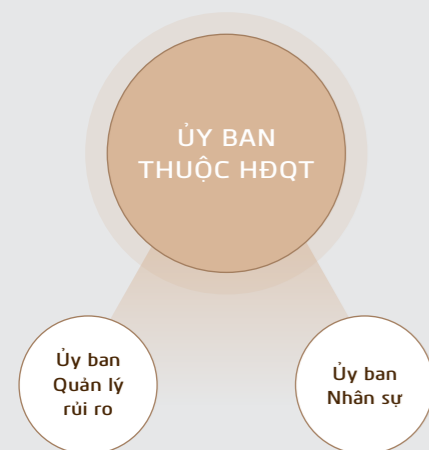
(4) Ông Trương Gia Bình (TV độc lập của HĐQT) không tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT do bận công tác khác. Ông Trương Gia Bình được miễn nhiệm chức vụ TV độc lập của HĐQT từ ngày 21/04/2023 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia họp từ 01/01/2023 đến hết 21/04/2023.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

VCB có 02 Ủy ban thuộc HĐQT là: Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Việc thành lập các Ủy ban đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) và pháp luật. Các Ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành.



### Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) tham mưu cho HĐQT trong việc phê duyệt các chính sách và định hướng phù hợp trong từng thời kỳ liên quan đến các loại rủi ro (rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động...), bao gồm cả việc xác định các tỷ lệ, giới hạn/hạn chế và khẩu vị rủi ro của Ngân hàng. Trong năm 2023, UBQLRR đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ, tiếp tục phối hợp với các phòng ban có liên quan để xây dựng và hoàn thiện các quy chế/mô hình của VCB. Ngoài ra, UBQLRR còn tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi với các chuyên gia, nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế vĩ mô hiện tại và trong thời gian tới. UBQLRR tham mưu đề xuất cho HĐQT các chiến lược, chính sách quản lý rủi ro, các biện pháp phòng ngừa rủi ro trên nhiều mặt hoạt động. Để phù hợp với việc thay đổi nhân sự cấp cao, trong năm 2023, HĐQT VCB đã thực hiện phê duyệt thành lập UBQLRR nhiệm kỳ 2023-2028.

### Ủy ban Nhân sự

Ủy ban nhân sự (UBNS) có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của VCB. Sau khi các văn bản quy chế về quản lý cán bộ được ban hành đồng bộ, UBNS đã tích cực, chủ động trong việc tham mưu, đánh giá, đề xuất quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, quản lý toàn mô hình tổ chức theo các Khối và phát triển mạng lưới, nhân sự phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh của VCB. Để phù hợp với việc thay đổi nhân sự cấp cao, trong năm 2023, HĐQT VCB đã thực hiện phê duyệt thành lập UBNS nhiệm kỳ 2023-2028.

Các thành viên Hội đồng quản trị đều đã tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty.

## BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát



Tại Nghị quyết số 16/TN2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua số lượng thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 là 05 thành viên, thông qua số thành viên được bầu vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 gồm 04 thành viên. Tại phiên họp đầu tiên của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028, các Thành viên Ban Kiểm soát đã thống nhất bầu ông Lại Hữu Phước giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát VCB nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Tại ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 24/11/2023, ĐHĐCĐ đã thống nhất miễn nhiệm bà La Thị Hồng Minh - thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028 để bố trí công tác khác. Như vậy, nhân sự Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2023 gồm có 03 thành viên.

Trong năm 2023, các Thành viên BKS tham dự cuộc họp BKS như sau:

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lại Hữu Phước	Trưởng BKS	26/06/2020	11/11	100%
2	Bà La Thị Hồng Minh (1)	Thành viên BKS	26/04/2008	08/11	72,7%
3	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	26/04/2008	11/11	100%
4	Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	29/04/2022	11/11	100%

### Ghi chú

(1) Ngày 24/11/2023, ĐHĐCĐ bất thường thống nhất miễn nhiệm Bà La Thị Hồng Minh - thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 để bố trí công tác khác. Do đó, số buổi tham dự và tỉ lệ tham dự chỉ tính đến ngày 24/11/2023.

**Hoạt động của Ban Kiểm soát**

**Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát**

*Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Điều hành và cổ đông:*

- BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BDH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2023 của VCB được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong việc quản trị, điều hành. Trong năm 2023, mặc dù phải đối mặt với những khó khăn từ nền kinh tế thế giới, sự chững lại của các động lực tăng trưởng kinh tế trong nước, nhưng VCB đã có những định hướng đúng đắn, bám sát các chính sách, chỉ đạo của NHNN trong việc thực thi chính sách tiền tệ, đề ra các giải pháp thích hợp và tập trung thực hiện quyết liệt các biện pháp thúc đẩy kinh doanh, đẩy nhanh tiến độ xử lý công việc và tập trung giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong toàn hệ thống để đảm bảo phát triển kinh doanh đạt mục tiêu đã đề ra. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VCB đi đúng định hướng của ĐHĐCĐ với phương châm Chuyển đổi - Hiệu quả - Bền vững; hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BDH đã tuân thủ các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng.
- Công tác giám sát của BKS được thực hiện qua việc rà soát, đánh giá, phân

tích các báo cáo của các Phòng/Ban/Trung tâm/Đơn vị tại Trụ sở chính, các báo cáo của HĐQT, BDH, báo cáo kiểm tra/kiểm toán nội bộ đối với các mảng hoạt động; giám sát danh mục khách hàng, tình hình cấp tín dụng theo ngành hàng, tình hình cấp tín dụng đối với các khách hàng và người có liên quan có dư nợ lớn của VCB; giám sát hoạt động đầu tư mua sắm, tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết/quyết định HĐQT để thực hiện các định hướng chỉ đạo của ĐHĐCĐ; theo dõi việc ban hành, cập nhật, sửa đổi các văn bản quy định của VCB cho phù hợp với quy định của NHNN và quy định của pháp luật có liên quan;...

- Thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Phó Tổng Giám đốc phụ trách BDH và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Phó Tổng Giám đốc phụ trách BDH và cập nhật thông tin định kỳ, đảm bảo các thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời theo quy định.

*Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BDH và các cán bộ quản lý khác:*

- Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ VCB, BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BDH. BKS cũng được cung cấp các báo cáo, thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm toán, giám sát của BKS.
- BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BDH trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp trong hoạt động giám sát, kiểm toán của ngân hàng. BKS thường xuyên đưa ra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất

với HĐQT, BDH trong việc ban hành các văn bản quy định, chính sách nội bộ của VCB nhằm đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong hoạt động ngân hàng. Thông qua hoạt động kiểm soát, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BDH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn hoạt động của Ngân hàng. Các kiến nghị của BKS đã được HĐQT, BDH chỉ đạo triển khai thực hiện trong toàn hệ thống.



*Hoạt động khác của BKS:*

- Trong năm 2023, BKS đã chỉ đạo các bộ phận trực thuộc triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ VCB:

**1**

Thực hiện công tác thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022 và Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2023 của VCB;

**2**

Theo dõi tình hình quản lý giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn; theo dõi, giám sát từ xa các chi nhánh, công ty con của VCB;

**3**

Triển khai 28 chuyên đề kiểm toán nội bộ, trong đó bao gồm: 13 chuyên đề kiểm toán mang tính hệ thống về các hoạt động tín dụng, phòng chống rửa tiền, quản lý ngoại hối, quản lý rủi ro hoạt động, mua sắm tài sản, công tác cải tạo sửa chữa, quản lý và kinh doanh vốn, hệ thống phần mềm nghiệp vụ; 15 cuộc kiểm toán các chi nhánh/công ty con/văn phòng đại diện. Thông qua kết quả kiểm toán và giám sát, BKS đã chỉ ra các vấn đề tồn tại, hạn chế trong hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của ngân hàng, từ đó kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị triển khai các biện pháp khắc phục, nhằm cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, nâng cao ý thức quản trị rủi ro của các đơn vị trong hệ thống VCB, qua đó góp phần đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ, chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

- BKS đã chủ động, tăng cường theo dõi, đôn đốc các Phòng/Ban/Trung tâm/Đơn vị tại Trụ sở chính và các chi nhánh trong quá trình thực hiện kiến nghị của BKS, Kiểm toán nội bộ và kiến nghị theo kết luận của các đơn vị thanh tra, kiểm tra bên ngoài.
- BKS thường xuyên tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách, quy định của VCB nhằm tăng cường kiểm soát và quản lý rủi ro.
- Các thành viên/cán bộ BKS đã tích cực, chủ động tham gia các dự án nâng cao năng lực quản trị và các dự án khác của ngân hàng; nghiên cứu, đề xuất, triển khai các sáng kiến khoa học; tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành; xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ giám sát, kiểm toán, tăng cường trao đổi kinh nghiệm và phương pháp kiểm toán cho cán bộ mới.

**Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan**

Trong năm 2023, VCB có phát sinh 01 giao dịch mua cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Kim Oanh	Người nội bộ	0	0%	5.000	0,00009%	Mua cổ phiếu



### Thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD và người quản lý khác

Thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD và người quản lý khác được công bố tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã kiểm toán của VCB (Thuyết minh số 41).

Thù lao bình quân của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD và người quản lý khác trong năm 2023 theo giới tính cụ thể như sau:

	Trung bình thu nhập năm 2023 (Triệu VND)	Số lượng thành viên năm 2023
<b>Hội đồng quản trị</b>	<b>2.098</b>	<b>8</b>
Nam	2.059	7
Nữ	2.370	1
<b>Ban Điều hành</b>	<b>3.042</b>	<b>13</b>
Nam	3.894	8
Nữ	1.678	5
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.682</b>	<b>21</b>

### Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

#### Tiếp xúc nhà đầu tư

Với vai trò ngân hàng hàng đầu về chất lượng tài sản, hiệu quả hoạt động và là công ty đại chúng có vốn hóa lớn nhất Việt Nam, hoạt động quan hệ nhà đầu tư luôn được Vietcombank chú trọng, chuyên nghiệp hóa và hướng đến những chuẩn mực quốc tế tốt nhất. Ngân hàng đã thực hiện gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi với cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích để cập nhật tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chiến lược của VCB cũng như trao đổi về bối cảnh kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính - ngân hàng và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Trong năm 2023, Vietcombank đã thực hiện 4 cuộc họp công bố kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý, ~75 cuộc tiếp xúc và tham dự 17 sự kiện

#### Hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Nhận thức rõ vai trò của thông tin minh bạch, kịp thời về tình hình hoạt động của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư, hoạt động công bố thông tin tại Vietcombank luôn nhận được nhiều sự quan tâm, chú trọng. Vietcombank đã thực hiện công bố chính xác, kịp thời và đầy đủ hơn 130 nội dung

nhà đầu tư tại các thị trường tài chính lớn trên thế giới (Singapore, Hongkong, Tokyo, Dubai...) với sự tham gia của hơn 600 nhà đầu tư, chuyên gia phân tích trong và ngoài nước. Các hoạt động này của Vietcombank luôn được các công ty chứng khoán, nhà đầu tư đánh giá cao về chất lượng cũng như mức độ chuyên nghiệp, bài bản. Qua đó, thông tin về hoạt động kinh doanh của Vietcombank được truyền tải đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời, chính xác tới nhà đầu tư và thị trường, góp phần giữ vững vị thế đứng đầu về giá trị vốn hóa cũng như hiệu quả đầu tư của cổ phiếu Vietcombank, vượt lên những biến động bất lợi trên thị trường chứng khoán nói chung.

thông tin định kỳ, bất thường về hoạt động ngân hàng, đảm bảo tuân thủ theo quy định cũng như gia tăng niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư thông qua việc kịp thời nắm bắt và cập nhật được tình hình hoạt động cũng như những kế hoạch, chiến lược của Vietcombank.

### Những thành tựu trong năm 2023

Với sự quyết tâm và nỗ lực của cả hệ thống, Vietcombank đã hoàn thành tốt chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu và tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong hệ thống ngân hàng về hiệu quả hoạt động với chất lượng tài sản được kiểm soát tốt. Năm 2023, lợi nhuận trước thuế của Vietcombank đạt kỷ lục 41,2 nghìn tỷ đồng, cao nhất ngành với chỉ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) duy trì mức cao (~21,99%). Về quản trị rủi ro, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều biến động, Vietcombank tiếp tục duy trì quan điểm điều hành thận trọng, kiểm soát tốt chất lượng tài sản, thể hiện ở tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,99%, thấp nhất trong các ngân hàng có quy mô lớn trên thị trường.

Vị thế dẫn đầu về chất lượng tài sản, hiệu quả hoạt động của Vietcombank tiếp tục được khẳng định khi Vietcombank đã được cả 3 tổ chức định hạng tín nhiệm quốc tế là Fitch Ratings,

Moody's và S&P xếp hạng ở mức cao nhất trong các ngân hàng thương mại Việt Nam, tương đương mức tín nhiệm quốc gia. Đặc biệt, tại cuối tháng 12 năm 2023, Fitch đã nâng định hạng nhà phát hành dài hạn và định hạng hỗ trợ của Chính phủ lên mức BB+ từ mức BB, ngang mức xếp hạng quốc gia.

Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục được nhận hàng loạt các giải thưởng thường niên danh giá như giải Best Investor Relations Bank do International Finance trao tặng, top 20 doanh nghiệp niêm yết có chỉ số phát triển bền vững (VNSI) tốt nhất thị trường hay giải top 10 doanh nghiệp niêm yết có bảo cáo thường niên tốt nhất trong lĩnh vực tài chính năm 2023 do Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh phối hợp với các bên tổ chức. Những giải thưởng và phản hồi tích cực từ nhà đầu tư là minh chứng cho những cống hiến và nỗ lực không mệt mỏi trong công tác quan hệ nhà đầu tư những năm qua, nhằm hướng tới xây dựng hình ảnh thương hiệu Vietcombank minh bạch và chuyên nghiệp.

Năm 2023, Vietcombank tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông giao. Trong tháng 9 năm 2023, Vietcombank đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2019, 2020 sau thuế với tỷ lệ phát hành tương ứng ~18,1% vốn điều lệ tại thời điểm phát hành, nâng mức vốn điều lệ của VCB lên 55.891 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục xây dựng các kế hoạch phát hành cổ phiếu trả cổ tức song song với việc tích cực triển khai các bước thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ, giúp nâng cao mức vốn điều lệ và năng lực tài chính của Vietcombank. Với quy mô vốn điều lệ liên tục gia tăng, Vietcombank đang từng bước hiện thực hóa mục tiêu chiến lược của ngành ngân hàng nói chung và Vietcombank nói riêng là phấn đấu niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán nước ngoài trong tương lai gần.



# QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhằm giữ vững mục tiêu chiến lược là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, tiên phong trong nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương thức quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, định hướng của cơ quan quản lý, cũng như nhu cầu quản trị nội bộ.

## THÔNG TIN CHUNG

Về cơ cấu tổ chức, Vietcombank thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro phù hợp với nguyên tắc ba tuyến bảo vệ:

1

Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro;

2

Tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật và

3

Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ.

Đồng thời, Ngân hàng tăng cường, nâng cao vai trò, hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng, Bộ phận trong công tác quản lý rủi ro, như: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, Bộ phận Quản lý rủi ro, Bộ phận Tuân thủ, Kiểm toán nội bộ... qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, đồng thời hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho Ngân hàng.

Các văn bản, chính sách, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro được Vietcombank liên tục rà soát, cập nhật định kỳ nhằm đáp ứng các yêu cầu, định hướng của Cơ quan quản lý, cũng như thực trạng hoạt động của Ngân hàng.

Vietcombank cũng chú trọng trong nghiên cứu, xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp tiên tiến. Các mô hình lượng hóa rủi ro đã được xây dựng

với tỷ lệ bao phủ gần như toàn bộ danh mục của Ngân hàng. Bên cạnh đó, các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cũng thường xuyên được Vietcombank nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản trị. Công tác rà soát và nâng cao chất lượng dữ liệu tại Vietcombank được chú trọng và duy trì thường xuyên, liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm soát chất lượng cũng như tính đầy đủ của dữ liệu. Vietcombank xác định mục tiêu đảm bảo chất lượng dữ liệu là mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn này để duy trì và nâng cao khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

Năm 2023 trong bối cảnh tình hình kinh tế xã hội trong nước còn nhiều khó khăn, Vietcombank vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả và tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện các giải pháp nâng cao công tác quản lý rủi ro cho Ngân hàng.

Tiếp nối thành công là Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được NHNN chấp thuận cho phép áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn quy định, cũng như hoàn thành việc đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP – Trụ cột 2 Basel II), ngoài việc vận hành công tác quản lý rủi ro và tính vốn theo chuẩn mực Basel II phương pháp tiêu chuẩn, Vietcombank tiếp tục chủ động nghiên cứu, triển khai các giải pháp, sáng kiến liên quan đến Basel II theo phương pháp nâng cao cũng như nghiên cứu, chuẩn bị các năng lực cần thiết để triển khai, áp dụng Basel III, qua đó hướng đến là ngân hàng tiên phong tại Việt Nam đáp ứng các chuẩn mực Basel cao hơn ngay khi NHNN ban hành quy định, hướng dẫn chính thức.

Cũng trong năm 2023, Vietcombank đã thực hiện rà soát chiến lược đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó khẳng định mục tiêu chiến lược là Ngân hàng quản trị rủi ro hàng đầu Việt Nam, đồng thời rà soát, cập nhật các giải pháp chiến lược nhằm đạt được mục tiêu nêu trên.



# QUẢN TRỊ RỦI RO

## CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÁC LOẠI HÌNH RỦI RO TRỌNG YẾU TẠI VIETCOMBANK TRONG NĂM 2023

### Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm:

1

Rủi ro tín dụng (là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng);

2

Rủi ro tín dụng đối tác (là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này).



Khung quản lý rủi ro tín dụng của Vietcombank bao gồm cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, hạn mức và báo cáo rủi ro tín dụng. Một số kết quả quản lý rủi ro tín dụng chính trong thời gian vừa qua có thể kể đến như sau:

- Vận hành hiệu quả hệ thống khung dấu hiệu cảnh báo sớm ("EWS"), được xây dựng dựa trên cơ sở mô hình phân tích định lượng các dữ liệu trên hệ thống ngân hàng lõi, kết hợp với bộ câu hỏi định tính và ý kiến chuyên gia nhằm đánh giá uy tín, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng. Theo đó, việc vận hành hệ thống EWS giúp đánh giá và nhận diện sớm các đối tượng khách hàng doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro, kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa, nhằm nâng cao chất lượng danh mục tín dụng của Ngân hàng.
- Rà soát thường xuyên, điều chỉnh kịp thời hệ thống các văn bản chính sách về quản lý rủi ro tín dụng, gồm: (i) chính sách quản lý rủi ro tín dụng; (ii) quy định về giới hạn tín dụng đối với một khách hàng/nhóm khách hàng; (iii) quy

định về giới hạn tín dụng đối tác đối với một đối tác của Vietcombank; (iv) quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng; (v) chính sách bảo đảm tín dụng; (vi) quy định về mua, bán và bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp; (vii) bộ quy trình tín dụng theo từng đối tượng khách hàng... phù hợp với quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng.

- Xây dựng, hoàn thiện các mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng theo Basel II; từng bước đưa vào ứng dụng trong các chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động điều hành kinh doanh.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng, tính kịp thời và chủ động trong công tác quản lý danh mục tín dụng thông qua việc triển khai các báo cáo quản trị đa chiều phù hợp với thực tế diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và đặc thù danh mục tín dụng của Vietcombank. Đồng thời, triển khai, hoàn thiện các chương trình, dự án, sáng kiến nhằm nâng cao năng lực quản trị và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý danh mục tín dụng.



- Xây dựng, rà soát định hướng ngành kinh tế trên cơ sở đánh giá các diễn biến, tác động vĩ mô và phân tích danh mục để thực hiện điều chỉnh kịp thời góp phần hỗ trợ công tác phát triển kinh doanh, xây dựng kế hoạch tín dụng, cũng như thẩm định, rà soát và phê duyệt tín dụng.
- Cải thiện chất lượng, cập nhật thường xuyên thông tin về nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan nhằm mục tiêu quản trị, kiểm soát rủi ro trong cấp tín dụng đối với danh mục nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan, đặc biệt là nhóm khách hàng trọng yếu theo khẩu vị rủi ro riêng của Vietcombank.
- Xây dựng, theo dõi và quản lý hạn mức rủi ro tín dụng, bao gồm: (i) Hạn mức cấp tín dụng theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm.

Trong năm 2023, Ngân hàng đã bổ sung quy định về quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng vào Chính sách quản lý rủi ro tín dụng, thể hiện định hướng, mục tiêu của Ngân hàng đối với rủi ro này. Đồng thời trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chịu sự tác động của kinh tế thế giới với biến động nhanh, khó lường ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân, Vietcombank đã duy trì đồng bộ các giải pháp về chính sách/quy định và hệ thống công nghệ tiên tiến, đồng thời thường xuyên đánh giá chất lượng danh mục tín dụng. Mặc dù gặp những khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của Ngân hàng, nhưng Vietcombank vẫn đảm bảo chất lượng tín dụng được kiểm soát, cho thấy Vietcombank đã khẳng định vị thế một Ngân hàng vững mạnh về tài chính, tiếp tục duy trì hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## Quản lý rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính (bao gồm cả rủi ro pháp lý) đối với Ngân hàng. Rủi ro hoạt động không bao gồm rủi ro danh tiếng và rủi ro chiến lược.

Khung quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) của Vietcombank bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức, văn hóa quản lý rủi ro, hệ thống các chính sách, quy trình, khẩu vị, hạn mức, các công cụ, hệ thống và báo cáo QLRRHĐ liên tục được nâng cấp, kiện toàn và triển khai đầy đủ bảo đảm tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo tiêu chuẩn tiên tiến Basel II, hướng đến đáp ứng tiêu chuẩn Basel III và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Ngân hàng.

Năm 2023, trong bối cảnh nền kinh tế còn có những khó khăn chung, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của các sản phẩm dịch vụ trên nền tảng áp dụng công nghệ cao dẫn tới những rủi ro hoạt động tiềm ẩn, đặc biệt là rủi ro gian lận bên ngoài sử dụng công nghệ cao, Vietcombank tiếp tục chú trọng, tăng cường công tác QLRRHĐ với mục tiêu giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng. Các cấu phần thuộc khung QLRRHĐ, đặc biệt là các công cụ QLRRHĐ (như công tác báo cáo sự cố, tự đánh giá rủi ro và các chốt kiểm soát, xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro hoạt động chính (KRI), đánh giá rủi ro sản phẩm, quy trình mới) được triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn hệ thống nhằm nhận dạng, đo lường,

theo dõi và kiểm soát đầy đủ, kịp thời rủi ro hoạt động trong tất cả các sản phẩm, hoạt động kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống quản lý khác của Ngân hàng, góp phần hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo đảm an toàn hoạt động.

Bên cạnh đó, Vietcombank cũng thường xuyên cải thiện những hành động cụ thể để quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm đẩy mạnh khung quản lý rủi ro gian lận, khung quản lý rủi ro công nghệ thông tin, QLRRHĐ đối với hoạt động thuê ngoài, và quản lý kinh doanh liên tục. Ngoài các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Vietcombank tiếp tục thực hiện chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm đối với tài sản của ngân hàng như một biện pháp bổ sung để quản lý rủi ro hoạt động và bảo vệ Ngân hàng trước nguy cơ tổn thất nghiêm trọng. Văn hóa QLRRHĐ của Vietcombank tiếp tục được củng cố, phát triển thông qua công tác đào tạo nâng cao về QLRRHĐ, quy tắc ứng xử cho toàn bộ người lao động, đào tạo cơ bản về QLRRHĐ cho toàn bộ nhân viên mới, xây dựng một môi trường lao động gắn kết, tuân thủ, có trách nhiệm để ngăn ngừa rủi ro.



## Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của giá thị trường bao gồm nhưng không giới hạn tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hoá đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của ngân hàng. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá chứng khoán trên Sổ kinh doanh; rủi ro ngoại hối, rủi ro giá hàng hoá trên Sổ kinh doanh và Sổ ngân hàng.

## Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh do:

1. Ngân hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc
2. Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro thị trường của Vietcombank là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức, chính sách, quy trình, mô hình và công cụ quản trị rủi ro, thiết lập và giám sát hạn mức, phân tích và báo cáo rủi ro. Vietcombank áp dụng các đại lượng đo lường (định giá, độ nhạy, giá trị chịu rủi ro VaR, lãi/lỗ theo giá thị trường, kiểm tra hồi tố VaR, kiểm tra sức chịu đựng) được xây dựng theo thông lệ quốc tế đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng. Việc quản lý rủi ro thị trường được thực hiện chi tiết đến từng đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trên cơ sở xác định từng hồ sơ rủi ro nói riêng và khẩu vị rủi ro của Vietcombank nói chung. Trên cơ sở khung quản lý rủi ro thị trường đồng bộ, Vietcombank có thể chủ động phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế các tác động bất lợi của biến động thị trường.

Khung quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank đã được thiết lập đầy đủ bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế, các tiêu chuẩn tiên tiến về Basel II, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Các quy định, quy trình, hạn mức, công cụ quản lý rủi ro thanh khoản...đều được rà soát và cập nhật hằng năm để kịp thời sửa đổi đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và thực tế triển khai trong nội bộ của Ngân hàng.

Trong năm 2023, Vietcombank tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật khung quản lý rủi ro thị trường đáp ứng quy định của pháp luật, nhu cầu của đơn vị kinh doanh đối với các sản phẩm mới, triển khai nghiên cứu và thử nghiệm các chuẩn mực quốc tế cao hơn như Basel III, ứng dụng chuyển đổi số, tăng cường tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rủi ro thị trường.

Trong năm 2023, thanh khoản của Vietcombank luôn được đảm bảo an toàn. Tiếp nối năm 2022, ngoài việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản chặt chẽ hàng ngày, Vietcombank chủ động cập nhật thông tin thanh khoản thị trường, từ đó đúc rút bài học kinh nghiệm từ các cuộc khủng hoảng tại các ngân hàng trong nước và quốc tế để hoàn thiện quy định, quy trình nội bộ liên quan đến xử lý khủng hoảng thanh khoản tại Vietcombank. Đồng thời, Vietcombank đã thiết lập ngưỡng cảnh báo sớm nội bộ cho tỷ lệ NSFR quy VND với lộ trình tăng dần ngưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu tối thiểu của Basel (100%) và xây dựng kế hoạch thiết lập hạn mức, ngưỡng cảnh báo sớm đối với tỷ lệ LCR.

# QUẢN TRỊ RỦI RO

## Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng phát sinh do:

1

Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;

2

Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm tái định giá;

3

Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau

4

Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.



Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, hướng dẫn, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát, báo cáo rủi ro theo các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Vietcombank áp dụng các công cụ, hạn mức quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng vào hoạt động quản trị (quản lý trạng thái chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy

cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất và các khoản mục ngoại bảng nhạy cảm lãi suất trên sổ Ngân hàng; độ nhạy thu nhập lãi thuần (độ nhạy NII) và độ nhạy giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (độ nhạy EVE)). Ngoài ra, Vietcombank cũng sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Trong năm 2023, Vietcombank luôn theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng luôn duy trì trong giới hạn đã thiết lập.

## Quản lý rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh.

Vietcombank đã thiết lập khung quản trị rủi ro tập trung đầy đủ, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, cũng như quy định nội bộ của Vietcombank.

Trong công tác quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng, Vietcombank chủ trương đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng theo các nguyên tắc sau: (i) xác định hạn mức rủi ro tập trung tín dụng cho sản phẩm tín dụng, khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tài sản bảo đảm; (ii) xác định người có liên quan của khách hàng theo quy định của pháp luật và theo định danh của Ngân hàng; (iii) xác định mức độ đa dạng và mức độ tương tác giữa các sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế. Trong năm 2023, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi sát sao các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng luôn duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục nâng cao phương áp luận về Khung kiểm tra sức chịu đựng về vốn đối với rủi ro

tín dụng và rủi ro tập trung tín dụng nhằm tối ưu hoá nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Đối với rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh, Vietcombank đã triển khai công cụ quản lý dựa trên các tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh qua đó thiết lập hạn mức đảm bảo mức độ đa dạng, mức độ tương tác. Các hạn mức được thiết lập dựa trên mức tối đa của tỷ trọng giữa số dư của sản phẩm, loại tiền tệ và đối tác giao dịch so với tổng số dư giao dịch tự doanh. Trong năm 2023, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi sát sao các hạn mức này nhằm đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tự doanh luôn duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, các phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro được Vietcombank rà soát/cập nhật để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Ngân hàng.



# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
1	<b>An Giang</b>	Số 26 Hai Bà Trưng, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang	02963.898999
2	<b>Ba Đình</b>	Số 72 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.	024.37665318
3	<b>Bà Rịa</b>	Số 03 Trường Chinh, phường Phước Trung, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	0254.3716275
4	<b>Bảo Lộc</b>	Số 452 Trần Phú, phường 2, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	02633.726.886
5	<b>Bắc Bình Dương</b>	Lô D1-4-TT, Đường NA3, Khu công nghiệp Mỹ Phước 2, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	0274.3697979
6	<b>Bắc Giang</b>	Số 278 đường Hoàng Văn Thụ, phường Dĩnh Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.	02043.797.888
7	<b>Bắc Hà Tĩnh</b>	Số 52 Đường Trần Phú, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.6262555
8	<b>Bạc Liêu</b>	Số 49 đường Hòa Bình, phường 1, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	0291.3955055
9	<b>Bắc Ninh</b>	Ngã 6, phường Đại Phúc, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	0222.3811.282
10	<b>Bắc Gia Lai</b>	Số 737 Phạm Văn Đồng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	02693 867927
11	<b>Bắc Sài Gòn</b>	Số 155-155A đường Trường Chinh, phường Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. HCM	028.73008999
12	<b>Bến Tre</b>	Số 55B3, đại lộ Đồng Khởi, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre	0275.6255888
13	<b>Biên Hòa</b>	Số 22, đường 3A, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251.3991944
14	<b>Bình Định</b>	66C đường Lê Duẩn, phường Lý Thường Kiệt, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3526666
15	<b>Bình Dương</b>	Số 185-187 Đại lộ Bình Dương, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0274.3831227
16	<b>Bình Phước</b>	Số 744 đường Phú Riêng Đỏ, phường Tân Xuân, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước	0271.3558888
17	<b>Bình Thuận</b>	Số 50 Đại lộ Nguyễn Tất Thành, Phường Hưng Long, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận	0252.3739064
18	<b>Cà Mau</b>	Số 07 đường An Dương Vương, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	0290.3575857
19	<b>Cần Thơ</b>	03-05-07 Hòa Bình, phường Tân An, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	0292 3820445
20	<b>Châu Đốc</b>	Số 20 Lê Lợi, phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang	0296.3565603
21	<b>Chí Linh</b>	Số 1 đường Thái Học, phường Sao Đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương	02203.885522

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
22	<b>Chương Dương</b>	564 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội	024.3652.3333
23	<b>Đà Nẵng</b>	140-142 Lê Lợi, phường Hải Châu, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	0236.3822110
24	<b>Đắk Lắk</b>	06 Trần Hưng Đạo, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	02623.818444
25	<b>Đông Anh</b>	Thôn Nghĩa Lại, xã Uy Nỗ, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	024.38835999
26	<b>Đông Bình Dương</b>	Số 26 đường Lê Duẩn, khu 2, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	0274.3589999
27	<b>Đồng Nai</b>	Số 53-55, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	0251.3823666
28	<b>Đông Sài Gòn</b>	22F-24 Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	028.38407924
29	<b>Đông Tháp</b>	Số 66, đường 30/4, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp	0277.3872110
30	<b>Dung Quất</b>	KCN Đông Dung Quất, KKT Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3632333
31	<b>Gia Định</b>	Số 415 đường Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	028.37307799
32	<b>Gia Lai</b>	33 Quang trung, phường Hội Thương thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	0269.3875566
33	<b>Hạ Long</b>	166 Đường Hạ Long, phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	0203.3811808
34	<b>Hà Nam</b>	Đường Lê Hoàn, phường Hai Bà Trưng, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	0226 361 6666
35	<b>Hà Nội</b>	Tầng 1 đến tầng 5, số 11B Cát Linh, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.	024.39746666
36	<b>Hà Thành</b>	Số 344 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	024.36503333
37	<b>Hà Tĩnh</b>	Số 02 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	0239.3857003
38	<b>Hải Dương</b>	Số 66 Nguyễn Lương Bằng, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	03203.891259
39	<b>Hải Phòng</b>	Số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng	0225.3842658
40	<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>	Tòa nhà VBB, số 5 công trường Mê Linh, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố HCM	028.38297245
41	<b>Hoàn Kiếm</b>	23 Phan Chu Trinh, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	024 39335566
42	<b>Hoàng Mai</b>	Tầng 1,2, Tower 1, Times City, 45B Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	024.38383383

# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
43	<b>Huế</b>	78 Hùng Vương, phường Phú Nhuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế	0234.3811900
44	<b>Hùng Vương</b>	664 Sư Vạn Hạnh, phường 12, Quận 10, thành phố HCM	028.38663983
45	<b>Hưng Yên</b>	Số 02, Đường Nguyễn Công Hoan, Phường Bản Yên Nhân, Thị xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên	0221.3941886
46	<b>Khánh Hòa</b>	17 Quang Trung, phường Vạn Thạnh, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258.3568899
47	<b>Kiên Giang</b>	Số 89, đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	02973862749
48	<b>Kinh Bắc</b>	Tòa nhà Long Phương, số 370 - 372 đường Trần Phú, phường Đông Ngàn, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh	0222.3818.828
49	<b>Kon Tum</b>	Số 01 đường Phan Đình Phùng, phường Quyết Thắng, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum	0260.3703337
50	<b>Kỳ Đông</b>	13-13 Bis Kỳ Đông, phường 9, Quận 3, thành phố HCM	028.39318968
51	<b>Lâm Đồng</b>	Số 33 Nguyễn Văn Cừ, phường 1, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	0263.3511811
52	<b>Lạng Sơn</b>	Số 39 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	0205.3859859
53	<b>Lào Cai</b>	Số 52 đường Hoàng Liên, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	0214.3828396
54	<b>Long An</b>	Số 2A, Phạm Văn Ngũ, khu phố 5, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An	0272.3633683
55	<b>Đông Đồng Nai</b>	Số 53A/4 Quốc lộ 1A, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai	02513.646151
56	<b>Móng Cái</b>	Số 05, đường Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh	0203.3757575
57	<b>Nam Bình Dương</b>	Số 121 đường ĐT 743B, khu phố Thống Nhất 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	0274.7307777
58	<b>Nam Đà Nẵng</b>	Số 537 đường Trần Hưng Đạo, phường An Hải Tây, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng	0236.3932999
59	<b>Nam Định</b>	Số 629 Trần Hưng Đạo, phường Lộc Vượng, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định	0228.3558666
60	<b>Nam Hà Nội</b>	Tầng 1,2,3, Tòa nhà "Nhà ở cao tầng và dịch vụ Cầu Tiên", 1277 Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	024.38699696
61	<b>Nam Hải Phòng</b>	Số 11 Hoàng Diệu, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	0225.3552299
62	<b>Nam Sài Gòn</b>	Tầng 1,2,3,4 Tòa nhà V6, plot V, Khu đô thị mới Himlam, 23 Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Hưng, Quận 7, thành phố HCM	028.37701634
63	<b>Nghệ An</b>	Số 21 Đường Quang, phường Quagn Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.3842033

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
64	<b>Nghi Sơn</b>	Thôn Nam Yển, xã Hải Yển, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	0237.3613999
65	<b>Nha Trang</b>	Số 14 đường Lê Thánh Tôn, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	0258.3826279
66	<b>Nhon Trạch</b>	Đường Nguyễn Hữu Cảnh, ấp Xóm Hố, xã Phú Nội, huyện Nhon Trạch, tỉnh Đồng Nai	0251.3521888
67	<b>Ninh Bình</b>	1069 Trần Hưng Đạo, Phố 14, Phường Vân Giang, Tp. Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình	0229.3894444
68	<b>Ninh Thuận</b>	số 47 đường 16/4, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận	0259.3922.755
69	<b>Phố Hiến</b>	Số 186 đường Chu Mạnh Trinh, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	0221.3596666
70	<b>Phú Nhuận</b>	Số 285 Nguyễn Văn Trỗi, Phường 10, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	028.38479966
71	<b>Phú Quốc</b>	Số 1A đường Hùng Vương, Khu phố 1, phường Dương Đông, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	0297.3981037
72	<b>Phúc Yên</b>	Tòa nhà Hoài Nam, số 06 tổ 8 đường Hai Bà Trưng, phường Hùng Vương, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	02113.636.666
73	<b>Quy Nhơn</b>	433 Lạc Long Quân, phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	0256.3541377
74	<b>Phú Thọ</b>	Số 01 đường Trần Phú, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	0210.3766666
75	<b>Phú Yên</b>	Số 145 đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	0257.3818184
76	<b>Quảng Bình</b>	Số 01C, đường Trần Hưng Đạo, phường Đồng Hải, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	0232.3840380
77	<b>Quảng Nam</b>	35 Trần Hưng Đạo, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam	0235.3813062
78	<b>Quảng Ngãi</b>	345 Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	0255.3828578
79	<b>Quảng Ninh</b>	Đường 25/4, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	"0203.3629213
80	<b>Quảng Trị</b>	Số 34 đường Hùng Vương, Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị	0233.3555727
81	<b>Sài Gòn</b>	69 Bùi Thị Xuân, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	028.38359323
82	<b>Sài Gòn Chợ Lớn</b>	Số 963-965-967 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	028.39600477
83	<b>Sài Thành</b>	2A-2B-2C đường Lý Thường Kiệt, Phường 12, Quận 5, thành phố HCM	028.39573378
84	<b>Sở giao dịch</b>	Số 11 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	024.39368547

# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
85	<b>Bắc Hà Nội</b>	Cụm Công nghiệp Lai Xá, đường Vạn Xuân, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội	024.35950000
86	<b>Sóc Trăng</b>	Số 3 Trần Hưng Đạo, khóm 6, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	02993 883888
87	<b>Tân Bình Dương</b>	Số 16 đường Lê Trọng Tấn, khu phố Bình Đường 2, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương	"0274.3792158-
88	<b>Tân Bình</b>	108 Tây Thạnh, phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, thành phố HCM	028.38157777
89	<b>Tân Định</b>	72 Phạm Ngọc Thạch, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố HCM	02838208762
90	<b>Tân Sài Gòn</b>	Số 1943-1945 Đường Huỳnh Tấn Phát, Khu phố 5, thị trấn Nhà Bè, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh	028.3873.8686
91	<b>Tân Sơn Nhất</b>	Số 366A33 đường Phan Văn Trị, phường 5, Quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh	028. 3985 6868
92	<b>Tây Cần Thơ</b>	Lô 30A7A, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	0292.3844 272
93	<b>Tây Hà Nội</b>	Lô HH-03 đường Tố Hữu, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	024.33554545
94	<b>Tây Hồ</b>	Số 565 Lạc Long Quân, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	024.37581111
95	<b>Tây Ninh</b>	Số 313, đường 30/4, khu phố 1, phường 1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh	0276.3818996
96	<b>Tây Sài Gòn</b>	Số 321-323-325 đường Phạm Hùng, khu dân cư Him Lam, ấp 4A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	028 3758 9297
97	<b>Thái Bình</b>	Số 75, đường Lê Lợi, phường Lê Hồng Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	02273.839.724
98	<b>Thái Nguyên</b>	Số 10 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên	0208.3658200
99	<b>Thăng Long</b>	Tòa nhà PVOIL Phú Thọ, số 148 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	024.3755.7194
100	<b>Thành Công</b>	Số 01 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	024.62578686
101	<b>Thanh Hóa</b>	05 Phan Chu Trinh, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0237.3728286
102	<b>Thanh Xuân</b>	Tầng 1-2 Trung tâm thương mại, văn phòng và căn hộ Artemis, số 3 Lê Trọng Tấn, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	024.35578589
103	<b>Thủ Đức</b>	Số 50A, đường Đặng Văn Bi, Khu phố 4, phường Bình Thọ, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	028.38966806
104	<b>Thủ Thiêm</b>	Số 55-56 đường Song Hành, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	028.73079668
105	<b>Tiền Giang</b>	152 Đinh Bộ Lĩnh, phường 2, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.	0273.3976999

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Điện thoại
106	<b>Trà Vinh</b>	Số 05 Lê Thánh Tôn, phường 2, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh	0294.3868780
107	<b>Tuyên Quang</b>	Tổ 8, phường Tân Quang, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang	0207.3999666
108	<b>Vinh</b>	Số 9, đường Nguyễn Sỹ Sách, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	0238.8699567
109	<b>Vĩnh Long</b>	Số 5C, Hưng Đạo Vương, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long	0270.3888288
110	<b>Vĩnh Phúc</b>	Số 392A, đường Mê Linh, phường Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	0211.3720920
111	<b>Vũng Tàu</b>	Số 27 Lê Lợi, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	0254.3852309
112	<b>Hòa Bình</b>	Số 810 đường Cù Chính Lan, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	02183.858383
113	<b>Yên Bái</b>	Đường Điện Biên, Tổ 8, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	0216.385.8999
114	<b>Đông Quảng Ninh</b>	Số 584 đường Trần Phú, phường Cẩm Tây, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	0203.3551551
115	<b>Hội An</b>	Số 2 Trần Cao Vân, phường Cẩm Khê, thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam	02353.916.619
116	<b>Đắk Nông</b>	Số 74 đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Nghĩa Thành, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	02613555678
117	<b>Đông Hải Phòng</b>	Số 12-13 LK 20, Khu đô thị Quang Minh, xã Thủy Sơn, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	02253.866999
118	<b>Bắc Đà Nẵng</b>	Số 249A đường Nguyễn Lương Bằng, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	0236.3649668
119	<b>Bắc Đắk Lắk</b>	Số 149 Trần Hưng Đạo, phường An Lạc, thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk	0262.7306789
120	<b>Sơn La</b>	Số 286 đường Tô Hiệu, Tổ 9, phường Chiềng Lê, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La	02123.836836
121	<b>Hậu Giang</b>	Số 197A-197B-197C, đường Trần Hưng Đạo, Khu vực 3, Phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang	0293.3949888
122	<b>Đông Hà Nội</b>	HD03-SP.BH 74-76-80-82, Khu đô thị Vinhomes Ocean Park, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội	243,2088686
123	<b>Tây Bắc Giang</b>	Lô C03, Khu công nghiệp Đình Trám, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang	0204.3666868
124	<b>Bắc Thanh Hóa</b>	SH01-SH05, đường Phú Châu, Khu đô thị Eurowindow Garden City Thanh Hóa, ngã tư Hồng Hạc, đại lộ Nguyễn Hoàng, phường Đông Hương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	0237.3693999
125	<b>Tân Long An</b>	Số 85-91 đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Tân An, tỉnh Long An	0272.3939986
126	<b>Long Thành</b>	Số 272A-272E, đường Lê Duẩn, Khu Văn Hải, thị trấn Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai	0251.3545068



# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

## CÔNG TY CON/CÔNG TY LIÊN DOANH LIÊN KẾT

### VCBL

Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank

Số 01 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024.39289289

Fax: 024.39289150

### VCBS

Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank

Tầng 5,6,7,8 Tòa nhà Thủ Đô, 72 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 1900 98 9999

Fax: (+84-24) 3936 0262

### VCBR

Công ty TNHH MTV Kiều hối Vietcombank

Tầng 4 - Tòa nhà Vietcombank Kỳ Đông, Số 13-13 Bis Kỳ Đông, Phường 9, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: 028.35260888

Fax: 028.35260808

### VBB

Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank-Bonday-Benthanh

Tầng 22, tháp Vietcombank Tower, Số 5, Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 028.39.153.360

### VCBT

Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198

Tầng 14 - Phòng 1406, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.39340919

Fax: 024.39340918

### VCBF

Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank

Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024.39364540

Fax: 024.39364542

### VCBB

Công ty liên doanh Hữu hạn Vietcombank - Bonday

Số 35 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: 028.38213321, 38213345

Fax: 028.38213366, 38213366

### VFC

Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông

16/F, Golden Star Building, 20-24, Lockhart Road, Wanchai, Hong Kong

Điện thoại: +852-28653905

Fax: +852-28660007

### VCBM

Công ty Chuyển tiền Vietcombank

12112 Brookhurst Street, Suite 11, Garden Grove, CA 92840 United States

Điện thoại: (+1)-714-979-1055

Fax: (+1)- 714-979-1278

### VCB LÀO

Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào

Nhà số 12, Lô 15, Đại lộ Lanexang, Bản Hatsadee-Tai, Quận Chanthabouly, Viêng Chăn, CHDCND Lào

Điện thoại: +85621253838

# V.

## BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Vững bền kiến tạo  
Tương lai

Tổng quan về phát triển bền vững	114
Các nội dung về phát triển bền vững	120
Các hoạt động an sinh xã hội	138

```
0011010
00110011010
1010
1101
1100
0010
1010
0110
1010
0110
1010
0110110110
1001101101001
1010
1010
0101
1101
0101100010100
1101
0100
1101
11011001110
00101000
```



# TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Năm 2023, Hội nghị Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu lần thứ 28 (COP28) được diễn ra tại Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE). COP28 có số lượng người tham dự lớn nhất lịch sử (với sự tham dự của các phái đoàn đến từ gần 200 nước, và hơn 97.000 đại biểu khác). Hội nghị COP28 là một tiến trình tiếp nối COP27, nhằm hiện thực hóa các cam kết của các nguyên thủ quốc gia và tăng cường hợp tác giữa các bên, cùng nhau thúc đẩy các nỗ lực toàn cầu nhằm thực hiện cam kết đối phó với khủng hoảng khí hậu, năng lượng đang diễn ra rất phức tạp.

Tiếp nối cam kết tại COP26 về đạt mục tiêu phát thải ròng bằng "0" ("Net Zero") vào năm 2050, tại COP28, Việt Nam có 03 hoạt động chính. Đó là Hội nghị thượng đỉnh Nhóm G77 về biến đổi khí hậu, Tọa đàm về "Đẩy nhanh chuyển đổi điện than", công bố Kế hoạch huy động nguồn lực cho thực hiện Đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (JETP) và thực thi đề án duy nhất trên thế giới về trồng 1 triệu hecta lúa năng suất cao, phát thải thấp.

Trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài của NHNN chính thức có hiệu lực từ 1/6/2023 (Thông tư). Thông tư đã tạo ra khuôn khổ pháp lý chung, yêu cầu các TCTD thực hiện quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng. Việc đề cao quản lý rủi ro môi trường khi thẩm định cấp tín dụng cũng sẽ khiến các thành phần kinh tế trong xã hội dần dần có nhận thức đúng và đầy đủ hơn về biến đổi khí hậu, các yếu tố tác động trong việc bảo vệ môi trường để hướng tới tư duy sản xuất "xanh" và tiêu dùng "xanh". Từng cá nhân trong xã hội có ý thức thì mỗi doanh nghiệp đầu tư các dự án cũng sẽ phần nào thay đổi mục tiêu, hành động đối với phát triển bền vững. Khung pháp lý cho phát triển bền vững hệ thống ngân hàng tại Việt Nam theo đó cũng đang từng bước được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, tạo động lực cho toàn ngành Ngân hàng thực hành phát triển bền vững.

Với định hướng đến năm 2030 giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng

góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam, Vietcombank đặt mục tiêu dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG) thông qua Hệ thống Quản lý Môi trường Xã hội (ESMS) và Hệ thống Quản lý rủi ro Môi trường Xã hội theo định hướng các Chỉ số Phát triển bền vững tại Việt Nam của Bộ tiêu chuẩn VNSI, từng bước hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững về Môi trường Quản trị Xã hội (ESG) theo các chuẩn mực quốc tế GRI, TCFD.

Với những nỗ lực trong thời gian qua, năm 2023 là năm đầu tiên Vietcombank lọt vào Top 20 doanh nghiệp có Chỉ số phát triển bền vững tốt nhất tại Việt Nam. Thành công này là sự ghi nhận những nỗ lực không ngừng của Vietcombank trong các cam kết góp sức cùng Chính phủ Việt Nam thực hiện chiến lược phát triển bền vững, đề cao tính minh bạch, trách nhiệm và kiến tạo giá trị chung cho cộng đồng. Tổng điểm các hạng mục đánh giá của Vietcombank năm 2023 có sự gia tăng cho thấy ngân hàng đã chủ động rà soát và từng bước cải thiện các tiêu chí về chính sách, hệ thống quản lý, chỉ số hiệu suất môi trường - xã hội, quản trị công ty, công bố và minh bạch thông tin.

**Năm 2023 là năm đầu tiên Vietcombank lọt vào Top 20 doanh nghiệp có Chỉ số phát triển bền vững tốt nhất tại Việt Nam.**

### Phạm vi báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Vietcombank là bức tranh tổng thể về hoạt động của Ngân hàng bao gồm Trụ sở chính tại Hà Nội, các Chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện và phòng giao dịch trên toàn quốc. Thông tin và dữ liệu sử dụng để công bố thông tin được cập nhật theo năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01/2023 đến kết thúc ngày 31/12/2023.

### Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo phát triển bền vững này được lập dựa trên tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) với 4 cấu phần chính: Thông tin chung, các tiêu chuẩn về kinh tế (GRI 200), các tiêu chuẩn về xã hội (GRI 300) và các tiêu chuẩn về môi trường (GRI 400). Bên cạnh đó, Báo cáo cũng đề cập đến sự tuân thủ của Vietcombank đối với các yêu cầu công khai thông tin về chính sách quản trị công ty (GRI 100).



### Sự tham gia của các bên liên quan

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất thực hiện	Thực tế triển khai trong năm 2023
<b>CỔ ĐÔNG / NHÀ ĐẦU TƯ</b>		
<b>Đại hội đồng cổ đông</b>	Thường niên hoặc bất thường	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 4 năm 2023, Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 1 và tháng 11 năm 2023.</li> <li>Cung cấp, đăng tải đầy đủ toàn bộ các tài liệu, nội dung, chương trình họp để cổ đông nghiên cứu trước khi tham dự họp Đại hội.</li> <li>Trình Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 1 năm 2023 kế hoạch chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ phát hành 50% (so với số cổ phiếu tại 2023), đảm bảo quyền lợi về tài chính cho cổ đông.</li> </ul>
<b>Cập nhật thông tin định kỳ qua website IR, trực tiếp, điện thoại, email</b>	Hàng quý hoặc thường khi có phát sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cam kết bảo đảm quyền lợi phi tài chính, minh bạch thông tin cho các cổ đông.</li> <li>Thực hiện công bố kịp thời, chính xác, đầy đủ 118 nội dung thông tin định kỳ, bất thường về hoạt động của Vietcombank theo quy định.</li> <li>Định kỳ hàng quý tổ chức hội nghị công bố kết quả kinh doanh và cập nhật bộ tài liệu giới thiệu về ngân hàng để nhà đầu tư/cổ đông theo dõi thông tin.</li> <li>Làm việc thường xuyên, liên tục với các tổ chức định hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới như Moody's, Fitch, S&amp;P để cập nhật về tình hình hoạt động của ngân hàng.</li> <li>Duy trì đối thoại với Nhà đầu tư thông qua các kênh tiếp xúc trực tiếp, trực tuyến, email, điện thoại để kịp thời nắm bắt mối quan tâm của Nhà đầu tư.</li> </ul>
<b>Gặp gỡ các nhà đầu tư</b>	Hàng quý và thường xuyên khi có phát sinh	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thực hiện tiếp xúc với hơn 500 Nhà đầu tư trong năm 2023.</li> <li>Tham gia 15 sự kiện đầu tư được tổ chức tại các thị trường tài chính lớn trên thế giới.</li> </ul>

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất thực hiện	Thực tế triển khai trong năm 2023
<b>KHÁCH HÀNG</b>		
Trung tâm chăm sóc khách hàng và số hotline hoạt động 24/7	24/7	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tiếp nhận thường xuyên, liên tục 24/7 các thông tin, yêu cầu của khách hàng thông qua các kênh như hotline chăm sóc khách hàng, website VCB, email doanh nghiệp, mạng xã hội</li> <li>Đẩy mạnh nâng cao chất lượng hỗ trợ khách hàng, tỷ lệ cuộc gọi rút đạt mức 10% phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng chung của Contact Center.</li> <li>Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, đầu tư hệ thống giải pháp trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) trong công tác vận hành, chăm sóc khách hàng.</li> </ul>
Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng	Hàng quý	Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng định kỳ hàng quý trong năm 2023.
<b>NGƯỜI LAO ĐỘNG</b>		
Khảo sát mức độ hài lòng	Thường niên	Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người lao động năm 2023.
Hội nghị người lao động thường niên	Thường niên	Tổ chức thành công hội nghị người lao động thường niên.
Ấn phẩm nội bộ, bản tin nội bộ	Hàng tháng/quý	Đặc san Người dẫn đầu, Bản tin hình Vietcombank, bản tin nội bộ cập nhật hàng tháng/quý.
Trao đổi với Công đoàn	Thường niên	Tổ chức thành công Hội nghị Ban chấp hành công đoàn Vietcombank.
Môi trường kết nối, đào tạo, giao lưu	Hàng ngày	Tổ chức thường xuyên các hoạt động, sự kiện nội bộ.
<b>CƠ QUAN QUẢN LÝ</b>		
Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên	Hàng tháng	Nghiêm túc thực hiện các định hướng, chiến lược của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên.
Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
Cung cấp các bài tham luận, báo cáo chuyên đề	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
Đóng góp ý kiến đối với các dự thảo chính sách	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất thực hiện	Thực tế triển khai trong năm 2023
<b>CỘNG ĐỒNG</b>		
Phối hợp với chính quyền địa phương	Thường xuyên	Thực hiện thường xuyên.
Các chương trình an sinh xã hội chung tay cùng chính quyền địa phương	Hàng quý	Thực hiện thường xuyên.
<b>CƠ QUAN BÁO CHÍ</b>		
Cung cấp thông tin cho báo chí	2 kỳ/năm	Cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh vào các kỳ trong năm gồm: i) sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm; ii) tổng kết hoạt động kinh doanh cả năm
Thông cáo báo chí về ra mắt sản phẩm, dịch vụ mới hoặc các hoạt động khác liên quan	Khi có phát sinh	Cung cấp các thông cáo báo chí cho các cơ quan báo chí đăng tải thông tin
Trả lời phỏng vấn báo chí	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh
<b>NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
Gặp gỡ trao đổi trực tiếp theo quy định tại quy chế đấu thầu, hợp tác với nhà cung cấp	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
Duy trì tính cạnh tranh	Thường xuyên trong quy trình	Đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong quy trình lựa chọn nhà cung cấp.
Đảm bảo minh bạch trong chào thầu	Thường xuyên trong quy trình	Nghiêm túc thực hiện theo quy định pháp luật.
Chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng	Thường xuyên trong quy trình	Đánh giá tiêu chuẩn, chất lượng thực hiện hợp đồng thường xuyên theo quy trình

# CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## TIÊU CHUẨN KINH TẾ

**Hiệu quả kinh doanh vượt trội, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế xã hội**



Trong nhiều năm, Vietcombank luôn đóng vai trò là kênh tài trợ vốn chủ lực cho các công trình trọng điểm quốc gia và các ngành kinh tế mũi nhọn như: dầu khí, điện lực, hàng không... Vietcombank đã được Bộ Tài chính tin tưởng giao phục vụ trên 300 dự án vay vốn ODA với tổng trị giá quy USD là gần 30 tỷ USD, bao gồm các dự án trọng điểm là động lực phát triển kinh tế xã hội của đất nước, trong mọi lĩnh vực như hạ tầng cơ sở, giao thông, y tế, nông nghiệp.

Năm 2023, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn thách thức, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế yếu, với sự chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, Vietcombank đã nỗ lực vượt khó đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng, tiếp tục dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản và hiệu quả kinh doanh.

Kết thúc năm 2023, Vietcombank tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh vượt trội với tổng tài sản đạt ~1,8 triệu tỷ

đồng, tăng 1,4% so với năm 2022; Dự nợ tín dụng vượt 1,28 triệu tỷ đồng, tăng 10,8% so với năm 2022 và trong giới hạn tăng trưởng tín dụng của NHNN giao; Tổng huy động vốn đạt 1,42 triệu tỷ đồng, tăng 11,6% so với năm trước. Vietcombank tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Dự nợ xấu nội bảng là 12.455 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu 0,97%, trong khi dự phòng rủi ro ở mức 28.684 tỷ đồng. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng đạt mức 230%, cao nhất trong các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Vietcombank đạt 41.244 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2022. Quy mô vốn hóa thị trường VCB đạt ~19 tỷ USD, tiếp tục ở mức lớn nhất thị trường và tiếp tục trong top 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu năm 2023.

Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục giữ vững vị trí là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho Ngân sách nhà nước (các khoản thuế và phí phải nộp Ngân sách nhà nước năm 2023 là 11.648 tỷ đồng).

## Ưu tiên đặc biệt cho tín dụng Xanh

Tín dụng xanh đang là một chủ đề được các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước quan tâm và dành nhiều ưu tiên, đặc biệt là đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, các lĩnh vực năng lượng tái tạo, đầu tư vào công trình xanh, phương tiện giao thông điện và nông nghiệp sạch đang là các xu hướng thị trường nhằm hiện thực hóa các cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam tại COP 26. Với vai trò là ngân hàng thương mại tiên phong, Vietcombank luôn xác định tăng trưởng phải gắn liền với yếu tố bền vững, cũng như cấp tín dụng cho các dự án xanh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngân hàng. Trong thời gian qua, Vietcombank đã tập trung mở rộng tín dụng xanh cho nền kinh tế, đặc biệt đối với các dự án năng lượng tái tạo, nông nghiệp xanh và xử lý môi trường. Đến cuối năm 2023, dự nợ cho các dự án xanh tại Vietcombank đã chiếm trên 3,6% tổng dự nợ của Ngân hàng. Cụ thể, vốn tài trợ cho các dự án xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm chiếm ~44%, các dự án tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên chiếm ~22%, dự án công nghiệp xanh chiếm ~16%, dự án giao thông bền vững ~12%, công trình xây dựng xanh ~5%, các lĩnh vực xanh khác ~1%.

Về các chương trình được tài trợ từ nguồn vốn xanh, trong năm 2023, Vietcombank đã tích cực triển khai chương trình cho vay lại các dự án xanh từ nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) tài trợ cho các dự án xanh, năng lượng tái tạo nhằm bảo vệ môi trường. Ngoài ra, Vietcombank đã tích cực đồng hành cùng Bộ Tài chính qua vai trò là người vay lại của Bộ Tài chính đối với 02 dự án năng lượng xanh: Dự án phát triển năng lượng tái tạo vay vốn WB và dự án Tiết kiệm năng lượng ngành công nghiệp vay vốn WB. Cả hai dự án Vietcombank tham gia đều đóng góp hiệu quả cao cho sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Bên cạnh việc trực tiếp dành nguồn lực cho tín dụng xanh, năm 2022, công ty chứng khoán Vietcombank Securities cũng tư vấn phát hành thành công 1.725 tỷ đồng trái phiếu xanh cho Công ty Tài chính cổ phần Điện lực EVNFinance. Đây là trái phiếu doanh nghiệp đầu tiên được xác định là Trái phiếu xanh theo tiêu chuẩn quốc tế tại thị trường Việt Nam.



### Tiên phong chung tay hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn

Với vai trò dẫn dắt thị trường của một ngân hàng chủ đạo và trách nhiệm xã hội của một thương hiệu lớn, VCB đã chủ động triển khai các chương trình miễn giảm lãi để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống và phục hồi sản xuất. Ngay từ đầu năm, VCB đã triển khai giảm lãi suất 0,5%/năm cho toàn bộ khách hàng có dư nợ hiện hữu bằng VND. Tiếp đó, VCB đã giảm đồng loạt và liên tục nhiều chương trình lãi suất, gồm:

- 46 đợt giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng SMEs và thể nhân,
- 8 đợt giảm lãi suất cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp.

Một số chương trình giảm lãi suất tiêu biểu như: (i) giảm LSCV đối với các lĩnh vực ưu tiên, (ii) chính sách hỗ trợ LS từ ngân sách nhà nước theo Nghị định 31 (iii) chương trình cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ theo Nghị quyết 33; (iv) Chương trình cho vay đối với lĩnh vực lâm sản, thủy sản.

Với nhiều chương trình giảm lãi suất cho vay trong suốt cả năm 2023, VCB đã giảm ~5.800 tỷ đồng tiền lãi cho

gần 290.000 khách hàng với quy mô dư nợ vay lên tới hơn 1,1 triệu tỷ đồng.

Ngoài ra, Vietcombank tiếp tục nỗ lực tiết kiệm chi phí hoạt động để có cơ sở giảm lãi suất cho vay, miễn/giảm phí đối với khách hàng. Vietcombank là ngân hàng đi đầu trong chuyển đổi số và công nghệ, luôn tiên phong về ứng dụng khoa học công nghệ, VCB tích cực triển khai hoạt động ngân hàng số với nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng đột phá (VCB Digibank, VCB Digibiz, VCB Cashup, VCBC...), tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng và người dân trong giao dịch ngân hàng nhằm tiết giảm thời gian, chi phí hoạt động cho cả khách hàng và VCB. Đồng thời, VCB thực hiện liên tục các chính sách miễn, giảm phí dịch vụ liên quan đến gói sử dụng tài khoản, chuyển tiền trong và ngoài hệ thống VCB, bên cạnh các chính sách miễn giảm phí đặc biệt cho nhiều nhóm đối tượng khách hàng đặc thù, các khách hàng theo các sản phẩm chuỗi. Ví dụ: từ năm 2022, Vietcombank đã miễn toàn bộ phí chuyển tiền và phí duy trì dịch vụ trên kênh giao dịch VCB Digibank, giúp hàng chục triệu khách hàng tiết kiệm hàng ngàn tỷ đồng phí dịch vụ mỗi năm.



### Thông lệ mua sắm hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm

Hoạt động mua sắm của Vietcombank được thực hiện tập trung, đảm bảo sử dụng đồng bộ, đạt được quy mô mua sắm hiệu quả, tiết kiệm chi phí và thời gian. Tất cả các loại hàng hóa mua sắm thường xuyên được chuẩn hóa. Nhu cầu mua sắm được tổng hợp từ đầu năm, trên cơ sở đó Vietcombank ký kết hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp. Việc mua sắm luôn đảm bảo các tiêu chí hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm chi phí.

Định kỳ hàng năm, Vietcombank tiến hành tổ chức đánh giá nhà cung cấp, lựa chọn và bổ sung các nhà cung cấp đáp ứng năng lực về vốn, kinh nghiệm triển khai và ưu tiên lựa chọn các nhà cung cấp có cam kết bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng nguồn nguyên liệu

đầu vào và không vi phạm các quy định về sử dụng lao động.

Các tiêu chí lựa chọn nhà cung cấp được nêu trong Quy trình chi tiết về việc thuê/mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Trong năm 2023, để cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến việc mua sắm hàng hóa, đấu thầu và lựa chọn nhà thầu, Vietcombank đã ban hành Quyết định 2597/QĐ-VCB-MSQLTS.CSTCKT, theo đó hướng dẫn Quy trình chi tiết về việc thuê/mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định nội bộ của Vietcombank.

### Công tác phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện



Đấu tranh phòng, chống tham nhũng luôn là một nhiệm vụ quan trọng, được Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị đặc biệt quan tâm. Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Pháp luật của Nhà nước, là doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, với vị thế của ngân hàng số 1 Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động quán triệt và thực hiện quyết liệt công tác phòng chống tham nhũng, nêu cao tấm gương điển hình trong toàn Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương và ngành Ngân hàng. Vietcombank đã tổ chức quán triệt, ban hành nhiều chính sách, nội quy lao động, quy định về đạo đức nghề nghiệp và triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn hệ thống.

Trong năm 2023, qua công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Vietcombank cũng như kết quả công tác thanh tra, kiểm toán của các cơ quan bên ngoài như Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Vietcombank không phát sinh các trường hợp tham nhũng nào được ghi nhận và báo cáo. Cán bộ, đảng viên, người lao động luôn có ý thức rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; có thái độ tôn trọng khách hàng, tận tâm, tận lực phục vụ khách hàng, được khách hàng tin tưởng.

## TIÊU CHUẨN VỀ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2023, Vietcombank không vi phạm các quy định về môi trường. Vietcombank luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và tích cực triển khai các định hướng của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời khuyến khích các cán bộ nhân viên nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường.

### Phát thải

#### Khí thải

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VCB không có hoạt động sản xuất phát sinh khí thải trực tiếp, chỉ phát sinh khí thải gián tiếp trong quá trình vận hành hoạt động.

Đối với phương tiện vận chuyển: Vietcombank trang bị những phương tiện vận chuyển, công cụ lao động hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Hàng năm, Vietcombank cũng thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng phương tiện trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ không đạt tiêu chuẩn.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, máy phát điện: Hệ thống điều hòa hiện đại, tiết kiệm năng lượng và được vận hành thông qua phần mềm điều khiển tự động tòa nhà (BMS), hệ thống này có chức năng đặt lịch và thông số hoạt động theo yêu cầu/khung thời gian để tránh khung giờ cao điểm và đạt hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng hiệu quả, khí thải đối với hệ thống điều hòa không khí là không phát sinh, ga lạnh khi sửa chữa điều hòa nếu phải hút gas thì lượng gas này đều được thu hồi vào bình chứa và tái sử dụng, tuyệt đối không xả ra môi trường; máy phát điện được trang bị chỉ là máy phát điện dự phòng (chỉ chạy khi mất điện lưới hoặc phát sinh sự cố) nên thời gian chạy là không đáng

kể. Ngân hàng thực hiện định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để tối ưu hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng.

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu phát thải nhà kính đã thực hiện trong năm 2023:

- Hệ thống tường bao che hiện đại, sơn giảm hấp thụ nhiệt, trang bị kính hộp cường lực Viracon (Mỹ) giúp:
  - » Cách nhiệt: giảm sự truyền nhiệt và thất thoát nhiệt nên giúp giảm điện năng tiêu thụ cho hệ thống điều hòa nhiệt độ.
  - » Tăng khả năng truyền ánh sáng: tiết kiệm điện cho hệ thống chiếu sáng bằng điều khiển tự động và cảm biến chuyển động để bật/tắt.
  - » Ngăn ngừa đọng sương trên bề mặt: trong lõi kính hộp được bơm khí trơ hoàn toàn, tránh được khả năng ngưng tụ sương khi có sự chênh lệch cao về nhiệt độ, tạo độ thông thoáng và cải thiện tầm nhìn.
- Hệ thống điều hòa không khí được điều chỉnh tự động, nhiệt độ dao động từ 24-25oC, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ.
- Các biện pháp khác như: hạn chế in ấn tài liệu không cần thiết; tăng cường họp/ làm việc trực tuyến để hạn chế di chuyển...



#### Nước thải

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VCB không có hoạt động sản xuất phát sinh nước thải trực tiếp, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt trong quá trình vận hành hoạt động.

Vietcombank có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy chuẩn môi trường. Ngân hàng khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng tiết kiệm nước tại văn phòng, mức tiêu thụ nước được theo dõi chặt chẽ. Bên cạnh đó, Vietcombank duy trì sử dụng phần lớn các thiết bị vệ sinh cảm biến tự động

giúp tiết kiệm nguồn nước, định kỳ quan trắc xả thải/môi trường đúng theo yêu cầu tại giấy phết xả thải vào nguồn nước hoặc giấy phép môi trường.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank Tower số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu bùn thải năm 2023 ở mức 154 m3, giảm 3% so với năm 2022 (năm 2022 giảm ~3% so với bình quân 3 năm liên trước).

#### Chất thải

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VCB không có hoạt động sản xuất phát sinh chất thải nguy hại đối với môi trường xung quanh, chỉ phát sinh chất thải sinh hoạt trong quá trình vận hành hoạt động.

Vietcombank đưa ra định mức văn phòng phẩm và đánh giá trực tiếp vào kết quả hoạt động hàng năm của các đơn vị. Chất thải rắn được phân loại, thu gom và có nhân viên xử lý theo đúng quy trình. Vietcombank tích cực triển khai quá trình chuyển đổi số, sử dụng công nghệ lưu trữ hồ sơ trên phần mềm giúp tránh rủi ro, thất lạc hồ sơ đồng thời giảm thiểu sử dụng giấy in. Ngoài ra, Vietcombank thường xuyên tái sử dụng bình mực, máy in, giấy in, ruột bút bi, hạn chế thay mới để giảm chất thải ra môi trường.

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu chất thải sinh hoạt đã thực hiện trong năm 2023:

- Phân loại rác thải tại nguồn, có thùng đựng riêng;
- Dùng thùng nhựa đựng rác thay thế cho túi nilon;
- Tuyên truyền bằng các biển hiệu với các nội dung tiết kiệm giấy dán trong các nhà vệ sinh;
- Hạn chế tối đa việc sử dụng các vật dụng sử dụng 1 lần và các loại túi nilon.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank Tower số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu chất thải sinh hoạt năm 2023 ở mức 1.153 m3, giảm 46% so với năm 2022 (năm 2022 ở mức tương đương bình quân 3 năm liên trước).



**Tiếng ồn**

Các trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phát sinh tiếng ồn ở mức tối thiểu, duy trì môi trường giao dịch yên tĩnh, lịch sự cho khách hàng, tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái cho người lao động.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội), kết quả quan trắc định kỳ cho thấy tiếng ồn luôn đáp ứng TCVN 5949-1998: TCVN đối với môi trường tiếng ồn đối với khu dân cư xen kẽ khu thương mại sản xuất.

**Môi trường**

Vietcombank luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, hướng đến mô hình ngân hàng xanh và tạo dựng một không gian làm việc thân thiện cho người lao động. Bên cạnh đó, Vietcombank luôn đề cao xây dựng văn

hóa doanh nghiệp xanh, chú trọng thực hiện tiết kiệm điện, nước, giấy và các vật liệu văn phòng; khuyến khích cán bộ trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi làm việc cũng như có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

**Tiêu thụ nước sạch**

Năm 2023, toàn hệ thống Vietcombank tiếp tục sử dụng nước tinh khiết giữ trong chai thủy tinh để tái sử dụng nhiều lần, đảm bảo thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguồn nước.

- Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu nước tiêu thụ đã thực hiện trong năm 2023 và kết quả thực hiện:
- Thay thế dần thiết bị vệ sinh cơ khí bằng thiết bị tự động; căn chỉnh lưu lượng nước theo tiêu chuẩn LEED 2009.
- Kiểm tra việc sử dụng nước thường xuyên để đảm bảo nước không bị rò rỉ.

- Sửa chữa kịp thời đường ống và van nước.
- Dẫn thông báo, truyền thông sử dụng tiết kiệm nước tại khu vực sử dụng nước.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank Tower số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu tiêu thụ nước sạch năm 2022 ở mức 81.267 m<sup>3</sup>, tăng 21% so với năm 2022 (năm 2022 giảm ~5,4% so với bình quân 3 năm liền trước)

**Tiêu thụ điện năng**

Năm 2023, Vietcombank tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện tại các tòa nhà văn phòng như lắp sensor cảm biến cho đèn khu vực công cộng; lắp biến tần cho quạt thông gió tầng hầm; lắp sensor cảm biến cho quạt các nhà vệ sinh; lắp biến tần cho quạt cấp khí tươi; vận hành hệ thống tự động, cài đặt thông số linh hoạt và phù hợp thông qua hệ thống điều khiển tự động tòa nhà.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank Tower số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu tiêu thụ điện năng năm 2023 ở mức 12,7 triệu kwh, tương đương năm 2022 (năm 2022 giảm ~7% so với bình quân 3 năm liền trước).

Kết quả thực hiện các biện pháp giảm lượng điện tiêu thụ ghi nhận tại tòa nhà Vietcombank Tower số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội;

- Lắp đặt bổ sung 1 chiller đệm từ 250 tấn lạnh: Kết quả thực hiện, tiết kiệm 435.660Kwh/ năm.
- Lắp đặt các sensor cảm biến chuyển động để tự động bật tắt đèn tại các khu vực công cộng: tiết kiệm 7.999Kwh/ năm

Kết quả thực hiện các biện pháp giảm lượng điện tiêu thụ ghi nhận tại tòa nhà Vietcombank Tower số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM:

- Tối ưu hóa vận hành Tòa nhà, quy định thời gian bật tắt thiết bị. Kết quả thực hiện, tiết kiệm 77.794 kwh/năm.
- Thay đèn cao áp chiếu sáng mặt dựng sang đèn LED. Kết quả thực hiện, tiết kiệm 51.517 kwh/năm.
- Thay thế 200 bộ đèn 600x600 chiếu sáng công cộng 56W bằng 200 bộ đèn Led 34W. Kết quả thực hiện, tiết kiệm 14.000 kwh/năm.
- Thay thế 250 bộ đèn 600x600 (1000 bóng) từ 14W xuống 8W. Kết quả thực hiện, tiết kiệm 21.900 Kwh/năm.
- Thay thế 1226 bóng đèn huỳnh quang T5, công suất từ 28W xuống đèn LED 16W. Kết quả thực hiện, tiết kiệm 128.877 Kwh/năm
- Thay thế 124 bóng đèn huỳnh quang T5, công suất từ 14W xuống đèn LED 8W. Kết quả thực hiện, tiết kiệm 10.862 Kwh/năm

## Tuân thủ về môi trường

Trong năm 2023, Vietcombank triển khai nhiều hoạt động, phong trào để tiếp tục xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường cho nhân viên. Cụ thể:

Triển khai các hoạt động kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5 và ban hành Công văn số 1468/HD-VCB-CĐ ngày 13/4/2023 v/v "Hướng dẫn tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2023". Các cấp công đoàn cơ sở đã tổ chức các hoạt động như: Chương trình thi đua văn minh công sở Xanh Sạch Đẹp; Phong trào "Ngân hàng xanh - Cuộc sống xanh", ban hành hướng dẫn phổ biến, tổ chức cho toàn thể Đoàn viên công đoàn sắp xếp, dọn dẹp lại Văn phòng làm việc, khu vực làm việc, bàn làm việc của từng cán bộ đảm bảo Quy tắc 5S đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Công đoàn Ngân hàng Việt Nam đã tặng Cờ cho 02 tập thể, Bằng khen cho 3 tập thể và 02 cá nhân thuộc Công đoàn Vietcombank có thành tích xuất sắc trong phong trào Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm An toàn, vệ sinh lao động.

Năm 2023, nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập Vietcombank cùng với quyết tâm xây dựng Vietcombank trở thành Ngân hàng xanh phát triển bền vững vì cộng đồng và góp phần bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên rừng, cải thiện không khí, chống biến đổi khí hậu, mang lại một môi trường Xanh - Sạch - Đẹp cho quê hương, đất nước, Công đoàn Vietcombank đã phát động triển khai chương trình "Vietcombank - Vì một Việt Nam xanh" và trồng 60.000 cây xanh tại các tỉnh/thành phố trên cả nước. Chương trình nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của toàn thể đoàn viên, người lao động và sự quan tâm của xã hội góp phần lan tỏa giá trị nhân văn của Vietcombank.

Ban hành hướng dẫn phổ biến, tổ chức cho toàn thể Đoàn viên công đoàn sử dụng bình đựng nước tái chế, dùng giấy một mặt tái sử dụng, tiết kiệm giấy in hộp chuyển sang tài liệu điện tử...



## TIÊU CHUẨN VỀ XÃ HỘI

### Liên quan tới người lao động

### Một số thống kê về nhân sự trong năm 2023

Với mục tiêu chiến lược đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trở thành Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực tại Việt Nam, Vietcombank đã và đang thực hiện đổi mới toàn diện công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực, luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ tinh về số lượng, mạnh về chất lượng; tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh, tạo sức mạnh từ nội lực, góp phần đưa Vietcombank vươn lên mạnh mẽ, duy trì vị thế ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam và từng bước nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

Trong năm 2023, Vietcombank lần thứ tư liên tiếp được nhận bằng khen "Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động" do Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam VCCI tổ chức.

- Tổng số lao động: 23.496 người
- Số lượng cán bộ tuyển dụng: 10%
- Số lượng cán bộ nghỉ việc: 4% (giảm so với mức 6% của năm 2022)

Cơ cấu nhân sự: tương đương với năm 2022

- Theo giới tính: 40% nam và 60% nữ
- Theo cấp quản lý: 19% lãnh đạo và 81% chuyên viên
- Số lượng lãnh đạo là nữ/tổng số lãnh đạo: 53%

### TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

**23.496** NGƯỜI

### SỐ LÃNH ĐẠO LÀ NỮ

**53%**

### THEO GIỚI TÍNH

60% NỮ

40% NAM



### Công tác tuyển dụng có nhiều đổi mới

Tại ngày 31/12/2023, tổng số lao động tại Vietcombank là 23.496 người. Trong năm 2023, toàn hệ thống đã triển khai 11 đợt tuyển dụng tập trung với hơn 2.000 cán bộ và nhân viên hỗ trợ kinh doanh được tuyển mới và đi làm trong năm.

Vietcombank không ngừng đổi mới, kiện toàn chính sách tuyển dụng để nâng cao hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên thị trường nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động.

Trong điều kiện thị trường tuyển dụng ngày càng cạnh tranh khốc liệt, uy tín thương hiệu của Vietcombank là một lợi thế trong công tác tuyển dụng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống phân mềm nộp hồ sơ và thi tuyển trực tuyến tập trung tại

Trụ sở chính - ứng viên có thể nộp hồ sơ trực tuyến và nhận các thông báo tuyển dụng từ hệ thống, nâng cao tính chuyên nghiệp, đảm bảo kết quả công khai, tiết giảm chi phí, tăng trải nghiệm của ứng viên đối với thương hiệu tuyển dụng Vietcombank.

Bên cạnh đó, để có được nguồn nhân sự đầu vào chất lượng, Vietcombank có các chính sách tuyển dụng linh hoạt, hiệu quả, có cơ chế tuyển dụng riêng, đặc thù đối với ứng viên có kinh nghiệm, chuyên gia, lao động có trình độ cao và sinh viên xuất sắc nhằm thu hút được nguồn ứng viên giỏi có kiến thức, trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng nhu cầu quản trị vận hành và làm chủ các hệ thống công nghệ hiện đại.

Với những kết quả tích cực trong công tác tuyển dụng, Vietcombank được vinh danh Top 50 thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn với sinh viên Việt Nam năm 2023; đứng đầu ngành ngân



hàng và đứng thứ 3 trong top 500 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam (VBE500) theo công bố của Báo đầu tư kết hợp cùng Công ty CP Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam.

Công tác tuyển dụng lao động cho chi nhánh được tổ chức liên tục hàng tháng, phương thức tuyển dụng được cải tiến thông qua việc sử dụng hệ thống phần mềm tuyển dụng trực tuyến tập trung tại TSC. Đối với các đơn vị tại TSC, triển khai tuyển dụng liên tục khi phát sinh nhu cầu lao động theo phương thức linh hoạt, may đo, phù hợp với đặc thù của từng vị trí công việc và mỗi đơn vị. Các đợt tuyển dụng lao động cho các đơn vị tại TSC và chi nhánh đã được tổ chức tốt, thu hút được nhiều nhân sự có chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc. Bên cạnh các hình thức tuyển dụng truyền thống, Vietcombank cũng đã triển khai tuyển dụng cán bộ từ nguồn sinh viên xuất sắc của một số Trường Đại học uy tín và đã mang lại hiệu quả tích cực. Công tác tuyển

dụng của Vietcombank những năm qua được thị trường đánh giá cao và đã thu hút được nguồn nhân sự có chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Trong điều kiện thị trường tuyển dụng ngày càng cạnh tranh khốc liệt, uy tín thương hiệu của Vietcombank là một lợi thế trong công tác tuyển dụng. Với những kết quả tích cực trong công tác tuyển dụng, năm 2023 Vietcombank cũng là ngân hàng duy nhất được bình chọn trong Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2023 và trong Top 50 thương hiệu nhà tuyển dụng hấp dẫn với sinh viên Việt Nam năm 2023 do Công ty tư vấn Tiên phong về Thương hiệu Nhà tuyển dụng và Môi trường làm việc Hạnh phúc - Anphabe công bố.

### Chế độ đãi ngộ, phúc lợi cạnh tranh, hấp dẫn hàng đầu

Chính sách về tiền lương và chế độ đãi ngộ được Vietcombank rà soát, hoàn thiện thường xuyên nhằm đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường. Tiền lương chi trả cho Người lao động gắn với yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, chất lượng, khối lượng công việc hoàn thành, tương xứng với giá trị đóng góp của mỗi người. Theo đó, tiền lương của người lao động bao gồm: tiền lương cố định được xác định theo ngạch/bậc phù hợp với vị trí công việc chuyên môn đảm nhận và tiền lương hiệu quả được xác định theo kết quả thực hiện công việc của đơn vị và cá nhân người lao động. Ngoài ra, Vietcombank đã áp dụng cơ chế lương chuyên gia, cơ chế lương đặc thù với mức tiền lương và chế độ đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút những lao động trình độ cao, đặc biệt giới/khan hiếm trên thị trường.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên tại Vietcombank liên tục tăng trưởng qua các năm, luôn đứng trong top đầu ngành ngân hàng và đạt mức cao so với mặt bằng chung của thị trường. Thu nhập bình quân của cán bộ Vietcombank năm 2023 đạt gần 450 triệu đồng, tương đương 37 triệu đồng/tháng, tăng 6% so với năm 2022. Như vậy, Vietcombank đã chi gần 10.500 tỷ đồng trong năm 2023 cho tiền lương cán bộ. Vietcombank triển khai cơ chế đánh giá minh bạch, công bằng, tạo động lực: hiệu quả công việc được đo lường đánh giá dựa trên các bộ chỉ tiêu đối với từng vị trí công việc đảm bảo đánh giá cả định tính và định lượng và ghi nhận toàn diện đóng góp của cán bộ, từ đó gắn với chế độ đãi ngộ, khen thưởng phù hợp, minh bạch.

Ngoài việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp cho người lao động, Vietcombank còn triển khai các gói phúc lợi cho người lao động với các hình thức phong phú và ngày càng được mở rộng, nâng cao như: Khám

sức khỏe định kỳ hàng năm (bổ sung khám chuyên sâu và khám riêng đối với lao động nữ); Bảo hiểm sức khỏe hàng năm, bảo hiểm bệnh hiểm nghèo; Bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chi hỗ trợ các trường hợp thai sản, ốm đau; chi cho lao động nữ; chi trợ cấp cán bộ nghỉ hưu; chi nghỉ mát, sinh nhật; quà tặng cho cán bộ nhân dịp lễ tết, quà tặng cho người cao tuổi đã công tác tại VCB hoặc có con làm việc tại Vietcombank, khen thưởng cho con của người lao động có thành tích học tập tốt, ... Vietcombank nỗ lực cải thiện và nâng cao hơn nữa về thu nhập cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của toàn thể cán bộ trong hệ thống.

Năm 2023 là năm diễn ra Đại hội Công đoàn các cấp và 60 năm thành lập VCB, Công đoàn VCB và Đoàn Thanh niên VCB đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động và xây dựng Vietcombank trở thành Ngân hàng xanh phát triển bền vững vì cộng đồng như: (i) Chương trình "Tết ấm cho người nghèo" trên khắp cả nước; (ii) Chương trình trồng 60.000 cây "Vietcombank - Vì một Việt Nam xanh"; (iii) Chương trình Hiến máu tình nguyện "Vietcombank 60 năm: Trao giọt hồng - Trao yêu thương" quy mô toàn hệ thống thu được gần 7.000 đơn vị máu; (iv) Tổ chức Cuộc thi tìm hiểu "Vietcombank 60 năm: Lan tỏa tự hào - Khát khao cống hiến"; Cuộc thi tìm kiếm tài năng Vietcombank với chủ đề "Tự hào tiềm lực - Thắp sáng tài năng"; Hội thao "Kết nối sức mạnh - Bứt phá thành công"; phối hợp với chuyên môn tích cực triển khai có hiệu quả các hoạt động an sinh xã hội ...

Với cơ chế đãi ngộ hiện tại, Vietcombank không ngừng mở rộng và nâng cao các chính sách đãi ngộ, đặc biệt các chế độ đãi ngộ dành riêng cho lao động nữ, góp phần thu hút, giữ chân nhân tài.

### THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA CÁN BỘ VIETCOMBANK NĂM 2023

# 37 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG

TĂNG 6% SO VỚI 2022



### Môi trường làm việc minh bạch, chuyên nghiệp, được lắng nghe, ghi nhận.

Tại Vietcombank, các cán bộ nhân viên được làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, minh bạch, được tôn trọng, lắng nghe và ghi nhận với 05 giá trị văn hóa cơ bản: Tín - Chuẩn - Mới - Bên - Nhân. Hàng năm, Vietcombank đã thực hiện việc khảo sát mức độ hài lòng và gắn bó của cán bộ nhân viên (Employee Engagement Survey - EES). Theo kết quả khảo sát và đánh giá của Đơn vị tư vấn độc lập (Công ty Nielsen), mức điểm chỉ tiêu EES mà Vietcombank đạt được năm 2023 tiếp tục duy trì ở mức "Xuất sắc" trên thị trường.

Định kỳ hàng năm, Vietcombank tổ chức Hội nghị người lao động toàn hệ thống. Việc tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, công tác đối thoại định kỳ đã kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của đoàn viên, người lao động. Công đoàn VCB đã phát huy tốt vai trò chức năng, nhiệm vụ, phát động nhiều phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, kế hoạch

kinh doanh, tích cực gìn giữ và phát huy 5 giá trị văn hóa cơ bản Tín - Chuẩn - Mới - Bên - Nhân, đồng thời chủ động tham mưu, đề xuất nhiều cơ chế, chính sách nhằm tạo sự gắn kết, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

Năm 2023, Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng có môi trường làm việc hấp dẫn nhất khi tiếp tục là ngân hàng được bình chọn trong Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam Công ty Anphabe và Công ty nghiên cứu thị trường Intage công bố. Ngoài ra, Vietcombank lần thứ 8 liên tiếp được bình chọn là Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam, lần thứ tư liên tiếp được vinh danh "Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động, được nhận Bằng khen của Bộ Lao động TBXH với thành tích: "Doanh nghiệp đã thực hiện tốt pháp luật lao động và làm tốt công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động năm 2023".





### Sức khỏe và an toàn nghề nghiệp

Vietcombank luôn nghiêm túc chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động được chăm sóc sức khỏe và làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động.

Với mục tiêu xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và an toàn, Vietcombank đã chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động được chăm sóc sức khỏe và làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động, cụ thể:

- Triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động với các danh mục khám chuyên sâu, mở rộng tại các bệnh viện uy tín, chất lượng cao và các gói khám bổ sung khám chuyên sâu, gói khám riêng đối với lao động nữ.
- Thực hiện chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ nhằm hỗ trợ cho việc khám, điều trị bệnh cũng như được hưởng một số quyền lợi khác.

- Tổ chức phòng y tế/bộ phận y tế cho tất cả các nhân viên, đặc biệt bố trí phòng vật sửa cho các bà mẹ đang nuôi con nhỏ.
- Đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy và thực hiện diễn tập phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

Người lao động làm việc tại các vị trí công việc liên quan đến nghiệp vụ kho quỹ được bảo đảm môi trường làm việc và hưởng các chế độ đặc thù so với người lao động làm các công việc trong điều kiện bình thường khác như: tăng số ngày nghỉ phép năm, được hưởng các chế độ bồi dưỡng bằng tiền và hiện vật phù hợp với quy định pháp luật lao động và quy định của Vietcombank trong từng thời kỳ.

Năm 2023, Công đoàn Vietcombank tiếp tục quan tâm chăm lo hỗ trợ đoàn viên bị ốm đau, chưa ghi nhận phát sinh bất kỳ tai nạn, sự cố nghiêm trọng liên quan đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp của người lao động cần hỗ trợ pháp lý từ các công đoàn cơ sở.

### Công tác đào tạo đa dạng, toàn diện cả chuyên môn và kỹ năng, năng lực

#### Lộ trình đào tạo bài bản

Tất cả các vị trí chức danh tại Vietcombank đều được xây dựng lộ trình đào tạo. Lộ trình đào tạo được xác định rõ ràng ngay từ khi nhân viên mới gia nhập Vietcombank và sẽ có điều chỉnh bổ sung phù hợp với từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu công việc và lộ trình phát triển nghề nghiệp. Căn cứ vào lộ trình đào tạo của từng vị trí công việc, các cán bộ sẽ được sắp xếp để đào tạo theo các nhóm chương trình chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu cần thiết của công việc thông qua nhiều hình thức đào tạo.

#### Chương trình đào tạo đa dạng, phong phú, để cao tính thực tiễn

Các chương trình đào tạo được xây dựng bài bản, chuyên nghiệp và không ngừng được đổi mới, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của hoạt động kinh doanh. Vietcombank chú trọng trang bị năng lực cần thiết cho cán bộ nhân viên trong thời kỳ chuyển đổi số, đào tạo các dự án chuyển đổi và đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt. Bên cạnh đó, các chương trình cốt lõi cho cán bộ nhân viên được duy trì triển khai và đảm bảo chất lượng đào tạo, từ đó củng cố văn hóa Vietcombank và giúp cán bộ nhân viên nâng cao hiệu quả làm việc, gia tăng sự gắn kết với tổ chức.

Trong năm 2023, Vietcombank đã tổ chức 419 khóa đào tạo (tăng 10% so với 2022) với hơn 140 nghìn lượt đào tạo, trong đó có hơn 50% số khóa đào tạo là các nội dung về Lãnh đạo và quản lý, Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Ngân hàng bán lẻ. Tỷ suất đào tạo dành cho nhóm cán bộ quản lý đạt 7,3 lượt/cán bộ (cao hơn mức 6,9 lượt/cán bộ của năm 2022) và tỷ suất đào tạo dành cho nhóm cán bộ không giữ chức vụ đạt 5,7 lượt/cán bộ (cao hơn mức 4,4 lượt/cán bộ của năm 2022). Số giờ đào tạo trung bình trên một cán bộ là 41 giờ/năm (từ năm 2023, VCB sử dụng cách tính số giờ đào tạo mới).

#### Không ngừng đổi mới hình thức triển khai và phương pháp đào tạo

Các chương trình đào tạo được tổ chức với các hình thức đa dạng và khai thác công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả triển khai, bao gồm đào tạo tập trung trên lớp, đào tạo trực tuyến qua câu truyền hình, MS Teams (hoặc các nền tảng trực tuyến khác), đào tạo qua kênh E-learning. Các lớp học cũng có thể kết hợp nhiều hình thức đào tạo nhằm tạo sự thuận tiện tối đa cho người học. Phương pháp đào tạo cũng được chú trọng đổi mới, lấy người học làm trung tâm, tăng cường tương tác và các hoạt động thực hành, bài tập ứng dụng có tính thực tiễn, giúp cho việc học tập đạt hiệu quả tốt hơn.

**NĂM 2023 VIETCOMBANK  
ĐÃ TỔ CHỨC**

**419** KHÓA ĐÀO TẠO

**TĂNG 10% SO VỚI 2022**

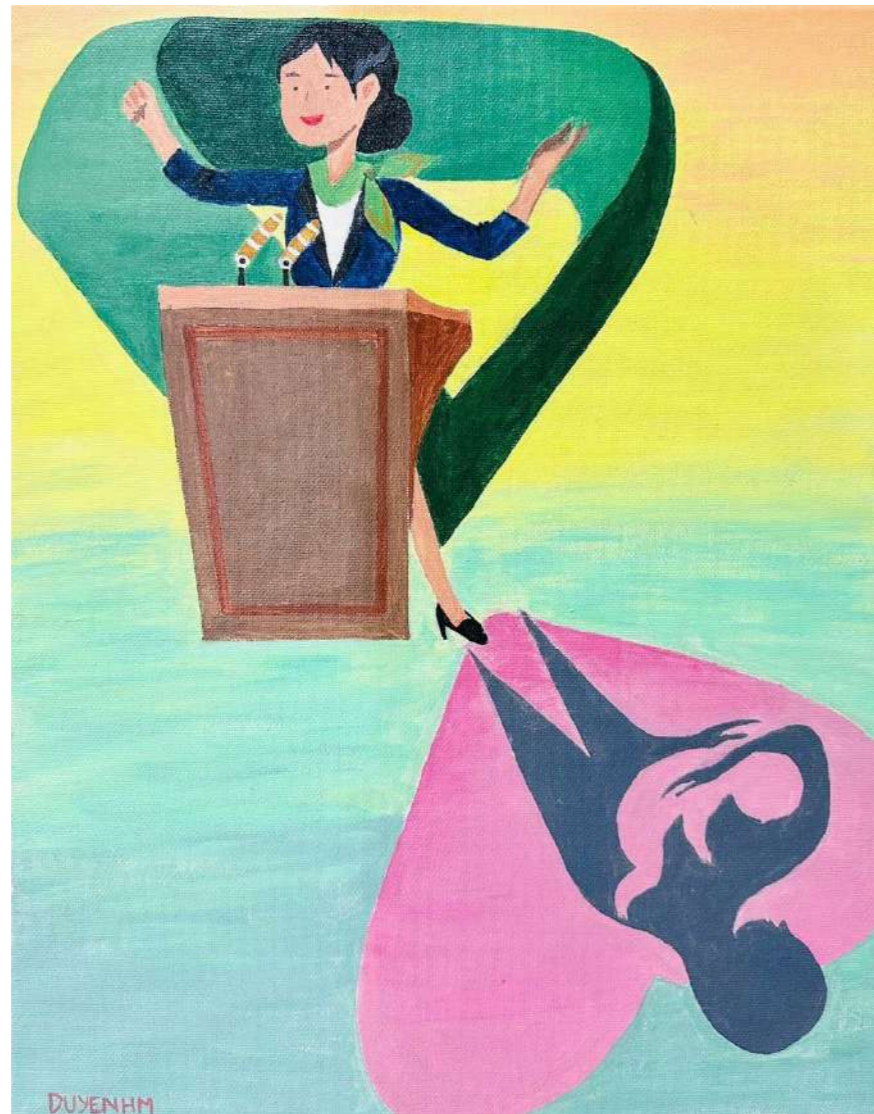
**SỐ GIỜ ĐÀO TẠO  
TRUNG BÌNH**

**41** GIỜ/NĂM

**Liên quan tới nhân quyền**

*Không phân biệt đối xử, sử dụng lao động trẻ em, lao động cưỡng bức, ép buộc*

Vietcombank luôn đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng, không có sự phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, giới tính trong tổ chức. Được thành lập từ tháng 05 năm 2005, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ Vietcombank đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong việc đưa yếu tố giới vào công tác quản trị, điều hành; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, thực hiện các văn bản chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển của Vietcombank. Đến ngày 31/12/2023, Vietcombank có 127 Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp cơ sở.



Tác phẩm tranh màu acrylic của tác giả Hoàng Mỹ Duyên (Vietcombank Đắk Lắk) tham gia cuộc thi sáng tác sản phẩm cổ động tuyên truyền về bình đẳng giới năm 2023

Đặc biệt, Vietcombank đã chú trọng đến công tác quy hoạch và bố trí cán bộ quản lý nữ. Nguồn cán bộ nữ tại Vietcombank chiếm tới hơn 60% số lượng nhân sự toàn hệ thống, trong đó tại Trụ sở chính có tới 56% cán bộ nữ được quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn năm 2021-2026, tương đương 893 người. Điều này cho thấy, sự bình đẳng giới và sự quan tâm của Ban Lãnh đạo trong việc sử dụng lao động nữ trong toàn hệ thống Vietcombank.

Bên cạnh đó, Vietcombank không sử dụng lao động trẻ em và luôn chủ động chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về lao động.

**Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội****TẶNG SỔ BHXH, THẺ BHYT**

**18** TỶ ĐỒNG

**XÂY DỰNG TRẠM Y TẾ XÃ THUẦN LỘC, HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HOÁ**

**12** TỶ ĐỒNG

**200 CĂN NHÀ CHO HỘ NGHÈO TẠI TỈNH SÓC TRĂNG**

Năm 2023, Vietcombank tiếp tục thực hiện khảo sát định đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng để từng bước cải thiện chất lượng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho cộng đồng và xã hội. Bên cạnh đó, tiếp nối và phát huy truyền thống là một ngân hàng Xanh - Vì cộng đồng, trong năm 2023, VCB đã cam kết triển khai các chương trình an sinh xã hội với tổng ngân sách 309 tỷ đồng. Trong đó ngân sách cam kết chi cho:

- Hoạt động an sinh xã hội và thiện nguyện chiếm ~40% tổng ngân sách cam kết;
- Hoạt động y tế, giáo dục, đầu tư phát triển cộng đồng chiếm ~50% tổng ngân sách cam kết;
- Hoạt động khác chiếm ~10% tổng ngân sách cam kết.

Một số hoạt động tiêu biểu như triển khai chương trình "Vietcombank chung tay vì người nghèo" 2023 và tặng sổ BHXH, thẻ BHYT cho người có hoàn cảnh khó khăn với số tiền hỗ trợ hơn 18 tỷ đồng; Tài trợ kinh phí xây dựng Trạm y tế xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa: 12 tỷ đồng; Tài trợ 200 căn nhà ở cho hộ nghèo tại tỉnh Sóc Trăng, số tiền: 10 tỷ đồng; Hỗ trợ chương trình xây dựng nhà ở cho người nghèo tại 27 xã biên giới đất liền tỉnh Nghệ An: 10 tỷ đồng; Tài trợ kinh phí xây dựng 100 ngôi nhà cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên: 8 tỷ đồng; Tài trợ kinh phí xây dựng 100 căn nhà ở cho người nghèo tại địa bàn xã Giang Lý, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa: 8 tỷ đồng; Tài trợ xây dựng trạm y tế xã An Thanh, huyện Tứ Kỳ; tỉnh Hải Dương: 5 tỷ đồng; Tài trợ kinh phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định, số tiền: 5 tỷ đồng; Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học B thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu: 10 tỷ đồng.

# CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI



## 309 TỶ ĐỒNG CHO CÔNG TÁC AN SINH XÃ HỘI TRONG NĂM 2023

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa, được triển khai trên quy mô lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội.

Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ trụ sở chính đến các chi nhánh, công ty trực thuộc trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2023, Vietcombank đã dành hơn 309 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2019 - 2023, số tiền dành cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank là hơn 1.936 tỷ đồng.

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

## ĐỐI VỚI LĨNH VỰC GIÁO DỤC

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng học chức năng hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao,... tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần quan trọng trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank đặc biệt quan tâm thông qua việc tặng hàng nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học. Hàng

năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng tặng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập (1/3/1963 - 1/4/2023) và đón nhận danh hiệu cao quý Anh hùng lao động, Vietcombank đã ra mắt Quỹ "Vững tương lai", hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, tài năng. Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thắp lên niềm tin cho những em học sinh còn nhiều khó khăn, thắp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.



**ĐỐI VỚI LĨNH VỰC Y TẾ**

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh,..., Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân, đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương. Hoạt động hiến máu tình nguyện luôn được đồng đạo

đoàn viên thanh niên, cán bộ, người lao động Vietcombank nhiệt tình tham gia.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.

**Bảng thông tin số liệu về ASXH năm 2023 và giai đoạn 5 năm 2019-2023****Tổng số liệu ASXH**

TT	NỘI DUNG	NĂM (đv: triệu đồng)	
		2023	Giai đoạn 5 năm (2019 - 2023)
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	309.233	1.936.766

**Khu vực**

TT	KHU VỰC	Năm 2023 (đv: triệu đồng)
1	Khu vực Tây Bắc	86.144
2	Khu vực Tây Nguyên	7.562
3	Khu vực Tây Nam Bộ	51.939
4	Các tỉnh/thành phố khác	163.588

**Các lĩnh vực**

TT	Mục đích tài trợ	Giá trị thực hiện năm 2023 (đ/v: triệu đồng)
1	Tài trợ cho lĩnh vực giáo dục	122.765
2	Tài trợ cho lĩnh vực y tế	34.866
3	Tài trợ cho người nghèo/xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết	126.741
4	Tặng quà cho các bà mẹ VNAH, thân nhân liệt sỹ, các công tác cho người có công	1.967
5	Tài trợ cho các lĩnh vực khác	22.894

**Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2023**

TT	Tên chương trình	Số tiền (tỷ đồng)
1	Tài trợ kinh phí xây dựng trạm y tế xã Thuận Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	12
2	Hỗ trợ chương trình xây dựng nhà ở cho người nghèo tại 27 xã biên giới đất liền tỉnh Nghệ An	10
3	Tài trợ xây dựng Trường Tiểu học B thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu	10
4	Tài trợ kinh phí xây dựng 100 ngôi nhà cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	8
5	Tài trợ kinh phí xây dựng 100 căn nhà ở cho người nghèo tại địa bàn xã Giang Ly, huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa	8
6	Tài trợ kinh phí đầu tư, sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Ân Tín, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định	5



# VI.

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về ngân hàng	144
Báo cáo của Ban Điều hành	147
Báo cáo kiểm toán độc lập	148
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	149
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	150
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	154
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	156

Tin cậy Vàng vàng  
tạo Dấu ấn

```
0011010
00110011010
1010 0110 1001 0101
1101 1100 0110 1001 11001
0010 1001 1100 1011 0100 0111
1010 0101 1011 1101 1101 0110
0110101010
1011001
```

```
1100110111
001101101001
1010 0110
1010 0101
1101 1101 1101001
0101 100010100
1011 1101
0100 0011
1101 0110
110110011110
00101000
```



44.1665

**Ngân hàng Thương mại Cổ phần  
Ngoại thương Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2023

## THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

**Giấy phép Thành lập và  
Hoạt động**

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019, Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 346/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định số 700/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với mã số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2008, cấp đổi lần thứ 17 ngày 2 tháng 1 năm 2024.

**Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất**

<b>Ông Phạm Quang Dũng</b>	Chủ tịch	Thôi đảm nhận chức vụ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024
<b>Ông Đỗ Việt Hùng</b>	Thành viên phụ trách hoạt động của HĐQT	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2024
<b>Ông Nguyễn Thanh Tùng</b>	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Ông Nguyễn Mỹ Hòa</b>	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Ông Nguyễn Mạnh Hùng</b>	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Ông Hồng Quang</b>	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Ông Shorijo Mizoguchi</b>	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Bà Nguyễn Thị Kim Oanh</b>	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023
<b>Ông Vũ Viết Ngoạn</b>	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Ông Trương Gia Bình</b>	Thành viên độc lập	Thôi đảm nhận chức vụ kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2023

**Ban Điều hành trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất**

<b>Ông Nguyễn Thanh Tùng</b>	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2023
<b>Ông Phạm Mạnh Thắng</b>	Phó Tổng Giám đốc	Nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 5 năm 2023
<b>Bà Phùng Nguyễn Hải Yến</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 6 năm 2020
<b>Bà Phùng Nguyễn Hải Yến</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 12 năm 2022
<b>Ông Lê Quang Vinh</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 12 năm 2022
<b>Ông Đặng Hoài Đức</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019
<b>Ông Shorijo Mizoguchi</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
<b>Ông Nguyễn Việt Cường</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
<b>Ông Lê Hoàng Tùng</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
<b>Ông Hồ Văn Tuấn</b>	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
<b>Bà Nguyễn Thị Kim Oanh</b>	Phó Tổng Giám đốc	Thôi đảm nhận chức vụ
<b>Ông Colin Richard Dinn</b>	Giám đốc Khối Chuyển đổi	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023
<b>Ông Trần Thanh Nam</b>	Giám đốc Khối CNTT và Giám đốc chuyển đổi số Giám đốc Đổi mới sáng tạo	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2023 Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
<b>Bà Nguyễn Thị Hồng Vân</b>	Giám đốc Khối Pháp chế và tuân thủ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2023
<b>Bà Đoàn Hồng Nhung</b>	Giám đốc Khối Bán lẻ	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023

**Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất**

<b>Ông Lại Hữu Phước</b>	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Bà La Thị Hồng Minh</b>	Thành viên	Thôi đảm nhận chức vụ kể từ ngày 24 tháng 11 năm 2023
<b>Bà Đỗ Thị Mai Hương</b>	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
<b>Bà Trần Mỹ Hạnh</b>	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023

## Kế toán Trưởng

<b>Bà La Thị Hồng Minh</b>	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023
<b>Ông Lê Hoàng Tùng</b>	Thời đảm nhận chức vụ kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2023

## Đại diện theo pháp luật

<b>Ông Nguyễn Thanh Tùng</b>	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024 Chức danh: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
<b>Ông Phạm Quang Dũng</b>	Từ ngày 30 tháng 8 năm 2021 đến ngày 1 tháng 1 năm 2024 Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị (Thời đảm nhận chức vụ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024)

## Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính

(theo Giấy Ủy quyền số 32/UQ-VCB-CSTCKT ngày 26 tháng 1 năm 2024)

Từ ngày 26 tháng 1 năm 2024

**Bà Phùng Nguyễn Hải Yến**  
Chức danh: Phó Tổng Giám đốc

## Trụ sở chính

198 Trần Quang Khải Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

## Đơn vị kiểm toán

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

## Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## Công bố của Ban Điều hành Ngân hàng

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:

**Bà Phùng Nguyễn Hải Yến**

Phó Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông  
Ngân hàng Thương mại Cổ phần  
Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 29 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 82, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

## Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

## Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm

## Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



**Đặng Phương Hà**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1  
Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 29 tháng 3 năm 2024

thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Nguyễn Văn Trung**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B02/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT-NHNN  
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	CHI TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023 (Triệu VND)	31/12/2022 (Triệu VND)
<b>A</b>	<b>TÀI SẢN</b>			
<b>I</b>	<b>Tiền mặt, vàng bạc, đá quý</b>	<b>4</b>	<b>14.504.849</b>	<b>18.348.534</b>
<b>II</b>	<b>Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")</b>	<b>5</b>	<b>58.104.503</b>	<b>92.557.809</b>
<b>III</b>	<b>Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>6</b>	<b>336.468.607</b>	<b>313.637.444</b>
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		312.001.875	283.727.719
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		30.175.707	40.749.725
3	Dự phòng rủi ro		(5.708.975)	(10.840.000)
<b>IV</b>	<b>Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>7</b>	<b>2.495.408</b>	<b>1.499.687</b>
1	Chứng khoán kinh doanh		2.511.395	1.543.575
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(15.987)	(43.888)
<b>V</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác</b>	<b>18</b>	<b>-</b>	<b>156.515</b>
<b>VI</b>	<b>Cho vay khách hàng</b>		<b>1.241.675.333</b>	<b>1.120.286.832</b>
1	Cho vay khách hàng	8	1.270.359.018	1.145.066.250
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	9	(28.683.685)	(24.779.418)
<b>VIII</b>	<b>Chứng khoán đầu tư</b>	<b>10</b>	<b>145.780.067</b>	<b>196.171.213</b>
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		67.882.480	100.739.670
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		78.009.747	95.513.376
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(112.160)	(81.833)
<b>IX</b>	<b>Góp vốn, đầu tư dài hạn</b>		<b>2.224.945</b>	<b>2.193.535</b>
2	Vốn góp liên doanh	11(a)	826.152	771.075
3	Đầu tư vào công ty liên kết	11(b)	12.073	11.314
4	Đầu tư dài hạn	11(c)	1.529.145	1.529.145
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	11(d)	(142.425)	(117.999)
<b>X</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>7.708.181</b>	<b>7.985.400</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	12	5.115.612	5.170.083
a	Nguyên giá tài sản cố định		14.714.588	13.950.174
b	Khấu hao tài sản cố định		(9.598.976)	(8.780.091)
3	Tài sản cố định vô hình	13	2.592.569	2.815.317
a	Nguyên giá tài sản cố định		4.906.881	4.789.089
b	Hao mòn tài sản cố định		(2.314.312)	(1.973.772)

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B02/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT-NHNN  
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	CHI TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023 (Triệu VND)	31/12/2022 (Triệu VND)
<b>XII</b>	<b>Tài sản Có khác</b>		<b>30.651.305</b>	<b>60.978.201</b>
1	Các khoản phải thu	14(a)	11.790.173	24.483.406
2	Các khoản lãi, phí phải thu	14(b)	9.200.022	9.209.121
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	14(c)	848.268	958.065
4	Tài sản Có khác	14(d)	8.828.305	26.339.829
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	14(d)	(15.463)	(12.220)a
	<b>TỔNG TÀI SẢN CÓ</b>		<b>1.839.613.198</b>	<b>1.813.815.170</b>
<b>B</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
<b>I</b>	<b>Các khoản nợ Chính phủ và NHNN</b>	<b>15</b>	<b>1.670.837</b>	<b>67.314.816</b>
1	Tiền gửi và vay Chính phủ và NHNN		1.670.837	67.314.816
<b>II</b>	<b>Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác</b>	<b>16</b>	<b>213.838.980</b>	<b>232.510.850</b>
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		193.963.218	222.040.585
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		19.875.762	10.470.265
<b>III</b>	<b>Tiền gửi của khách hàng</b>	<b>17</b>	<b>1.395.697.611</b>	<b>1.243.468.471</b>
<b>IV</b>	<b>Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác</b>	<b>18</b>	<b>117.752</b>	<b>-</b>
<b>V</b>	<b>Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro</b>	<b>19</b>	<b>365</b>	<b>3.298</b>
<b>VI</b>	<b>Phát hành giấy tờ có giá</b>	<b>20</b>	<b>19.912.623</b>	<b>25.337.894</b>
<b>VII</b>	<b>Các khoản nợ khác</b>		<b>43.362.364</b>	<b>109.533.756</b>
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	19.527.028	12.485.332
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	23.835.336	97.048.424
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.674.600.532</b>	<b>1.678.169.085</b>
<b>VIII</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22</b>		
1	Vốn của tổ chức tín dụng		61.696.139	53.130.392
a	Vốn điều lệ		55.890.913	47.325.166
c	Thặng dư vốn cổ phần		4.995.389	4.995.389
g	Vốn khác		809.837	809.837

# BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B02/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT-NHNN  
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	CHI TIÊU	THUYẾT MINH	31/12/2023 (Triệu VND)	31/12/2022 (Triệu VND)
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		27.447.116	22.556.958
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(983.237)	(863.071)
5	Lợi nhuận chưa phân phối		76.758.658	60.733.423
a	Lợi nhuận để lại năm trước		51.185.561	37.607.427
b	Lợi nhuận để lại năm nay		25.573.097	23.125.996
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		93.990	88.383
	<b>TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>22(a)</b>	<b>165.012.666</b>	<b>135.646.085</b>
	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.839.613.198</b>	<b>1.813.815.170</b>
	<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>			
1	Bảo lãnh vay vốn		306.384	2.151.637
2	Cam kết giao dịch hối đoái		111.435.962	83.320.732
	Cam kết mua ngoại tệ		3.375.603	1.027.038
	Cam kết bán ngoại tệ		3.798.668	1.028.925
	Cam kết giao dịch hoán đổi		104.261.691	81.264.769
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		76.546.157	84.748.838
5	Bảo lãnh khác		53.731.430	48.477.552
6	Các cam kết khác		41.472.190	35.760.608
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	45	2.424.612	1.301.468
8	Nợ khó đòi đã xử lý	46	67.906.657	60.213.929
9	Tài sản và chứng từ khác	47	575.204.402	521.264.498

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng  
Chính sách Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Bà La Thị Hồng Minh

Kế toán Trưởng

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B02/TCTD-HN  
(Ban hành theo Thông tư số  
49/2014/TT-NHNN  
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	CHI TIÊU	THUYẾT MINH	2023 (Triệu VND)	2022 (Triệu VND)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	108.122.278	88.112.700
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(54.501.409)	(34.866.222)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>		<b>53.620.869</b>	<b>53.246.478</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		12.632.739	12.425.007
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(6.853.016)	(5.585.907)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>25</b>	<b>5.779.723</b>	<b>6.839.100</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>26</b>	<b>5.660.028</b>	<b>5.768.445</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi/(lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>27</b>	<b>124.217</b>	<b>(115.194)</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>28</b>	<b>-</b>	<b>81.595</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác		4.050.144	2.928.339
6	Chi phí hoạt động khác		(1.777.975)	(874.378)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>29</b>	<b>2.272.169</b>	<b>2.053.961</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>30</b>	<b>266.456</b>	<b>208.436</b>
	<b>TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG</b>		<b>67.723.462</b>	<b>68.082.821</b>
<b>VIII</b>	<b>CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG</b>	<b>31</b>	<b>(21.914.899)</b>	<b>(21.250.512)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>		<b>45.808.563</b>	<b>46.832.309</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>32</b>	<b>(4.564.876)</b>	<b>(9.464.218)</b>
<b>XI</b>	<b>TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>41.243.687</b>	<b>37.368.091</b>
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33(a)	(8.079.401)	(8.406.860)
8	(Chi phí)/Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33(b)	(109.838)	957.823

STT	CHI TIÊU	THUYẾT MINH	2023 (Triệu VND)	2022 (Triệu VND)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		<b>(8.189.239)</b>	<b>(7.449.037)</b>
<b>XIII</b>	<b>LỢI NHUẬN SAU THUẾ</b>		<b>33.054.448</b>	<b>29.919.054</b>
<b>XIV</b>	<b>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</b>		<b>(21.245)</b>	<b>(20.040)</b>
<b>XV</b>	<b>Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng</b>		<b>33.033.203</b>	<b>29.899.014</b>
<b>XVI</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>34(c)</b>	<b>5.449</b>	<b>4.751</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng  
Chính sách Tài chính Kế toán

Bà La Thị Hồng Minh

Kế toán Trưởng

Người duyệt:

Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Phó Tổng Giám đốc

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (Phương pháp trực tiếp)

**Mẫu B02/TCTD-HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	CHI TIÊU	2023 (Triệu VND)	2022 (Triệu VND)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	108.115.649	86.084.771
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(47.454.819)	(31.709.129)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	4.100.623	5.160.000
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	5.242.957	6.001.404
05	Thu nhập/(chi phí) khác	179.388	(351.728)
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	2.090.116	2.394.744
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(19.932.948)	(19.834.116)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(8.969.967)	(3.976.351)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động</b>		<b>43.370.999</b>	<b>43.769.595</b>
<b>(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động</b>			
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	10.780.289	(15.019.465)
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	19.792.999	5.431.755
11	Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	156.515	146.687
12	Các khoản cho vay khách hàng	(125.292.768)	(184.316.295)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản cho vay	(5.758.202)	(3.530.346)
14	Tài sản hoạt động khác	30.781.829	(28.925.742)
<b>Tăng/(giảm) về nợ hoạt động</b>			
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	(65.643.979)	57.846.700
16	Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	(18.671.870)	122.753.073
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	152.229.140	108.144.558
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	(5.425.274)	7.950.797
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	(2.933)	(4.409)
20	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	117.752	-
21	Công nợ hoạt động khác	(72.173.193)	71.713.235
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(2.802.834)	(2.538.654)

STT	CHI TIÊU	2023 (Triệu VND)	2022 (Triệu VND)
<b>I</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (cho)/từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(38.541.530)</b>	<b>183.421.489</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	Mua sắm tài sản cố định	(1.008.160)	(711.567)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.435	15.753
03	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(6.770)	(4.808)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	-	201.899
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	135.403	106.555
10	Tiền thu từ cổ tức đã có quyết định từ năm trước	10.685	-
<b>II</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần cho hoạt động đầu tư</b>	<b>(859.407)</b>	<b>(392.168)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
04	Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(15.627)	(3.348.022)
<b>III</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần cho hoạt động tài chính</b>	<b>(15.627)</b>	<b>(3.348.022)</b>
<b>IV</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(39.416.564)</b>	<b>179.681.299</b>
<b>V</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm</b>	<b>412.235.294</b>	<b>232.553.995</b>
<b>VII</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 35)</b>	<b>372.818.730</b>	<b>412.235.294</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

**Bà Nguyễn Thị Thu Hương**

Phó phòng  
Chính sách Tài chính Kế toán

Người duyệt:

**Bà La Thị Hồng Minh**

Kế toán Trưởng

**Bà Phùng Nguyễn Hải Yến**

Phó Tổng Giám đốc

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

**Mẫu B02/TCTD-HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

### Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam ("Ngân hàng") được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại Nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNNVN") cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2008, cấp đổi lần thứ 17 ngày 2 tháng 1 năm 2024.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định

số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019, Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 346/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định số 700/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2022 và Quyết định số 1788/QĐ/NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023 của NHNNVN sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung hoạt động của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của pháp luật; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNNVN quy định.

### Vốn điều lệ

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh

nghiệp với mã số 0100112437 cấp đổi lần thứ 17 ngày 2 tháng 1 năm 2024 và nội dung sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023, vốn điều lệ của Ngân hàng là 55.890.912.620.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Số cổ phần của Nhà nước	4.180.828.481	74,80%	3.540.074.921	74,80%
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	838.372.264	15,00%	709.883.374	15,00%
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	569.890.517	10,20%	482.558.276	10,20%
	<b>5.589.091.262</b>	<b>100%</b>	<b>4.732.516.571</b>	<b>100%</b>

### Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Vietcombank, hai (2) Trung tâm xử lý tiền mặt, một trăm hai mươi sáu (126) chi nhánh trên toàn

quốc, bốn (4) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, hai (2) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

#### Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của NHNNVN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép số 03/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 1 năm 2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN")	Chứng khoán	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông ("Vinafico")	Giấy phép hoạt động số 58327 ngày 10 tháng 2 năm 1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank	Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20 tháng 9 năm 2017 và sửa đổi lần gần nhất ngày 3 tháng 1 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Chuyển tiền kiều hối	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25 tháng 5 năm 2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và sửa đổi lần gần đây nhất ngày 1 tháng 3 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70%



Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “Vietcombank”.

#### Công ty liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanh	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và Giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu Tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 và Giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 28/GPĐC-UBCK ngày 25 tháng 4 năm 2023	Quản lý quỹ đầu tư	51%

#### Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 4 tháng 3 năm 2002	Cho thuê văn phòng	16%

#### Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Vietcombank có 23.493 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 22.599 nhân viên).

## 2. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1(d). Ngân hàng lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng

dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”). Cũng theo quy định tại Thông tư 96, Ngân hàng cũng đã lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“Báo cáo tài chính riêng”) được phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2024.

#### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

#### Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Vietcombank sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoại trừ:

*Thông tư số 02/2023/TT-NHNN quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn (“Thông tư 02”)*

Ngày 23 tháng 4 năm 2023, NHNNVN ban hành Thông tư 02 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng với các nội dung chính bao gồm:

- Phạm vi và điều kiện đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ, hạch toán lãi dự thu và trích lập dự phòng đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thông tư 02 có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 4 năm 2023.

## Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo các tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

## Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

### Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

### Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát

đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp này và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

## Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNN, tín phiếu Kho bạc và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi hoặc cho vay, các khoản đầu tư chứng khoán có

thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

## Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quy định của NHNNVN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội) là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

## Cho vay khách hàng

### Dư nợ cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

### Phân loại nợ

*Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021*

Vietcombank thực hiện phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11"). Theo đó, Vietcombank trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(i).

Theo Thông tư 11, Vietcombank không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 ("Thông tư 09").

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Vietcombank đã được NHNNVN chấp thuận thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005. Tuy nhiên, theo Thông tư 02, Vietcombank phải thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 02. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 02 khác nhau thì khoản nợ phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Vietcombank sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Vietcombank điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

*Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021*

Vietcombank thực hiện việc phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng theo quy định tại Thông tư 11.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Vietcombank đã được NHNNVN chấp thuận thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005. Theo Thông tư 11, Vietcombank tiếp tục thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo văn bản chấp thuận của NHNNVN và thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 11. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 11 khác nhau

thì khoản nợ được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Vietcombank sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam ("CIC") cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Vietcombank điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid - 19

*Trước ngày 17 tháng 5 năm 2021*

Vietcombank đã áp dụng Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNNVN ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2020 quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Theo đó, đối với các khách hàng có các khoản nợ phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020

đến ngày liền kề sau 3 tháng kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ công bố hết dịch Covid-19, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Vietcombank được phép cơ cấu lại thời gian trả nợ cho các khoản nợ này mà vẫn giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày 23 tháng 1 năm 2020.

*Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021 đến trước ngày 7 tháng 9 năm 2021*

Vietcombank áp dụng Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2021 ("Thông tư 03") do NHNNVN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 10 tháng 6 năm 2020 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Vietcombank được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại nợ theo Thông tư 02 như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 23/1/2020		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại <b>tại thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.</b>
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/03/2020	
Từ 23/1/2020 đến trước 10/6/2020	Từ 23/1/2020 đến 31/12/2021	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 31/12/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại <b>thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.</b>
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	

*Từ ngày 7 tháng 9 năm 2021*

Vietcombank áp dụng Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ngày 7 tháng 9 năm 2021 ("Thông tư 14") do NHNNVN ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01. Theo đó, đối với khách hàng có các khoản nợ phát sinh trước ngày 1 tháng 8 năm 2021 và phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong thời gian từ ngày 23 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022, và các khách hàng này không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận cho vay đã ký do doanh thu, thu nhập sụt giảm bởi ảnh hưởng của dịch Covid-19, thì Vietcombank được phép cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

Thời điểm phát sinh khoản nợ	Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ	Tình trạng quá hạn	Khoảng thời gian phát sinh quá hạn	Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ
Trước 23/1/2020		Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 30/3/2020 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại <b>thời điểm gần nhất trước ngày 23/1/2020.</b>
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến 29/3/2020	
Từ 23/1/2020 đến trước 1/8/2021	Từ 23/1/2020 đến 30/6/2022	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 17/5/2021 đến trước 17/7/2021 hoặc từ 7/9/2021 đến 30/6/2022	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại <b>thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu.</b>
		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	
Trước 23/1/2020		Quá hạn	Từ 23/1/2020 đến trước 17/5/2021	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại <b>thời điểm gần nhất trước ngày khoản nợ bị chuyển quá hạn.</b>
		Quá hạn	Từ 17/7/2021 đến trước 7/9/2021	

Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Vietcombank cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành: Vietcombank thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 11, trong đó có tính đến tổng số lần cơ cấu lại thời hạn trả nợ đã thực hiện (không phụ thuộc khoản nợ đã vượt qua thời gian thử thách hay chưa).

*Phân loại nợ cho các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư số 02/2023/TT-NHNN*

*Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023*

Vietcombank áp dụng Thông tư số 02/2023/TT-NHNN ngày 24 tháng 4 năm 2023 ("Thông tư 02") do NHNNVN ban hành quy định về việc tổ chức tín

dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn. Theo đó, Vietcombank xem xét thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung) trên cơ sở đề nghị của khách hàng và đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

- Dư nợ gốc phát sinh trước ngày 24/4/2023 và từ hoạt động cho vay, cho vay tài chính;
- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24/4/2023 đến hết ngày 30/6/2024;

- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến mười (10) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận;
- Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm so với doanh thu, thu nhập tại phương án trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận;
- Khách hàng có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại;
- Khoản nợ không vi phạm quy định pháp luật.

**Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể***Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021*

Theo quy định của Thông tư 02, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi quý được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng đối với quý cuối cùng của kỳ kế toán năm, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được tính dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ hai quý cuối cùng của kỳ kế toán năm) trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

*Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021*

Theo quy định của Thông tư 11, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với số dư nợ gốc sau khi trừ đi khấu trừ của tài sản bảo đảm:

	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19, Vietcombank xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn

bộ dư nợ của khách hàng có dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 03) như sau:

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Thời hạn trích
Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02, Vietcombank xác định và ghi nhận số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với toàn

bộ dư nợ của khách hàng có dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 02) như sau:

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Thời hạn trích
Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2023
Trích thêm số còn lại để đủ 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2024

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Vietcombank đã trích lập 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí nhằm hỗ

trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19 và các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02 nêu trên.

**Dự phòng rủi ro tín dụng chung***Trước ngày 1 tháng 10 năm 2021*

Vietcombank trích lập khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của mỗi quý (riêng quý cuối cùng của kỳ kế toán năm, dự phòng rủi ro tín dụng chung được trích lập với mức bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày làm việc cuối cùng của tháng thứ hai quý cuối cùng của kỳ kế toán năm) của các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4.

*Từ ngày 1 tháng 10 năm 2021*

Vietcombank trích lập một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4.

**Xử lý nợ xấu**

Theo Thông tư 11, Vietcombank sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

**Các khoản đầu tư****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro và dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập dựa trên quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn

thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 48") và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 ("Thông tư 24").

Dự phòng rủi ro tín dụng của trái phiếu doanh nghiệp (bao gồm cả trái phiếu do TCTD khác phát hành) chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom tuân thủ theo Thông tư 11.

Dự phòng chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

#### Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

#### *Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán*

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng

khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

#### *Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn*

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được. Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

#### *Dự phòng chứng khoán đầu tư*

Các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết ngoại trừ trái phiếu do TCTD phát hành được phân loại và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 11 như được trình bày tại Thuyết minh 2(i). Đối với các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác, dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập nếu giá thị trường của chứng khoán bị giảm xuống thấp hơn giá gốc. Đối với các khoản chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác, dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Vietcombank khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Theo quy định tại Thông tư 24, Vietcombank dùng trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương từ năm tài chính 2022.

#### Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm chứng khoán vốn, các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác có thời hạn nắm giữ, thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (ngoài các khoản góp vốn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và công ty con).

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập nếu tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước mà Vietcombank đang sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Vietcombank theo quy định của Thông tư 48. Theo đó, mức trích dự phòng cho khoản đầu tư là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở TCKT nhận vốn góp và vốn chủ sở hữu thực có của TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Ngân hàng tại TCKT nhận vốn góp. Đối với khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết hoặc giá thị trường của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của chứng khoán.

#### Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

#### Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng từ 1 năm trở lên;

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất của kỳ phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

## Tài sản cố định vô hình

### Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;

- Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất;
- Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không được trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

### Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong vòng 3 - 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

tài sản Có chưa đến hạn thanh toán nhưng Vietcombank thu thập được các bằng chứng xác định TCKT đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Vietcombank yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Vietcombank khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

## Tài sản Có khác

Ngoại trừ các khoản phải thu về doanh thu mà không thu được như trình bày tại Thuyết minh 2(u)(iv), đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"). Theo đó, các tài sản Có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với các

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(i).

## Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

## Tiền gửi của khách hàng

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc

## Phát hành giấy tờ có giá

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

## Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên ("người lao động đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Vietcombank phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó.

## Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận là khoản mục nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Vietcombank sử dụng theo mục đích quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 ("Nghị định 93").

## Vốn và các quỹ

### Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

### Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

### Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng, Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank ("VCBL") và Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào ("VCB Lào") dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị (không áp dụng việc trích quỹ này với VCB Lào). Theo quy định tại Nghị định 93, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL.
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị. Nghị định 93 và các quy định của Lào không quy định về mức tối đa của quỹ này.
- Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng Thành viên và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối.

### Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Khoản mục này bao gồm các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang VND cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

### Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức bằng tiền mặt

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán theo phương pháp dự thu.

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác lập.

## Doanh thu và chi phí

### Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn được trình bày tại Thuyết minh 2(i). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

### Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư 200, các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

### Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2018, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đơn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập từ hoạt động khác.

## Thuê tài sản

### Đi thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

### Cho thuê

Vietcombank ghi nhận giá trị tài sản cho thuê tài chính là khoản cho vay khách hàng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất bằng giá trị đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính. Các khoản cho thuê tài chính được ghi nhận là khoản dư nợ gốc cho vay khách hàng và thu nhập từ các khoản mục này được ghi nhận là các khoản "Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự". Vietcombank phân bổ thu nhập từ cho thuê tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê

và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại nợ cho các khoản cho thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 11 từ ngày 1 tháng 10 năm 2021 và Điều 10 của Thông tư 02 đến trước ngày 1 tháng 10 năm 2021.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

## Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

## Các bên liên quan

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu,

em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng; và
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Ngân hàng. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên liên quan của Vietcombank.

## Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu

## Các khoản mục ngoại bảng

### Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao

ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

## Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

## Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo

lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 11, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng cho mục đích quản lý (Thuyết minh 2(i)).

## Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

## Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong kỳ chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh hồi tố cho kỳ báo cáo hiện tại và kỳ báo cáo so sánh được trình bày số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.



### 3. TRÌNH BÀY CÔNG CỤ TÀI CHÍNH THEO THÔNG TƯ SỐ 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

<p>Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tiền;</li> <li>• Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước;</li> <li>• Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác;</li> <li>• Cho vay khách hàng;</li> <li>• Chứng khoán kinh doanh;</li> <li>• Chứng khoán đầu tư;</li> <li>• Góp vốn, đầu tư dài hạn;</li> <li>• Các tài sản phái sinh; và</li> <li>• Các tài sản tài chính khác.</li> </ul>	<p>Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước;</li> <li>• Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác;</li> <li>• Tiền gửi của khách hàng;</li> <li>• Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro;</li> <li>• Phát hành giấy tờ có giá;</li> <li>• Các khoản nợ phải trả phái sinh; và</li> <li>• Các khoản nợ phải trả tài chính khác.</li> </ul>
--	--

#### Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ riêng cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210").

<p>Tài sản tài chính được phân loại thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tài sản tài chính kinh doanh;</li> <li>• Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;</li> <li>• Các khoản cho vay và phải thu; và</li> <li>• Tài sản sẵn sàng để bán.</li> </ul>	<p>Nợ phải trả tài chính được phân loại thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và</li> <li>• Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.</li> </ul>
---	--

#### Ghi nhận

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Vietcombank tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Vietcombank ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

#### Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

#### Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 43(b).

Việc trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày tại Thuyết minh 43(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa

các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

### 4. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	11.729.516	14.798.349
Tiền mặt bằng ngoại tệ	2.774.853	3.549.739
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	480	446
	<b>14.504.849</b>	<b>18.348.534</b>

### 5. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	57.937.612	92.451.768
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	166.891	106.041
	<b>58.104.503</b>	<b>92.557.809</b>

(i) Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc ("DTBB") và số dư tiền gửi thanh toán vượt DTBB.

Số dư bình quân tài khoản thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong kỳ. Dự trữ bắt buộc trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc được tính bằng cách lấy tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định đối với Ngân hàng theo từng loại tiền gửi trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc nhân với số dư bình quân tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng trong kỳ xác định dự trữ bắt buộc tương ứng theo từng loại tiền gửi.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm theo quy định như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2023	31/12/2022
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2023	31/12/2022
Trong DTBB bằng VND	0,5%/năm	0,5%/năm
Trong DTBB bằng USD	0%/năm	0%/năm
Vượt DTBB bằng VND	0%/năm	0%/năm
Vượt DTBB bằng USD	0%/năm	0%/năm

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm số dư tiền gửi vốn pháp định bằng Kíp Lào (\*LAK\*), số dư DTBB và số dư tiền gửi thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2023	31/12/2022
Tiền gửi bằng LAK	8%	5%
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác	10%	5%

## 6. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác</b>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	40.341.525	43.785.687
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	41.896.982	67.839.420
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	201.520.690	134.985.297
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	28.242.678	37.117.315
	<b>312.001.875</b>	<b>283.727.719</b>
<b>Cho vay các tổ chức tín dụng khác</b>		
Cho vay bằng VND	27.702.555	38.642.157
Cho vay bằng ngoại tệ	2.473.152	2.107.568
	<b>30.175.707</b>	<b>40.749.725</b>
Dự phòng rủi ro	(5.708.975)	(10.840.000)
	<b>336.468.607</b>	<b>313.637.444</b>

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	231.054.493	181.762.038
Nợ có khả năng mất vốn	6.200.000	11.000.000
	<b>237.254.493</b>	<b>192.762.038</b>

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	10.840.000	3.952.781
Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(5.131.025)	6.887.219
	<b>5.708.975</b>	<b>10.840.000</b>

## 7. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Chứng khoán nợ</b>		
Trái phiếu Chính phủ	669.306	357.773
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	1.393.698	693.769
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	186.218	345.925
<b>Chứng khoán vốn</b>		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	13.454	12.531
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	248.719	133.577
	<b>2.511.395</b>	<b>1.543.575</b>
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(15.987)	(43.888)
	<b>2.495.408</b>	<b>1.499.687</b>

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Chứng khoán nợ</b>	<b>2.249.222</b>	<b>1.397.467</b>
Đã niêm yết	669.307	357.773
Chưa niêm yết	1.579.915	1.039.694
<b>Chứng khoán vốn</b>	<b>262.173</b>	<b>146.108</b>
Đã niêm yết	221.457	105.392
Chưa niêm yết	40.716	40.716
	<b>2.511.395</b>	<b>1.543.575</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	43.888	56.433
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (Thuyết minh 27)	(27.901)	21.006
Điều chỉnh khác	-	(33.551)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>15.987</b>	<b>43.888</b>

## 8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	1.258.418.586	1.136.450.786
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	3.396.873	2.908.120
Cho thuê tài chính	6.055.394	4.991.115
Các khoản trả thay khách hàng	1.646.618	7.409
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	841.547	708.820
	<b>1.270.359.018</b>	<b>1.145.066.250</b>

Phân tích dư nợ theo chất lượng nợ cho vay như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.252.344.351	1.133.162.470
Nợ cần chú ý	5.559.700	4.083.359
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.737.243	414.767
Nợ nghi ngờ	2.876.975	782.370
Nợ có khả năng mất vốn	7.840.749	6.623.284
	<b>1.270.359.018</b>	<b>1.145.066.250</b>

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Nợ ngắn hạn	790.604.807	651.421.776
Nợ trung hạn	46.175.347	41.726.956
Nợ dài hạn	433.578.864	451.917.518
	<b>1.270.359.018</b>	<b>1.145.066.250</b>
	<b>1.270.359.018</b>	<b>1.145.066.250</b>

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Doanh nghiệp nhà nước	80.144.585	63.930.380
Công ty trách nhiệm hữu hạn	207.339.020	203.088.337
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	109.476.021	85.943.755
Hợp tác xã và công ty tư nhân	1.212.185	2.289.294
Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	566.326.189	540.349.776
Khác	305.861.018	249.464.708
	<b>1.270.359.018</b>	<b>1.145.066.250</b>

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Sản xuất và gia công chế biến	280.386.148	243.683.447
Thương mại, dịch vụ	204.168.323	184.463.459
Xây dựng	81.091.024	75.113.942
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	54.975.004	58.615.950
Nông, lâm, thủy hải sản	38.732.650	36.100.729
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	33.448.171	31.585.533
Khai khoáng	20.413.414	19.084.011
Nhà hàng, khách sạn	19.622.160	18.278.882
Các ngành khác	537.522.124	478.140.297
	<b>1.270.359.018</b>	<b>1.145.066.250</b>

## 9. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Dự phòng chung	9.370.030	8.468.771
Dự phòng cụ thể	19.313.655	16.310.647
	<b>28.683.685</b>	<b>24.779.418</b>

Biến động trong năm của dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	8.468.771	7.054.861
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	904.282	1.416.142
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(3.023)	(2.232)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.370.030</b>	<b>8.468.771</b>

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	16.310.647	18.685.423
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	8.761.292	1.167.748
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(5.758.202)	(3.530.346)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(82)	(12.178)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>19.313.655</b>	<b>16.310.647</b>

## 10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	67.882.480	100.739.670
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	77.897.587	95.431.543
	<b>145.780.067</b>	<b>196.171.213</b>

## Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>		
Trái phiếu Chính phủ	38.785.480	34.180.448
Tín phiếu NHNNVN	-	29.600.000
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	29.097.000	36.887.000
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	-	72.222
	<b>67.882.480</b>	<b>100.739.670</b>
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (i)	-	-
<b>Tổng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán</b>	<b>67.882.480</b>	<b>100.739.670</b>

## Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-
	-	-

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	86.673
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 28)	-	(86.673)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>		
Trái phiếu Chính phủ	43.724.246	37.915.262
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	24.098.000	46.589.000
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	10.187.501	11.009.114
	<b>78.009.747</b>	<b>95.513.376</b>
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	(112.160)	(81.833)
<b>Tổng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn</b>	<b>77.897.587</b>	<b>95.431.543</b>

## Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	76.409	81.833
Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	35.751	-
	<b>112.160</b>	<b>81.833</b>

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	81.833	88.724
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(5.424)	(6.891)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>76.409</b>	<b>81.833</b>

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	35.751	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>35.751</b>	<b>-</b>

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư chưa niêm yết được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	49.203.750	94.557.336
Nợ dưới tiêu chuẩn	178.751	-
	<b>49.382.501</b>	<b>94.557.336</b>

## 11. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

### Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanch (i)	Cho thuê văn phòng	52,00%	410.365	620.095
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51,00%	135.150	206.057
			<b>545.515</b>	<b>826.152</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanch (i)	52,00%	52,00%	410.365	597.319
Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	51,00%	51,00%	135.150	173.756
			<b>545.515</b>	<b>771.075</b>

Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanch và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank. Điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản "Vốn góp liên doanh" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty con".

### Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16,00%	11.110	12.073
			<b>11.110</b>	<b>12.073</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND	Giá trị ghi sổ Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16,00%	11.110	11.314
			<b>11.110</b>	<b>11.314</b>

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Thành viên nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản "Đầu tư vào công ty liên kết" thay vì phân loại vào tài khoản "Đầu tư dài hạn khác".

### Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,50%	319.908
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,35%	802.269
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	0,67%	248.770
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	0,00%	2.936
			<b>1.529.145</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 11(d))			(142.425)
			<b>1.386.720</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp (%)	Giá gốc Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,50%	319.908
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,35%	802.269
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tin dụng Việt Nam	Dịch vụ thông tin tin dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	0,67%	248.770
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	0,00%	2.936
			<b>1.529.145</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 11(d))			(117.999)
			<b>1.411.146</b>

#### Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	142.425	117.999
	<b>142.425</b>	<b>117.999</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Số dư đầu năm	117.999	75.000
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	24.426	42.999
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>142.425</b>	<b>117.999</b>

## 12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc, thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn Triệu VND	Tài sản cố định hữu hình khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	6.045.688	4.743.092	1.245.863	1.915.531	13.950.174
Tăng trong năm	36.970	351.052	374.683	169.469	932.174
<i>Mua mới</i>	<i>36.970</i>	<i>351.052</i>	<i>374.683</i>	<i>132.338</i>	<i>895.043</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>37.131</i>	<i>37.131</i>
Giảm trong năm	(47.139)	(70.440)	(29.204)	(20.977)	(167.760)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(16.438)</i>	<i>(65.786)</i>	<i>(16.426)</i>	<i>(20.780)</i>	<i>(119.430)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>(30.701)</i>	<i>(4.654)</i>	<i>(12.778)</i>	<i>(197)</i>	<i>(48.330)</i>
Số dư cuối năm	6.035.519	5.023.704	1.591.342	2.064.023	14.714.588
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	1.998.816	4.290.919	898.062	1.592.294	8.780.091
Tăng trong năm	250.740	362.966	100.976	216.117	930.799
<i>Khấu hao</i>	<i>249.577</i>	<i>362.966</i>	<i>100.976</i>	<i>214.929</i>	<i>928.448</i>
<i>Tăng khác</i>	<i>1.163</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.188</i>	<i>2.351</i>
Giảm trong năm	(5.895)	(67.842)	(16.909)	(21.268)	(111.914)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	<i>(5.836)</i>	<i>(65.786)</i>	<i>(16.426)</i>	<i>(20.623)</i>	<i>(108.671)</i>
<i>Giảm khác</i>	<i>(59)</i>	<i>(2.056)</i>	<i>(483)</i>	<i>(645)</i>	<i>(3.243)</i>
Số dư cuối năm	2.243.661	4.586.043	982.129	1.787.143	9.598.976
<b>Giá trị còn lại</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>4.046.872</b>	<b>452.173</b>	<b>347.801</b>	<b>323.237</b>	<b>5.170.083</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.791.858</b>	<b>437.661</b>	<b>609.213</b>	<b>276.880</b>	<b>5.115.612</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 6.330.916 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 5.393.998 triệu VND).

### 13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

<b>W</b>	Quyền sử dụng đất (Triệu VND)	Bản quyền và bằng sáng chế (Triệu VND)	Tài sản cố định vô hình khác (Triệu VND)	Tổng cộng (Triệu VND)
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	2.504.743	2.232.088	52.258	4.789.089
Tăng trong năm	91	93.703	25.930	119.724
<i>Mua mới</i>	-	93.703	19.414	113.117
<i>Tặng khác</i>	91	-	6.516	6.607
Giảm trong năm	-	(1.881)	a	(1.932)
<i>Giảm khác</i>	-	(1.881)	(51)	(1.932)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.504.834</b>	<b>2.323.910</b>	<b>78.137</b>	<b>4.906.881</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	133.383	1.807.564	32.825	1.973.772
Tăng trong năm	14.788	320.621	5.500	340.909
<i>Hao mòn</i>	14.788	320.621	5.500	340.909
Giảm trong năm	-	(319)	(50)	(369)
<i>Giảm khác</i>	-	(319)	(50)	(369)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>148.171</b>	<b>2.127.866</b>	<b>38.275</b>	<b>2.314.312</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>2.371.360</b>	<b>424.524</b>	<b>19.433</b>	<b>2.815.317</b>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.356.663</b>	<b>196.044</b>	<b>39.862</b>	<b>2.592.569</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được hao mòn hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 1.746.545 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.041.279 triệu VND).

### 14. TÀI SẢN CÓ KHÁC

#### Các khoản phải thu

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	745.917	2.590.521
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	11.044.256	21.892.885
	<b>11.790.173</b>	<b>24.483.406</b>

#### Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	867.412	874.302
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	380.837	271.746
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh 37)	522.559	45.670
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Thuyết minh 37)	11.266	10.789
Tạm ứng thuế khác (Thuyết minh 37)	2	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	412.334	241.910
Phải thu trong thanh toán Thư tín dụng được thanh toán trước hạn	7.280.694	17.041.450
Các khoản phải thu khác	1.569.152	3.407.016
	<b>11.044.256</b>	<b>21.892.885</b>

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>412.334</b>	<b>241.910</b>
<i>Trong đó, những dự án lớn:</i>	<i>301.827</i>	<i>126.379</i>
Dự án trụ sở Chi nhánh Vũng Tàu	85.049	18.178
Dự án trụ sở Chi nhánh Thái Bình	70.698	17.983
Dự án trụ sở Chi nhánh Tân Định	38.884	5.070
Dự án trụ sở Chi nhánh Bình Dương	25.384	2.567
Dự án trụ sở Chi nhánh Hoàn Kiếm	21.432	18.117
Dự án trụ sở Chi nhánh Đông Bình Dương	19.778	1.707
Dự án trụ sở Chi nhánh Phú Thọ	14.193	24.016
Dự án trụ sở Chi nhánh Đồng Tháp	10.702	19.136
Dự án trụ sở Chi nhánh Bạc Liêu	8.380	10.824
Dự án trụ sở Chi nhánh Lào Cai	3.126	5.028
Dự án Trung tâm số hóa và kho lưu trữ Bắc Ninh	2.371	2.311
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.830	1.442



## Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Từ cho vay khách hàng	3.929.944	4.061.964
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	996.933	871.211
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	3.635.936	3.833.550
Từ các giao dịch phái sinh	629.798	440.092
Phí phải thu	7.411	2.304
	<b>9.200.022</b>	<b>9.209.121</b>

## Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	848.268	958.065

## Tài sản Có khác

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	923.766	910.960
Vật liệu	191.365	154.678
Tạm ứng thanh toán thẻ	2.430.000	4.340.977
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	825.180	700.787
Tài sản Có khác	4.457.994	20.232.427
	<b>8.828.305</b>	<b>26.339.829</b>
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(15.463)	(12.220)
	<b>8.812.842</b>	<b>26.327.609</b>

## 15. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Vay Ngân hàng Nhà nước</b>	<b>900.956</b>	<b>1.253.828</b>
Vay theo hồ sơ tín dụng	790.840	1.055.777
Vay khác	110.116	198.051
<b>Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước</b>	<b>769.881</b>	<b>49.548.100</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	121.426	371.652
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	648.455	455.448
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	-	48.721.000
<b>Tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	<b>-</b>	<b>16.512.888</b>
	<b>1.670.837</b>	<b>67.314.816</b>

## 16. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Tiền gửi của các TCTD khác</b>	<b>193.963.218</b>	<b>222.040.585</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	48.995.287	72.377.392
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	50.230.493	68.876.433
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	93.810.000	69.600.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	927.438	11.186.760
<b>Vay các TCTD khác</b>	<b>19.875.762</b>	<b>10.470.265</b>
Vay bằng VND	5.235.000	2.004.350
Vay bằng ngoại tệ	14.640.762	8.465.915
	<b>213.838.980</b>	<b>232.510.850</b>

## 17. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Tiền gửi không kỳ hạn</b>	<b>461.311.977</b>	<b>402.103.803</b>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	368.892.919	308.500.428
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	92.419.058	93.603.375
<b>Tiền gửi có kỳ hạn</b>	<b>904.764.077</b>	<b>821.676.266</b>
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	826.007.368	744.187.471
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	78.756.709	77.488.795
<b>Tiền gửi vốn chuyên dùng</b>	<b>17.801.433</b>	<b>9.839.982</b>
<b>Tiền gửi ký quỹ</b>	<b>11.820.124</b>	<b>9.848.420</b>
	<b>1.395.697.611</b>	<b>1.243.468.471</b>

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	701.076.891	637.317.087
Cá nhân	694.620.720	606.151.384
	<b>1.395.697.611</b>	<b>1.243.468.471</b>

## 18. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC (KHOẢN NỢ)/TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ
	Triệu VND	Công nợ Triệu VND	Triệu VND	Tài sản/(công nợ) Triệu VND
<b>Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ</b>				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	104.261.691	(22.607)	81.264.769	169.699
Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	(15.004.848)	(95.145)	22.250.388	(13.184)
	<b>89.256.843</b>	<b>(117.752)</b>	<b>103.515.157</b>	<b>156.515</b>

## 19. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	365	3.298

## 20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
<b>Chứng chỉ tiền gửi</b>	<b>8.000.115</b>	<b>11.000.115</b>
Ngắn hạn bằng VND	8.000.000	11.000.000
Trung hạn bằng VND	115	115
<b>Kỳ phiếu, trái phiếu</b>	<b>11.912.508</b>	<b>14.337.779</b>
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	31	31
Trung hạn bằng VND	-	3.393.568
Trung, dài hạn bằng ngoại tệ	14	14
Dài hạn bằng VND	11.912.416	10.944.119
	<b>19.912.623</b>	<b>25.337.894</b>

## 21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

### Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Lãi tiền gửi của khách hàng	18.776.726	11.797.019
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	76.474	131.091
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	251.361	242.622
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	422.467	311.143
Lãi phải trả khác	-	3.457
	<b>19.527.028</b>	<b>12.485.332</b>

### Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ (i)	4.519.311	24.377.682
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	14.422.343	68.546.533
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.893.682	4.124.209
	<b>23.835.336</b>	<b>97.048.424</b>

### Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	3.820.343	3.107.748
Các khoản phải trả khác	698.968	21.269.934
	<b>4.519.311</b>	<b>24.377.682</b>

### Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Thuế phải trả (Thuyết minh 37)	4.904.454	5.359.694
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	4.677.543	5.086.976
- Thuế giá trị gia tăng phải trả	57.320	57.863
- Các thuế khác phải trả	169.591	214.855
Doanh thu nhận trước chờ phân bổ	1.679.636	3.457.340
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	825.019	1.014.573
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	454.494	527.533
Các khoản khác phải trả khách hàng	3.130.640	1.139.739
Các khoản chờ thanh toán khác	236.224	355.725
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.533
Vay Bộ Tài chính	613.574	707.141
Phải trả khác	2.513.774	55.920.255
	<b>14.422.343</b>	<b>68.546.533</b>

## 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Vốn điều lệ (Triệu VND)	Thặng dư vốn cổ phần (Triệu VND)	Vốn khác (Triệu VND)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (Triệu VND)	Quỹ của tổ chức tín dụng						
					Quỹ dự phòng tài chính (Triệu VND)	Quỹ đầu tư phát triển (Triệu VND)	Tổng cộng (Triệu VND)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái (Triệu VND)	Lợi nhuận chưa phân phối (Triệu VND)	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát (Triệu VND)	Tổng cộng (Triệu VND)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2023</b>	<b>47.325.166</b>	<b>4.995.389</b>	<b>809.837</b>	<b>7.509.504</b>	<b>15.007.555</b>	<b>39.899</b>	<b>22.556.958</b>	<b>(863.071)</b>	<b>60.733.423</b>	<b>88.383</b>	<b>135.646.085</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	33.033.203	21.245	33.054.448
Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn trong kỳ	8.565.747	-	-	-	-	-	-	-	(8.565.747)	-	-
Tạm trích các quỹ DTBB trong năm 2023 của Ngân hàng	-	-	-	1.621.904	3.243.808	-	4.865.712	-	(4.865.712)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ("KTPL") trong năm 2023 của Ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.563.140)	-	(2.563.140)
Điều chỉnh trích lập các quỹ DTBB và KTPL theo Nghị quyết HĐQT của Ngân hàng	-	-	-	154	308	-	462	-	(955.224)	-	(954.762)
Trả cổ tức theo Nghị quyết của Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(15.627)	(15.627)
Trích quỹ của các Công ty con	-	-	-	6.166	12.331	-	18.497	-	(31.254)	-	(12.757)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(891)	-	(891)	-	-	-	(891)
Điều chỉnh theo Nghị quyết của Công ty con	-	-	-	-	3.877	2.501	6.378	-	(46.338)	(680)	(40.640)
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	4.021	-	4.021
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	(120.166)	-	669	(119.497)
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	15.426	-	15.426
<b>Số dư tại ngày 31/12/2023</b>	<b>55.890.913</b>	<b>4.995.389</b>	<b>809.837</b>	<b>9.137.728</b>	<b>18.266.988</b>	<b>42.400</b>	<b>27.447.116</b>	<b>(983.237)</b>	<b>76.758.658</b>	<b>93.990</b>	<b>165.012.666</b>

## Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

	31/12/2023		31/12/2022	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cổ phiếu phổ thông				
Nhà nước	41.808.285	74,80%	35.400.749	74,80%
Cổ đông chiến lược nước ngoài	251.361	242.622		
(Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	8.383.723	15,00%	7.098.834	15,00%
Các cổ đông khác	5.698.905	10,20%	4.825.583	10,20%
	<b>55.890.913</b>	<b>100%</b>	<b>47.325.166</b>	<b>100%</b>

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2023		31/12/2022	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
<b>Vốn cổ phần theo giấy phép</b>	<b>5.589.091.262</b>	<b>55.890.913</b>	<b>4.732.516.571</b>	<b>47.325.166</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.589.091.262	55.890.913	4.732.516.571	47.325.166
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	5.589.091.262	55.890.913	4.732.516.571	47.325.166

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

## 23. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng	92.462.699	75.333.189
Thu nhập từ lãi tiền gửi	6.867.361	3.774.188
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:	7.298.787	7.469.553
-từ chứng khoán đầu tư	7.200.344	7.366.362
-từ chứng khoán kinh doanh	98.443	103.191
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	485.810	355.970
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	369.129	572.041
Thu khác từ hoạt động tín dụng	638.492	607.759
	<b>108.122.278</b>	<b>88.112.700</b>

## 24. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	52.314.736	33.290.697
Chi phí lãi tiền vay	652.068	494.179
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.467.151	1.025.298
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	67.454	56.048
	<b>54.501.409</b>	<b>34.866.222</b>

## 25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động dịch vụ</b>		
Thu từ dịch vụ thanh toán	6.601.659	6.001.029
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	51.924	75.478
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	720	57.110
Thu từ dịch vụ khác	5.978.436	6.291.390
	<b>12.632.739</b>	<b>12.425.007</b>
<b>Chi phí hoạt động dịch vụ</b>		
Chi cho dịch vụ thanh toán	(5.541.242)	(4.424.834)
Chi cho dịch vụ ngân quỹ	(105.031)	(127.938)
Chi cho dịch vụ viễn thông	(152.557)	(146.125)
Chi cho nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(9.872)	(21.587)
Chi cho dịch vụ khác	(1.044.314)	(865.423)
	<b>(6.853.016)</b>	<b>(5.585.907)</b>
	<b>5.779.723</b>	<b>6.839.100</b>

## 26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	7.715.021	9.559.507
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	836.364	918.924
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	28.049	8.842
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	1.811.616	168.965
	<b>10.391.050</b>	<b>10.656.238</b>
<b>Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>		
Chi cho kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(170.887)	(2.445.062)
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.261.691)	(1.932.701)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(1.286.470)	(372.565)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	(11.974)	(137.465)
	<b>(4.731.022)</b>	<b>(4.887.793)</b>
	<b>5.660.028</b>	<b>5.768.445</b>

## 27. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	123.531	139.260
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(27.215)	(233.448)
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	27.901	(21.006)
	<b>124.217</b>	<b>(115.194)</b>

## 28. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	-	35.281
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	-	(40.359)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 10(a))	-	86.673
	<b>-</b>	<b>81.595</b>

## 29. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
<b>Thu nhập từ hoạt động khác</b>		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	2.090.116	2.394.744
Thu từ nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	1.649.614	217.602
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng rủi ro	115	-
Thu nhập khác	310.299	315.993
	<b>4.050.144</b>	<b>2.928.339</b>
<b>Chi phí hoạt động khác</b>		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(830.832)	(221.584)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(92)	(52)
Chi công tác xã hội	(332.327)	(316.342)
Chi phí khác	(614.724)	(336.400)
	<b>(1.777.975)</b>	<b>(874.378)</b>
	<b>2.272.169</b>	<b>2.053.961</b>

## 30. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 33(a)):	135.403	117.241
-Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	126.711	104.347
-Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận	8.692	12.894
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	-	69.582
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 33(a))	131.053	21.613
	<b>266.456</b>	<b>208.436</b>

## 31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	451.195	356.671
Chi phí cho nhân viên	11.718.438	10.704.534
Trong đó:		
- Chi lương và phụ cấp (Thuyết minh 36)	10.553.274	9.564.154
- Các khoản chi đóng góp theo lương	830.173	754.534
- Chi trợ cấp	5.286	6.381
Chi về tài sản	3.455.613	4.017.315
Trong đó:		
- Khấu hao tài sản cố định	1.269.357	1.345.198
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	5.284.175	5.226.349
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	880.742	802.452
Chi dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 11(d))	24.426	42.999
Chi phí hoạt động khác	100.310	100.192
	<b>21.914.899</b>	<b>21.250.512</b>

## 32. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
<b>Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác</b>		
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng (Thuyết minh 6)	(5.131.025)	6.887.219
<b>Dự phòng chung cho vay khách hàng</b>		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 9)	904.282	1.416.142
<b>Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng</b>		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 9)	8.761.292	1.167.748
<b>Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết</b>		
Hoàn nhập dự phòng chung cho chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (Thuyết minh 10(a))	-	-
Hoàn nhập dự phòng chung cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 10(b))	(5.424)	(6.891)
<b>Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết</b>		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10(b))	35.751	-
	<b>4.564.876</b>	<b>9.464.218</b>

## 33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

## Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>41.243.687</b>	<b>37.368.091</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(842.121)	(724.243)
Cổ tức nhận được trong năm (Thuyết minh 30)	(135.403)	(117.241)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh 30)	(131.053)	(21.613)
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(10.935)	12.876
Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm	39.113	4.832.253
Các khoản điều chỉnh giảm	(72.828)	(24.618)
Hoàn nhập chi phí không được khấu trừ thuế của năm trước	(518.675)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>39.571.785</b>	<b>41.325.505</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Ngân hàng (thuế suất: 20%)	7.914.357	8.265.101
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con	165.044	141.759
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng</b>	<b>8.079.401</b>	<b>8.406.860</b>

**Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	2023 Triệu VND	2022 Triệu VND
(Chi phí)/thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(109.838)	957.823

**Thuế suất áp dụng**

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 16,5% và Công ty Chuyển tiền Vietcombank có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất tại Liên Bang Mỹ, Bang California và 23 bang khác mà Công ty có hoạt động kinh doanh. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU****Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023 Triệu VND	2022 Cổ phiếu (điều chỉnh lại)	2022 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần	33.033.203	29.899.014	29.899.014
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.575.897)	(3.344.476)	(2.349.100)
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm</b>	<b>30.457.306</b>	<b>26.554.538</b>	<b>27.549.914</b>

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích lập vào thời điểm cuối năm. Do đó, lợi nhuận thuần dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng.

**Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông**

	2023 Triệu VND	2022 Cổ phiếu (điều chỉnh lại)	2022 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	4.732.516.571	3.708.877.448	3.708.877.448
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu (i)	856.574.691	1.880.213.814	1.023.639.123
<b>Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm</b>	<b>5.589.091.262</b>	<b>5.589.091.262</b>	<b>4.732.516.571</b>

Việc điều chỉnh lại tính đến ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức theo Nghị quyết số 318/NQ-VCB-HĐQT ngày 6 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng Quản trị về việc phê duyệt kế hoạch phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại năm 2019, 2020 với tỷ lệ 18.1%. Ngân hàng đã hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức này vào ngày 8 tháng 8 năm 2023.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	2023 Triệu VND	2022 (điều chỉnh lại)	2022 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.449	4.751	5.821

**35. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	14.504.849	18.348.534
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	58.104.503	92.557.809
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	300.209.378	271.728.951
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	29.600.000
	<b>372.818.730</b>	<b>412.235.294</b>

**36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN**

	2023	2022
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	23.493	22.599
<b>Thu nhập của cán bộ, công nhân viên</b>		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (Thuyết minh 31)	10.553.274	9.564.154
<b>Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)</b>	<b>37,43</b>	<b>35,27</b>

### 37. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			Số dư tại ngày 31/12/2023		
	Số dư tại ngày 1/1/2023 Triệu VND	Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Ứng trước Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	47.074	Triệu VND	(603.377)	57.320	(11.266)	46.054
Thuế TNDN	5.041.306	8.083.645	(8.969.967)	4.677.543	(522.559)	4.154.984
<b>Trong đó:</b>						
- Thuế TNDN của Vietcombank	5.041.365	8.079.401	(8.965.721)	4.677.543	(522.498)	4.155.045
- Điều chỉnh thuế các năm trước	-	4.246	(4.246)	-	-	-
- Nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico đã được Vietcombank nộp vào Ngân sách Nhà nước	(59)	(2)	-	-	(61)	(61)
Các loại thuế khác	214.853	2.029.660	(2.074.924)	169.591	(2)	169.589
	<b>5.303.233</b>	<b>10.715.662</b>	<b>(11.648.268)</b>	<b>4.904.454</b>	<b>(533.827)</b>	<b>4.370.627</b>

### 36. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Tiền gửi	231.641.742	167.169.560
Giấy tờ có giá	53.131.108	46.448.485
Bất động sản	1.624.470.066	1.560.299.529
Tài sản bảo đảm khác	348.655.700	336.270.072
	<b>2.257.898.616</b>	<b>2.110.187.646</b>

### 39. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Vietcombank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Tỷ lệ giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

### 40. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

#### Giao dịch với các bên liên quan

	Mối liên quan	2023	2022
		Triệu VND	Triệu VND
Thu nhập/(Chi phí)			
<b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	Đại diện chủ sở hữu		
Thu nhập từ lãi tiền gửi		124.874	122.037
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay		(117.202)	(76.435)
<b>Bộ Tài chính</b>	Bên liên quan của chủ sở hữu		
Chi phí lãi tiền gửi		(671.127)	(1.477.093)
Chi phí lãi tiền vay		(31.633)	(14.360)

#### Số dư với các bên liên quan

	Mối liên quan	2023	2022
		Triệu VND	Triệu VND
Phải thu/(Phải trả)			
<b>Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</b>	Đại diện chủ sở hữu		
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNNVN		57.937.612	92.451.066
Tiền gửi và tiền vay của NHNNVN tại Vietcombank		(900.956)	(17.766.716)
<b>Bộ Tài chính</b>	Bên liên quan của chủ sở hữu		
Tiền gửi tại Vietcombank		(769.881)	(49.548.100)
Vay Bộ Tài chính		(613.574)	(707.141)



#### 41. THUYẾT MINH THÙ LAO CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TIỀN LƯƠNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phát sinh và được chi trả từ quỹ lương trong năm như sau:

Chức danh		Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>			
<b>Thù lao, thưởng</b>		<b>16.784</b>	<b>18.884</b>
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT (thời đảm nhận chức vụ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024)	1.630	1.671
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT phụ trách hoạt động của HĐQT (bổ nhiệm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024)	1.630	1.671
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 30 tháng 1 năm 2023)	1.630	2.212
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	2.498	2.437
Ông Nguyễn Mỹ Hòa	Thành viên HĐQT	2.309	2.209
Ông Hồng Quang	Thành viên HĐQT	2.417	2.209
Ông Shorijo Mizoguchi	Thành viên HĐQT	2.300	2.202
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)	2.370	2.238
Ông Phạm Anh Tuấn	Thành viên HĐQT (thời đảm nhận chức vụ kể từ ngày 1 tháng 12 năm 2022)	-	2.035
<b>Thành viên Ban Kiểm soát</b>			
<b>Thù lao, thưởng</b>		<b>4.791</b>	<b>5.451</b>
<b>Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng</b>			
<b>Lương, thưởng</b>		<b>39.545</b>	<b>14.691</b>
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 5 năm 2023)	995	2.307
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	2.461	2.390
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	2.373	2.161
Ông Lê Quang Vinh	Phó Tổng Giám đốc	2.432	2.195
Ông Đặng Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	2.387	2.214
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	2.155	1.352
Ông Lê Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)	2.262	2.072
Ông Hồ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)	658	(*)

Chức danh		Năm 2023 Triệu VND	Năm 2022 Triệu VND
Ông Colin Richard Dinn	Giám đốc Khối (bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023)	15.258	(*)
Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc Khối (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)	5.006	(*)
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Giám đốc Khối (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2023)	158	(*)
Bà Đoàn Hồng Nhung	Giám đốc Khối (bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023)	1.905	(*)
Bà La Thị Hồng Minh	Kế toán trưởng (bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023)	1.495	(**)
		<b>61.120</b>	<b>39.026</b>

(\*) Căn cứ theo Điểm I, Khoản 1, Điều 1 Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết số 16/TN2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 quy định: "Người quản lý ngân hàng bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối".

(\*\*) Năm 2022, lương, thưởng của bà La Thị Hồng Minh thuộc mục Thù lao, thưởng của thành viên Ban Kiểm soát.

## 42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

## Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

		Miền Bắc(*) Triệu VND	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	148.732.308	25.825.781	77.110.648	134.801	(143.681.260)	108.122.278
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(128.733.911)	(17.631.695)	(51.764.674)	(59.195)	143.688.066	(54.501.409)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>19.998.397</b>	<b>8.194.086</b>	<b>25.345.974</b>	<b>75.606</b>	<b>6.806</b>	<b>53.620.869</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.586.749	762.007	3.341.994	115.731	(173.742)	12.632.739
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(6.690.171)	(40.698)	(117.428)	(29.875)	25.156	(6.853.016)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>1.896.578</b>	<b>721.309</b>	<b>3.224.566</b>	<b>85.856</b>	<b>(148.586)</b>	<b>5.779.723</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>3.535.191</b>	<b>255.809</b>	<b>1.848.812</b>	<b>399</b>	<b>19.817</b>	<b>5.660.028</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>131.022</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(6.805)</b>	<b>124.217</b>
<b>V</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	2.730.636	481.363	837.562	583	-	4.050.144
6	Chi phí hoạt động khác	(1.284.500)	(115.302)	(377.854)	(319)	-	(1.777.975)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>1.446.136</b>	<b>366.061</b>	<b>459.708</b>	<b>264</b>	<b>-</b>	<b>2.272.169</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>266.456</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>266.456</b>
	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>27.273.780</b>	<b>9.537.265</b>	<b>30.879.060</b>	<b>162.125</b>	<b>(128.768)</b>	<b>67.723.462</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(12.704.033)</b>	<b>(2.462.350)</b>	<b>(6.784.513)</b>	<b>(112.473)</b>	<b>148.470</b>	<b>(21.914.899)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>14.569.747</b>	<b>7.074.915</b>	<b>24.094.547</b>	<b>49.652</b>	<b>19.702</b>	<b>45.808.563</b>
<b>X</b>	<b>(Chi phí)/Hoàn nhập dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>3.748.209</b>	<b>(4.214.605)</b>	<b>(4.100.699)</b>	<b>2.219</b>	<b>-</b>	<b>(4.564.876)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>18.317.956</b>	<b>2.860.310</b>	<b>19.993.848</b>	<b>51.871</b>	<b>19.702</b>	<b>41.243.687</b>
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.501.783)	(572.062)	(3.998.548)	(7.008)	-	(8.079.401)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(109.838)	-	-	-	-	(109.838)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>(3.611.621)</b>	<b>(572.062)</b>	<b>(3.998.548)</b>	<b>(7.008)</b>	<b>-</b>	<b>(8.189.239)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>14.706.335</b>	<b>2.288.248</b>	<b>15.995.300</b>	<b>44.863</b>	<b>19.702</b>	<b>33.054.448</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Trụ sở chính của Ngân hàng thuộc khu vực miền Bắc thực hiện chi một số khoản chi phí hoạt động cho toàn hệ thống nhưng không phân bổ tới các đơn vị trong Ngân hàng.

## Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023:

		Dịch vụ tài chính ngân hàng Triệu VND	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng Triệu VND	Chứng khoán Triệu VND	Khác Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	250.211.934	667.383	857.312	66.909	(143.681.260)	108.122.278
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(197.567.231)	(294.058)	(309.152)	(19.033)	143.688.065	(54.501.409)
<b>I</b>	<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>52.644.703</b>	<b>373.325</b>	<b>548.160</b>	<b>47.876</b>	<b>6.805</b>	<b>53.620.869</b>
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12.134.282	9.194	377.753	285.253	(173.743)	12.632.739
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(6.698.882)	(1.530)	(99.832)	(77.927)	25.155	(6.853.016)
<b>II</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	<b>5.435.400</b>	<b>7.664</b>	<b>277.921</b>	<b>207.326</b>	<b>(148.588)</b>	<b>5.779.723</b>
<b>III</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối</b>	<b>5.632.505</b>	<b>7.706</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>19.817</b>	<b>5.660.028</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh</b>	<b>52.553</b>	<b>-</b>	<b>78.469</b>	<b>-</b>	<b>(6.805)</b>	<b>124.217</b>
<b>IV</b>	<b>Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
5	Thu nhập từ hoạt động khác	4.003.229	8.772	37.563	580	-	4.050.144
6	Chi phí hoạt động khác	(1.741.248)	-	(36.689)	(38)	-	(1.777.975)
<b>VI</b>	<b>Lãi thuần từ hoạt động khác</b>	<b>2.261.981</b>	<b>8.772</b>	<b>874</b>	<b>542</b>	<b>-</b>	<b>2.272.169</b>
<b>VII</b>	<b>Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần</b>	<b>257.764</b>	<b>-</b>	<b>8.692</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>266.456</b>
	<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>66.284.906</b>	<b>397.467</b>	<b>914.116</b>	<b>255.744</b>	<b>(128.771)</b>	<b>67.723.462</b>
<b>VIII</b>	<b>Chi phí hoạt động</b>	<b>(21.443.121)</b>	<b>(145.352)</b>	<b>(340.069)</b>	<b>(134.827)</b>	<b>148.470</b>	<b>(21.914.899)</b>
<b>IX</b>	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>44.841.785</b>	<b>252.115</b>	<b>574.047</b>	<b>120.917</b>	<b>19.699</b>	<b>45.808.563</b>
<b>X</b>	<b>Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng</b>	<b>(4.473.757)</b>	<b>(91.119)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(4.564.876)</b>
<b>XI</b>	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>40.368.028</b>	<b>160.996</b>	<b>574.047</b>	<b>120.917</b>	<b>19.699</b>	<b>41.243.687</b>
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(7.920.103)	(31.469)	(106.960)	(20.869)	-	(8.079.401)
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(103.735)	-	(6.103)	-	-	(109.838)
<b>XII</b>	<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>(8.023.838)</b>	<b>(31.469)</b>	<b>(113.063)</b>	<b>(20.869)</b>	<b>-</b>	<b>(8.189.239)</b>
<b>XIII</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>32.344.190</b>	<b>129.527</b>	<b>460.984</b>	<b>100.048</b>	<b>19.699</b>	<b>33.054.448</b>

### 43. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

#### Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

#### Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

				Giá trị ghi sổ – gộp				
				Cho vay và phải thu Triệu VND	Sẵn sàng để bán Triệu VND	Hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu VND	Tổng giá trị ghi sổ Triệu VND	Giá trị hợp lý Triệu VND
Kinh doanh Triệu VND				Giữ đến ngày đáo hạn Triệu VND				
<b>Tài sản tài chính</b>								
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	14.504.849	-	-	14.504.849	14.504.849
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	58.104.503	-	-	58.104.503	58.104.503
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	342.177.582	-	-	342.177.582	(*)
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	2.511.395	-	-	-	-	2.511.395	(*)
V	Cho vay khách hàng – gộp	-	-	1.270.359.018	-	-	1.270.359.018	(*)
VI	Chứng khoán đầu tư – gộp	-	78.009.747	-	67.882.480	-	145.892.227	(*)
VII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	1.529.145	-	1.529.145	(*)
VIII	Tài sản tài chính khác – gộp	-	-	24.539.444	-	-	24.539.444	(*)
		<b>2.511.395</b>	<b>78.009.747</b>	<b>1.709.685.396</b>	<b>69.411.625</b>	<b>-</b>	<b>1.859.618.163</b>	
<b>Nợ phải trả tài chính</b>								
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	215.509.817	215.509.817	(*)
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	1.395.697.611	1.395.697.611	(*)
III	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	117.752	-	-	-	-	117.752	
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	365	365	(*)
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	19.912.623	19.912.623	(*)
VI	Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	27.365.280	27.365.280	(*)
		<b>117.752</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.658.485.696</b>	<b>1.658.603.448</b>	

(\*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

## Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành

lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ – Tài sản Có ("ALCO") là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

## Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản cho vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay,

ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 11 (Thuyết minh 2(i)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, không tính đến tài sản bảo đảm hay hỗ trợ tín dụng:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Tiền gửi tại NHNN</b>	<b>58.104.503</b>	-	-	<b>58.104.503</b>
<b>Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp</b>	<b>335.977.582</b>	-	<b>6.200.000</b>	<b>342.177.582</b>
Tiền gửi tại các TCTD khác	312.001.875	-	-	312.001.875
Cho vay các TCTD khác	23.975.707	-	6.200.000	30.175.707
<b>Chứng khoán kinh doanh – gộp</b>	<b>2.249.222</b>	-	-	<b>2.249.222</b>
<b>Cho vay khách hàng – gộp</b>	<b>1.234.085.339</b>	<b>8.618.819</b>	<b>27.654.860</b>	<b>1.270.359.018</b>
<b>Chứng khoán đầu tư – gộp</b>	<b>145.713.476</b>	-	<b>178.751</b>	<b>145.892.227</b>
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	67.882.480	-	-	67.882.480
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	77.830.996	-	178.751	78.009.747
<b>Tài sản Có khác</b>	<b>24.539.444</b>	-	-	<b>24.539.444</b>
	<b>1.800.669.566</b>	<b>8.618.819</b>	<b>34.033.611</b>	<b>1.843.321.996</b>

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm Vietcombank nắm giữ tại ngày báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 38.

## Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn, đầu tư dài hạn, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản Có khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi;
- Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xếp vào thang kỳ hạn tương ứng với thời gian nắm giữ trung bình của chứng khoán kinh doanh trong vòng 3 năm tài chính liên kế;
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng chứng khoán;
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và NHNN, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định như sau:
  - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán;
  - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Quá hạn Triệu VND	Không chịu lãi Triệu VND	Dưới 1 tháng Triệu VND	Từ 1 đến 3 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 6 tháng Triệu VND	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Tài sản</b>									
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	14.504.849	-	-	-	-	-	14.504.849
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	58.104.503	-	-	-	-	58.104.503
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác - gộp	-	714.514	313.467.907	14.879.251	9.808.511	3.307.399	-	342.177.582
IV	Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	262.173	2.249.222	-	-	-	-	2.511.395
VI	Cho vay khách hàng - gộp	22.458.382	-	229.160.404	447.055.654	404.229.941	96.683.794	69.388.826	1.270.359.018
VII	Chứng khoán đầu tư - gộp	-	-	9.076.901	5.335.655	12.844.188	15.607.784	77.673.439	145.892.227
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	2.367.370	-	-	-	-	-	2.367.370
IX	Tài sản cố định	-	7.708.181	-	-	-	-	-	7.708.181
X	Tài sản Có khác - gộp	-	30.666.768	-	-	-	-	-	30.666.768
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>22.458.382</b>	<b>56.223.855</b>	<b>612.058.937</b>	<b>467.270.560</b>	<b>426.882.640</b>	<b>115.598.977</b>	<b>147.062.265</b>	<b>1.874.291.893</b>
<b>Nợ phải trả</b>									
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	210.310.694	4.408.283	766.628	24.212	-	215.509.817
II	Tiền gửi của khách hàng	-	131.310	772.395.442	207.337.800	211.311.961	197.489.909	7.002.423	1.395.697.611
III	Các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	117.752	-	-	-	-	-	117.752
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-	365	-	365
V	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	30	-	2.000.000	16.547.593	-	19.912.623
VI	Các khoản nợ phải trả khác	-	42.748.790	-	613.574	-	-	-	43.362.364
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>42.997.852</b>	<b>982.706.166</b>	<b>212.359.657</b>	<b>214.078.589</b>	<b>214.062.079</b>	<b>7.002.423</b>	<b>1.674.600.532</b>
	<b>Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng</b>	<b>22.458.382</b>	<b>13.226.003</b>	<b>(370.647.229)</b>	<b>254.910.903</b>	<b>212.804.051</b>	<b>(98.463.102)</b>	<b>140.059.842</b>	<b>25.342.511</b>
	<b>Lũy kế chênh lệch cảm với lãi suất</b>	<b>22.458.382</b>	<b>35.684.385</b>	<b>(334.962.844)</b>	<b>(80.051.941)</b>	<b>132.752.110</b>	<b>34.289.008</b>	<b>174.348.850</b>	<b>199.691.361</b>

#### Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Vietcombank cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Một số tài sản khác và nợ phải trả của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Vietcombank áp dụng tại ngày báo cáo như sau:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2023	31/12/2022
USD/VND	24.250	23.570
EUR/VND	26.955	25.280

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

		VND Triệu VND	USD Triệu VND	EUR Triệu VND	Tiền tệ khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Tài sản</b>						
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.757.311	2.076.920	329.957	340.661	14.504.849
II	Tiền gửi tại NHNN	31.993.185	26.030.277	-	81.041	58.104.503
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	269.566.836	49.707.638	3.350.783	19.552.325	342.177.582
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	2.511.395	-	-	-	2.511.395
VI	Cho vay khách hàng – gộp	1.139.628.560	127.489.312	2.399.599	841.547	1.270.359.018
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	120.448.265	25.443.962	-	-	145.892.227
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	2.367.370	-	-	-	2.367.370
IX	Tài sản cố định	7.667.432	35.869	-	4.880	7.708.181
X	Tài sản Cố khác – gộp	27.611.642	2.921.610	13.800	119.716	30.666.768
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.613.551.996</b>	<b>233.705.588</b>	<b>6.094.139</b>	<b>20.940.170</b>	<b>1.874.291.893</b>
<b>Nợ phải trả</b>						
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	150.279.955	48.662.843	1.214.763	15.352.256	215.509.817
II	Tiền gửi của khách hàng	1.214.126.217	173.286.733	4.547.718	3.736.943	1.395.697.611
III	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(7.061.835)	7.192.035	(12.490)	42	117.752
IV	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	365	-	-	-	365
V	Phát hành giấy tờ có giá	19.912.577	46	-	-	19.912.623
VI	<b>Các khoản nợ phải trả khác</b>	<b>38.532.044</b>	<b>4.246.981</b>	<b>303.693</b>	<b>279.646</b>	<b>43.362.364</b>
	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>1.415.789.323</b>	<b>233.388.638</b>	<b>6.053.684</b>	<b>19.368.887</b>	<b>1.674.600.532</b>
	<b>Trạng thái tiền tệ nội bảng</b>	<b>197.762.673</b>	<b>316.950</b>	<b>40.455</b>	<b>1.571.283</b>	<b>199.691.361</b>

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là là rủi ro phát sinh khi Vietcombank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ đó.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý và Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc) được phân loại vào thang đáo hạn đến 1 tháng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;

- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đáo hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần và tài sản cố định được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá, công cụ tài chính phái sinh, tài sản Cố khác, các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản mục đó hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ, tài khoản tiền gửi thanh toán của các TCTD khác tại Vietcombank và tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng được xếp vào thang kỳ hạn đến 1 tháng, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể được tái tục và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Trên 3 tháng Triệu VND	Đến 3 tháng Triệu VND	Đến 1 tháng Triệu VND	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng Triệu VND	Từ trên 1 năm đến 5 năm Triệu VND	Trên 5 năm Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Tài sản</b>							
I	-	-	14.504.849	-	-	-	14.504.849
II	-	-	58.104.503	-	-	-	58.104.503
III	-	-	314.182.421	13.115.910	-	-	342.177.582
IV	-	-	2.511.395	-	-	-	2.511.395
VI	6.186.525	16.271.857	103.776.538	467.511.655	183.182.791	226.499.593	1.270.359.018
VII	-	-	968.152	42.000.972	63.619.430	34.268.018	145.892.227
VIII	-	-	-	-	-	2.367.370	2.367.370
IX	-	-	-	-	-	7.708.181	7.708.181
X	-	-	6.478.321	4.473.368	2.352.195	339.281	30.666.768
<b>Tổng tài sản</b>	<b>6.186.525</b>	<b>16.271.857</b>	<b>500.526.179</b>	<b>527.101.905</b>	<b>249.154.416</b>	<b>271.182.443</b>	<b>1.874.291.893</b>
<b>Nợ phải trả</b>							
I	-	-	210.310.695	941.842	640.449	615.068	215.509.817
II	-	-	772.395.442	408.842.382	7.092.985	28.766	1.395.697.611
III	-	-	-	-	-	-	117.752
IV	-	-	-	365	-	-	365
V	-	-	907	9.488.750	300.000	10.122.966	19.912.623
VI	-	-	6.257.874	11.257.933	556.155	156.833	43.362.364
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>988.964.918</b>	<b>430.531.272</b>	<b>8.589.589</b>	<b>10.923.633</b>	<b>1.674.600.532</b>
<b>Mức chênh thanh khoản ròng</b>	<b>6.186.525</b>	<b>16.271.857</b>	<b>(488.438.739)</b>	<b>96.570.633</b>	<b>240.564.827</b>	<b>260.258.810</b>	<b>199.691.361</b>



#### 44. CÁC YẾU TỐ MANG TÍNH THỜI VỤ HOẶC CHU KỲ

##### Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Kết quả hoạt động của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

##### Thuế

Phù hợp với các quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng được tính toán và quyết toán độc lập vào cuối năm. Chi phí thuế thu nhập trong kỳ được tính dựa trên thu nhập chịu thuế với thuế suất là 20%.

##### Trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được trình bày tại Thuyết minh 2(t)(iv) sẽ được trích lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

#### 45. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Lãi cho vay chưa thu được	2.263.563	1.301.116
Lãi chứng khoán chưa thu được	159.088	-
Phí phải thu chưa thu được	1.961	352
	<b>2.424.612</b>	<b>1.301.468</b>

#### 46. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	33.850.327	29.780.833
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	34.043.288	30.420.568
Các khoản nợ khác đã xử lý	13.042	12.528
	<b>67.906.657</b>	<b>60.213.929</b>

#### 47. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	31/12/2023 Triệu VND	31/12/2022 Triệu VND
Tài sản khác giữ hộ	399.198.828	328.556.825
Tài sản thuê ngoài	(*)	(*)
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	8.530	8.530
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	175.997.044	192.699.143
	<b>575.204.402</b>	<b>521.264.498</b>

(\*) Ngân hàng chưa xác định giá trị của khoản mục này do chưa có đủ thông tin, cũng như chưa có hướng dẫn về xác định giá trị theo Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đối với các TCTD Việt Nam.

#### 48. CÁC THAY ĐỔI TRONG ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán của Vietcombank khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này so với báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### 49. CÁC THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU VIETCOMBANK

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Vietcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 so với báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

#### 50. CÁC SỰ KIỆN XẢY RA SAU NGÀY KHÓA SỔ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank và yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

#### 51. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 29 tháng 3 năm 2024.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2024

Người lập:

**Bà Nguyễn Thị Thu Hương**

Phó phòng  
Chính sách Tài chính Kế toán

Người duyệt:

**Bà La Thị Hồng Minh**

Kế toán Trưởng

**Bà Phùng Nguyễn Hải Yến**

Phó Tổng Giám đốc



## **NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84) 24 3934 3137  
Fax: (+84) 24 3826 9067  
Swift: BFTV VNVX  
Web: [www.vietcombank.vn](http://www.vietcombank.vn)